

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP HCM

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC SPKTCN TĐ ĐH (GV TCCN)
NGÀNH ĐIỆN CÔNG NGHIỆP

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2012

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC SPKTCN TĐ ĐH (GV TCCN)
NGÀNH ĐIỆN CÔNG NGHIỆP

Tên trường: Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 8) 3896 8641, (84 8) 3722 1223 **Fax:** (84 8) 3896 4922
Website: <http://www.hcmute.edu.vn> **Email:** ic@hcmute.edu.vn

Tên ngành đào tạo: Sư phạm Kỹ thuật Điện Công nghiệp (GV TCCN)
Trình độ đào tạo: Đại học
Văn bằng được cấp: Kỹ sư + Chứng chỉ sư phạm bậc 2

Loại hình đào tạo :

- ☐ Đào tạo liên thông
☒ Đào tạo chính quy

Chương trình giáo dục được tổ chức:

- ☒ Tại 1 địa điểm của trường
☐ Tại nhiều địa điểm của trường (cần liệt kê các địa điểm)
☐ Tại một hoặc một số địa điểm ngoài trường

Tình trạng của bản báo cáo:

- ☒ Tự đánh giá lần đầu
☐ Tự đánh giá lại (do lần đầu không đạt yêu cầu)
☐ Tự đánh giá để tái kiểm định

Ngày nộp báo cáo cho Dự án Phát triển GV THPT & TCCN: 27/4/2012

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2012

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

	Trang
I. PHẦN GIỚI THIỆU CHUNG	7
A. Thông tin chung về trường	7
B. Thông tin về đơn vị chịu trách nhiệm chính về chương trình giáo dục Sur phạm kỹ thuật Điện công nghiệp trình độ đại học	11
II. PHẦN TỰ ĐÁNH GIÁ	15
A. Mục đích tự đánh giá, phạm vi và Hội đồng tự đánh giá	15
B. Tóm tắt quá trình triển khai tự đánh giá	16
C. Đánh giá theo các tiêu chuẩn và tiêu chí	17
D. Kết quả đạt được và kiến nghị	90
PHỤ LỤC	93
1. Cơ sở dữ liệu về thực trạng điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình giáo dục SPKT ĐCN trình độ đại học.	PL1
2. Quyết định số 385/QĐ-ĐHSPKT-TCCB ngày 18/11/2011 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPKT TP.HCM về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình giáo dục SPKT Điện công nghiệp trình độ đại học.	PL27
3. Kế hoạch 04/KH-ĐHSPKT-QLCL ngày 14/12/2011 của Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá về Kế hoạch tự đánh giá chương trình giáo dục SPKT Điện công nghiệp trình độ đại học.	PL29
4. Quyết định số 421/QĐ-ĐHSPKT-TCCB ngày 20/12/2011 về việc thành lập Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách Hội đồng tự đánh giá chương trình giáo dục SPKT Điện công nghiệp.	PL35
5. Bảng mã các thông tin và minh chứng.	PL39
6. Phiếu đánh giá tiêu chí.	PL53
7. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình giáo dục SPKT ĐCN trình độ đại học.	PL151

I. GIỚI THIỆU CHUNG

A. Thông tin chung về trường

(Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu về thực trạng điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình giáo dục Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp trình độ đại học)

1. Tên trường: Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh
2. Tên viết tắt của trường: ĐHSPKT TP. HCM
3. Tên trước đây (nếu có):
 - Trường Đại học Giáo dục Thủ Đức.
 - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức.
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo Dục và Đào tạo
5. Địa chỉ trường: Số 1 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
6. Số điện thoại liên hệ: (84 8) 3896 8641 Số Fax: (84 8) 3896 4922
E-mail: ic@hcmute.edu.vn Website: www.hcmute.edu.vn
7. Loại hình trường:
Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐
Loại hình khác (cần ghi rõ) ...

Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của trường:

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển trên cơ sở Ban Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật thành lập ngày 05/10/1962 theo Nghị định số 1.082-GD của Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa . Ban Cao đẳng SPKT trực thuộc Nha Kỹ thuật Học vụ (Bộ Quốc gia Giáo dục) có nhiệm vụ đào tạo Giáo sư Trung học Chuyên nghiệp Đệ nhất cấp và Giáo sư Trung học Chuyên nghiệp Đệ nhị cấp hạng 4 (với văn bằng Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật Đệ nhất cấp , Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật Đệ nhị cấp). Ban Cao đẳng SPKT được sáp nhập và trực thuộc trường Đại học Giáo dục - Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức theo Sắc lệnh số 010-SL/VHGDTN ngày 11/01/1974 của Thủ tướng chánh phủ (chính quyền Sài Gòn cũ).

Ngày 27/10/1976, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 426-TTg đổi tên trường Đại học Giáo dục Kỹ thuật Thủ Đức thành Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật trực thuộc Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Trường có nhiệm vụ đào tạo giáo viên thực hành cho các trường ĐH và trường THCN, giáo viên kỹ thuật tổng hợp cho các trường phổ thông, giáo viên cho các trường đào tạo giáo viên dạy nghề. Sau đó, theo Quyết định số 72/QĐ ngày 28/01/1984 của Bộ trưởng Bộ Đại học và THCN, Trường Đại học

Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức hợp nhất với Trường Trung học Công nghiệp Thủ Đức thành Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh và theo Quyết định số 186-HĐBT ngày 12/6/1991 của Hội đồng Bộ trưởng, Trường Sư phạm Kỹ thuật Cơ giới hóa nông nghiệp (gọi tắt là Trường Sư phạm Kỹ thuật 5) được sáp nhập vào Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh. Từ ngày 27/01/1995, theo Nghị định số 16/CP của Chính phủ, Trường là thành viên của Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh. Đến ngày 10/10/2000, theo Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Trường tách khỏi Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Mục tiêu đào tạo của trường:

- Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh là trường đầu ngành trong hệ thống Sư phạm kỹ thuật Việt Nam. Trường chuyên đào tạo và bồi dưỡng giáo viên kỹ thuật, giáo viên dạy nghề có lý thuyết vững, kỹ năng thực hành cao và nghiệp vụ sư phạm giỏi ở bậc đại học cho cả nước. Là trung tâm nghiên cứu, thực tiễn trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, tiếp cận, áp dụng những phương pháp và phương tiện giảng dạy mới; nhà trường còn là nơi hỗ trợ đáng tin cậy cho các cơ sở đào tạo trong việc đổi mới phương pháp và phương tiện dạy học.
- Bên cạnh lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, nhà trường còn cung cấp nguồn nhân lực và sản phẩm khoa học công nghệ với chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ, kinh tế, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn; đáp ứng các yêu cầu của sự phát triển kinh tế- xã hội, phục vụ đắc lực cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Quy mô đào tạo của trường:

Trường có 14 khoa và 01 Bộ môn trực thuộc với trên 28.000 học sinh, sinh viên đang theo học ở 5 trình độ: thạc sĩ, đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật; gồm các loại hình đào tạo: chính quy, không chính quy:

STT	Loại hình đào tạo	Tổng số HS-SV	
		Năm 2010	Năm 2011
1	Cao học	301	330
2	Đại học chính quy	15.254	16.019
3	Đại học vừa làm vừa học	8.616	9.040
4	Đại học liên kết nước ngoài	590	502
5	Cao đẳng	1.528	1.359

6	Trung cấp chuyên nghiệp (Việt Đức)	468	325
7	Trung cấp chuyên nghiệp (THKTTH)	431	596
Tổng cộng		27.188	28.171

Hiện nay, Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tuyển sinh trình độ tiến sĩ từ năm 2012.

Chức năng - nhiệm vụ của Trường:

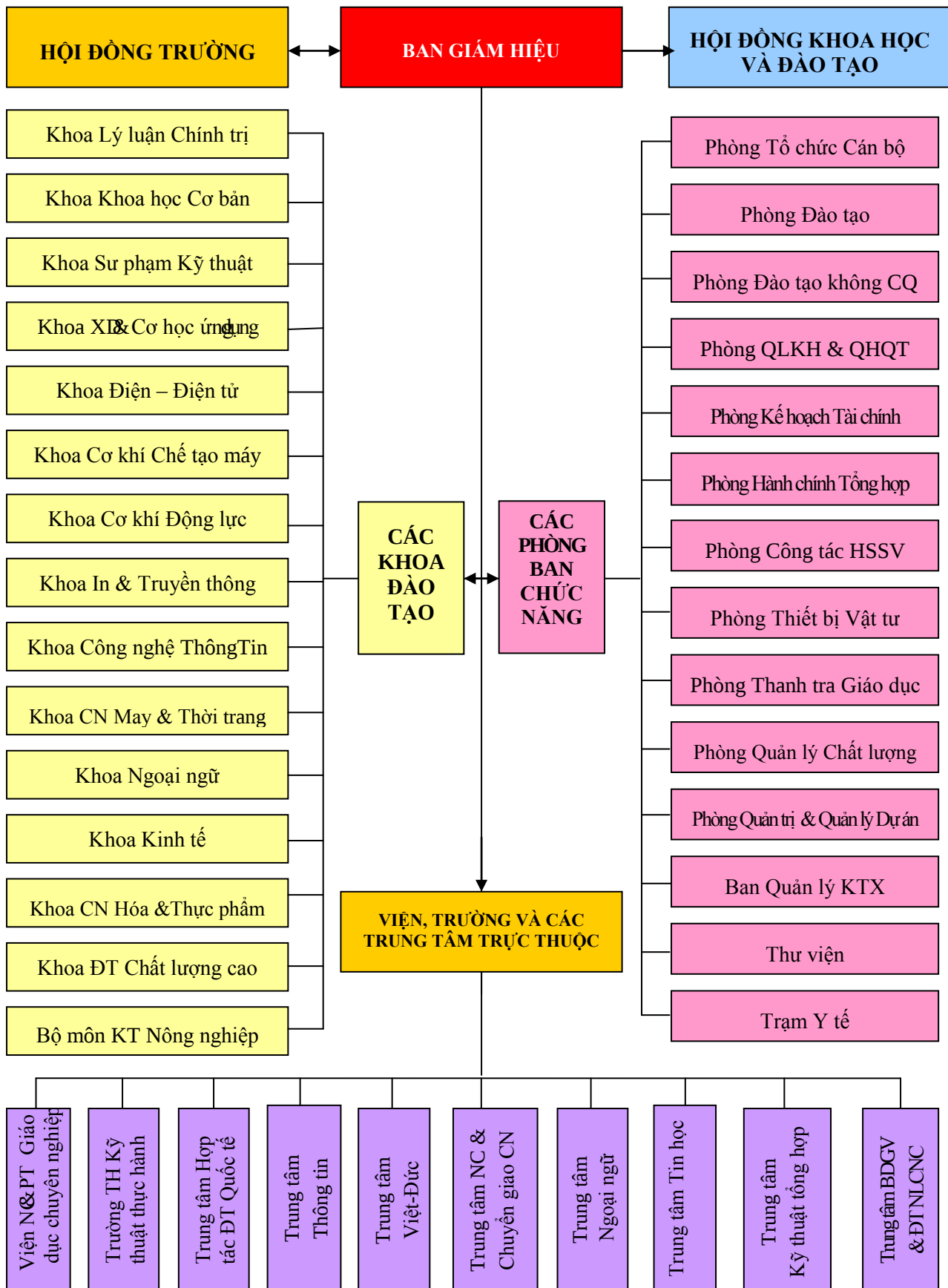
- Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên kỹ thuật cho các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, các trường phổ thông trung học.
- Đào tạo đội ngũ kỹ sư công nghệ và bồi dưỡng nguồn nhân lực lao động kỹ thuật thích ứng với thị trường lao động.
- Nghiên cứu khoa học và phục vụ sản xuất trên các lĩnh vực giáo dục chuyên nghiệp và khoa học công nghệ.
- Quan hệ hợp tác với các tổ chức, các trường đại học, viện nghiên cứu của các nước trong khu vực và thế giới.

Cơ cấu tổ chức của Trường:

Các từ viết tắt trong Sơ đồ tổ chức:

- BDGV : Bồi dưỡng giáo viên
- CG : Chuyển giao
- CN : Công nghệ
- CQ : Chính quy
- ĐT : Đào tạo
- GD : Giáo dục
- HSSV : Học sinh Sinh viên
- KT : Kỹ thuật
- KTX : Ký túc xá
- NC : Nghiên cứu
- NLCNC : Nhân lực công nghệ cao
- PT : Phát triển
- QLKH & QHQT : Quản lý khoa học và Quan hệ quốc tế
- TH : Trung học
- XD : Xây dựng

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP.HCM



B. Thông tin về đơn vị (khoa) chịu trách nhiệm chính về chương trình giáo dục SPKT ĐCN (GV TCCN) trình độ đại học:

8. Tên đơn vị chịu trách nhiệm chính về chương trình giáo dục Sư phạm Kỹ thuật Điện công nghiệp trình độ đại học:

Khoa Điện – Điện tử, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM.

9. Địa chỉ: Số 1 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

10. Số điện thoại liên hệ: (84 8) 3897 2455 Số Fax: (84 8) 3896 4922

E-mail: diendientuspkt@gmail.com Website: feee.hcmute.edu.vn

Nguồn gốc, lịch sử phát triển, chức năng, nhiệm vụ, quy mô đào tạo hiện tại của Khoa Điện – Điện tử:

Được thành lập từ năm 1976, Khoa Điện – Điện tử không ngừng phát triển và lớn mạnh về cơ sở vật chất và nhân sự. Hiện nay, Khoa có 6 bộ môn chuyên môn, 14 phòng thí nghiệm hiện đại, và 11 xưởng thực tập tay nghề với 88 cán bộ giảng dạy và 3 thư ký, trong đó có 3 phó giáo sư, 9 GVC, 5 tiến sĩ (15 nghiên cứu sinh đang học tập và nghiên cứu trong và ngoài nước) và 68 thạc sĩ. Ngoài ra, Khoa Điện – Điện tử còn được sự hỗ trợ trong giảng dạy và NCKH của đội ngũ 25 giảng viên thỉnh giảng có trình độ tiến sĩ và thạc sĩ của các trường đại học, các viện nghiên cứu.

Khoa Điện – Điện tử đang đào tạo khoảng 4500 sinh viên và học viên cao học với 2 chuyên ngành bậc cao đẳng, 5 chuyên ngành bậc đại học, 2 chuyên ngành bậc thạc sĩ và 1 chuyên ngành ở bậc tiến sĩ.

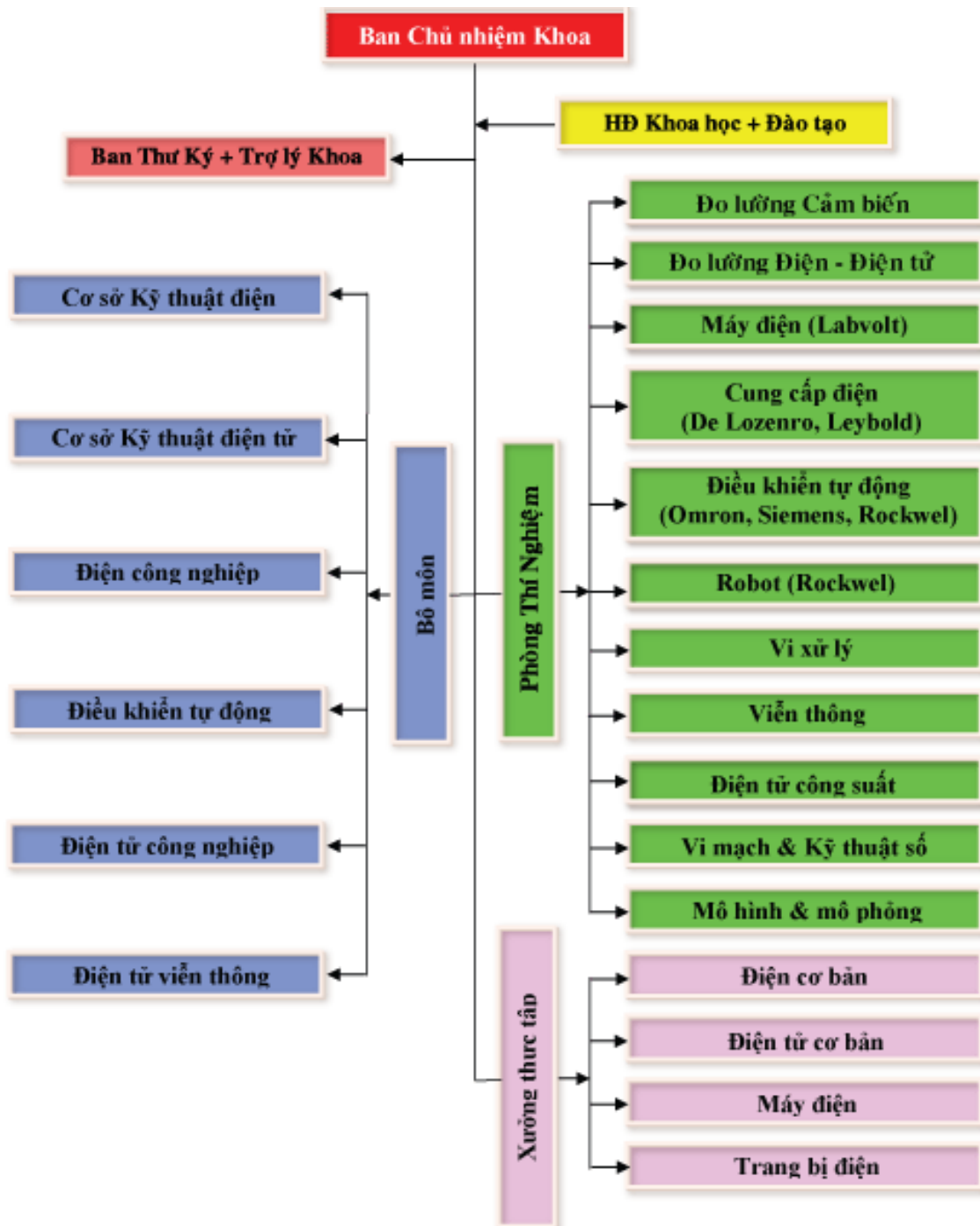
Khoa có quan hệ hợp tác đào tạo đại học 2 giai đoạn với Đại học Griffith của Úc, Đại học Sunderland của Vương Quốc Anh, Đại học National Central và Đại học Công Nghệ Chaoyang của Đài Loan và được sự hỗ trợ có hiệu quả của trên 30 cơ quan, đơn vị, các hãng sản xuất trong và ngoài nước trong lĩnh vực đào tạo, nâng cao kỹ năng thực hành cho sinh viên.

Khoảng 80% kỹ sư tốt nghiệp có việc làm phù hợp với chuyên môn sau 3 tháng. Kỹ sư tốt nghiệp từ Khoa Điện – Điện tử nằm trong đối tượng ưu tiên tuyển chọn và được đánh giá cao của các nhà tuyển dụng trong và ngoài nước, đã và đang giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các viện nghiên cứu, cơ sở giáo dục chuyên nghiệp, đặc biệt là trong các công ty, nhà máy, xí nghiệp.

Hệ đào tạo cử nhân Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp ra đời từ năm 1976 với mục tiêu đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, có tay nghề vững vàng tại các cơ sở đào tạo từ THCN, Cao đẳng đến Đại học. Hệ đào tạo cử nhân SPKT ngành Điện công nghiệp là hệ đào tạo luôn thu hút được nhiều ứng viên có điểm chuẩn cao, có năng lực tiềm tàng, có phẩm chất tốt và có hoài bão khoa học theo học.

Trong 36 năm, chương trình đã tuyển sinh được 4000 sinh viên. Hiện nay, sinh viên theo học hệ đào tạo này được hưởng nhiều ưu đãi so với sinh viên của các hệ đào tạo khác như: được miễn giảm học phí, sĩ số lớp không quá 50 SV, được cấp học bổng,...

Cơ cấu tổ chức của Khoa Điện – Điện tử:



**DANH SÁCH CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM VÀ XƯỞNG THỰC TẬP
CỦA KHOA ĐIỆN – ĐIỆN TỬ**

STT	TÊN PHÒNG THÍ NGHIỆM	KÝ HIỆU
1.	Thực tập Truyền động điện	XĐ2
2.	Thực tập Đo lường cảm biến 1	XĐ4
3.	Thực tập Đo lường điện và Thiết bị đo 1	D301
4.	Thực tập Cung cấp điện	D406
5.	Thực tập Vi xử lý 1	D501
6.	Thực tập PLC 1	D503
7.	Thực tập Điện tử công suất 1	D506
8.	Thực tập Kỹ thuật máy tính	D102
9.	PANASONIC	D205
10.	ROCKWELL	D101
11.	Thực tập Máy điện	D201
12.	Thực tập Điện tử viễn thông 1	D202
13.	Phòng GE	C101
14.	Thực tập PLD	D504
STT	TÊN XƯỞNG	KÝ HIỆU
1.	Thực tập Máy điện, Điện cơ bản 1	XĐ1
2.	Thực tập Máy điện, Điện cơ bản 2	XĐ3
3.	Thực tập Máy điện, Điện cơ bản 3	XĐ10
4.	Thực tập Điện cơ bản 1	XĐ5
5.	Thực tập Điện cơ bản 2	XĐ6
6.	Thực tập Cung cấp điện, Điện cơ bản	XĐ11
7.	Thực tập Điện tử cơ bản 1	D302
8.	Thực tập Điện tử cơ bản 3	D303
9.	Thực tập Kỹ thuật số 1	D401
10.	Thực tập Trang bị iện, Tự động hóa 1	D203
11.	Thực tập Truyền động điện - OMRON 1	D204

11. Các lãnh đạo đơn vị:

Trưởng Khoa: PGS. TS. Quyền Huy Ánh

Điện thoại: Cơ quan: 08.8972455, Di động: 0913755035

E-mail: anhspkt@yahoo.com

Phó trưởng khoa: PGS. TS. Phạm Hồng Liên

Điện thoại: Cơ quan: 08.8972455, Di động: 0982355449

E-mail: phamhonglien2005@yahoo.com

Phó trưởng khoa: TS. Trương Việt Anh

Điện thoại: Cơ quan: 08.8972455, Di động: 0913117659

E-mail: tvanhspkt@yahoo.com

Phó trưởng khoa: ThS. Hoàng Ngọc Văn

Điện thoại: Cơ quan: 08.8972455, Di động: 0903776424

E-mail: hnvann@yahoo.com

12. Tổng số cán bộ cơ hữu hiện tại của khoa: 91 (*tháng 3/2012*)

Trong đó: Nam: 67 Nữ: 24

Biên chế: 28 Hợp đồng: 63

13. Các kế hoạch, chương trình hành động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo chương trình giáo dục Sư phạm Kỹ thuật Điện công nghiệp (GV TCCN) trình độ đại học:

- Nhà trường tổ chức thi phân loại trình độ ngoại ngữ cho các sinh viên mới nhập học. Sau đó, dùng kết quả này để xây dựng phương pháp giảng dạy thích ứng với trình độ của sinh viên (theo phương thức tự nguyện đăng ký, không bắt buộc).
- Khoa Điện – Điện tử tổ chức các cuộc thi tay nghề chuyên ngành: PLC, Điện tử,... cho sinh viên.
- Nhà trường tổ chức các cuộc thi giáo viên dạy lý thuyết và thực hành giỏi cấp trường.

II. PHẦN TỰ ĐÁNH GIÁ

A. Mục đích tự đánh giá, phạm vi và Hội đồng tự đánh giá

Tự đánh giá chất lượng chương trình giáo dục là một yêu cầu cấp thiết trong hội nhập quốc tế và là một nhiệm vụ quan trọng mà Bộ Giáo Dục và Đào tạo và Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM đã đặt ra cho các khoa trực thuộc trường.

Tự đánh giá theo 7 tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo là một dịp để nhà trường và Khoa Điện – Điện tử tự đánh giá được chất lượng đào tạo. Qua đó, thấy được những mặt mạnh, những hạn chế trong công tác quản lý, trong các hoạt động chuyên môn chủ yếu của nhà trường, Khoa và nhìn nhận một cách tường minh hơn những điều kiện để đảm bảo thực hiện sứ mạng của đơn vị đang ở mức nào. Cũng từ việc tự đánh giá, đối chiếu với các tiêu chuẩn; nhà trường và Khoa sẽ đề xuất được những giải pháp khắc phục hoặc xóa bỏ những thiếu sót, yếu kém đã được phát hiện.

Hệ đào tạo cử nhân Sư phạm Kỹ thuật là một trong những chương trình đào tạo gắn liền với tên tuổi của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM. Từ khi triển khai đến nay, hệ CN SPKT đã đạt được rất nhiều thành tựu nhưng cũng có nhiều bài học cần rút kinh nghiệm. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT là cơ hội để nâng cao chất lượng đào tạo của hệ CN SPKT.

Theo các tiêu chuẩn, tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình giáo dục Sư phạm kỹ thuật công nghiệp trình độ đại học do Bộ GD &ĐT ban hành ngày 06/6/2011, nhà trường đã tập trung vào các nội dung:

- Mô tả và phân tích rõ thực trạng của chương trình đào tạo Sư phạm Kỹ thuật Điện công nghiệp từ năm 2006 đến nay.
- Tìm ra những điểm mạnh của chương trình.
- Phát hiện và chỉ ra những điểm yếu, hạn chế.
- Đưa ra kế hoạch và giải pháp phát huy thế mạnh, ưu điểm và khắc phục những điểm chưa tốt.
- Đánh giá mức độ đạt được của chương trình theo yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn.

Để triển khai, thực hiện kế hoạch tự đánh giá, nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình giáo dục cử nhân Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp. Hội đồng gồm có 15 thành viên do Hiệu trưởng làm chủ tịch, Phó Hiệu trưởng phụ trách Quản lý chất lượng và Trưởng khoa Điện – Điện tử làm phó chủ tịch Hội đồng. Các thành viên còn lại là lãnh đạo của Khoa Điện – Điện tử, Khoa Sư phạm Kỹ thuật và các phòng ban chức năng như Quản lý Chất lượng, Đào tạo, Quản lý khoa học – Quan hệ quốc tế, Tổ chức Cán bộ, Thiết bị Vật tư, Kế hoạch Tài chính, Công tác Học sinh Sinh viên và

Thư viện.

B. Tóm tắt quá trình triển khai tự đánh giá

Quá trình triển khai tự đánh giá được thực hiện từ tháng 11/2011 đến tháng 3/2012 theo Kế hoạch 04/KH-ĐHSPKT-QLCL ngày 14/12/2011 của Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá (Phụ lục 3), cụ thể như sau:

- Lãnh đạo nhà trường xác định mục đích, phạm vi, thời gian biểu và danh sách các thành viên của Hội đồng tự đánh giá chương trình giáo dục SPKT Điện Công nghiệp trình độ đại học. Thành lập Hội đồng tự đánh giá cho chương trình (Phụ lục 2).
- Tổ chức tập huấn quán triệt Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình giáo dục SPKT Điện Công nghiệp trình độ đại học, quy trình và nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, các cán bộ chủ chốt, khoa, phòng ban có liên quan.
- Hội đồng tự đánh giá thảo luận và thông qua kế hoạch tự đánh giá (Phụ lục 3).
- Thành lập Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách để giúp các thành viên của Hội đồng thực hiện trách nhiệm được giao (Phụ lục 4).
- Căn cứ vào gợi ý tìm thông tin, minh chứng của tài liệu hướng dẫn do Cục KTKĐCLGD và Dự án PTGVTHPT & TCCN tập huấn; các phòng ban, cán bộ viên chức, sinh viên nhà trường và các nhóm chuyên trách thu thập và lập bảng mã các thông tin và minh chứng (Phụ lục 5) làm cơ sở cho việc phân tích, đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn.
- Các nhóm công tác chuyên trách viết phiếu đánh giá tiêu chí (Phụ lục 6) và báo cáo tiêu chí.
- Hội đồng tự đánh giá và các cán bộ chủ chốt thẩm định /nghiệm thu các báo cáo tiêu chí và thảo luận các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai tự đánh giá. Thông qua dự thảo đề cương của báo cáo tự đánh giá.
- Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách kiểm tra lại các thông tin và minh chứng trong báo cáo.
- 02 chuyên gia tư vấn của Dự án và Hội đồng tự đánh giá thảo luận và thẩm định dự thảo báo cáo tự đánh giá.
- Tham khảo ý kiến khoa, bộ môn, phòng, ban liên quan về bản báo cáo tự đánh giá. Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến đóng góp.
- Công bố báo cáo tự đánh giá trên trang web Phòng Quản lý chất lượng và tại Khoa Điện – Điện tử. Thu thập các ý kiến đóng góp của khối giảng viên, khối nhân viên và đại diện sinh viên của chương trình đào tạo.

- Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện bản báo cáo tự đánh giá.
- Phản biện báo cáo tự đánh giá của 02 chuyên gia.
- Hoàn thiện báo cáo lần cuối và gửi báo cáo tự đánh giá về dự án Phát triển Giáo viên THPT&TCCN.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch, do Khoa Điện – Điện tử đang quá tải với nhiều dự án và các thành viên có vài tuần nghỉ Tết âm lịch, không thể tập trung đầy đủ tại Trường nên nhà trường đã điều chỉnh kế hoạch và gửi đề nghị Dự án gia hạn thời gian hoàn thành kế hoạch đến hết tháng 5/2012.

C. Đánh giá theo các tiêu chuẩn và tiêu chí

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra

Mở đầu:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục Sư phạm kỹ thuật ngành Điện công nghiệp là kim chỉ nam cho mọi hoạt động dạy và học của ngành nhằm mục đích cao nhất là đào tạo nguồn nhân lực cao đáp ứng cho nhu cầu xã hội. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh là trường đầu tiên trong cả nước công bố chuẩn đầu ra ngành Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp. Chuẩn đầu ra này thể hiện đầy đủ các yêu cầu về phẩm chất đạo đức, kiến thức và kỹ năng, khả năng học tập nâng cao trình độ và định hướng vị trí làm việc sau này.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình giáo dục sư phạm kỹ thuật công nghiệp trình độ đại học (sau đây gọi là chương trình) phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục, sứ mạng của nhà trường và yêu cầu sử dụng nhân lực của xã hội; được định kỳ rà soát và điều chỉnh.

- Phù hợp mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục;
- Phù hợp với sứ mạng của nhà trường và yêu cầu sử dụng nhân lực của xã hội;
- Được định kỳ rà soát và điều chỉnh.

1. Mô tả:

- Theo quy định của Luật giáo dục hiện hành, mục tiêu của giáo dục đại học là “giúp sinh viên nắm vững kiến thức chuyên môn và có kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo” [1.1-01]; mục tiêu của chương trình giáo dục ngành Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp trình độ đại học đã được cụ thể hóa bằng khối kiến thức cơ sở đủ sâu và rộng, học đi đôi với hành,... nhằm trang bị cho người học những kiến thức, nguyên lý, kỹ năng cơ bản và chuyên ngành trong lĩnh vực Kỹ thuật Điện – Điện tử; các kiến thức về sư phạm, có kỹ năng sư phạm nghề và kỹ năng

thực hành cao, đảm đương nhiệm vụ của người giáo viên ngành Điện công nghiệp [1.1-02].

- b. Sứ mạng của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM đã được nêu rõ trong các văn bản chính thức của trường cũng như trên website trường (www.hcmute.edu.vn) là “đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; cung cấp nguồn nhân lực và sản phẩm khoa học công nghệ chất lượng cao trong các lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, công nghệ, kinh tế, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, nghệ thuật; đáp ứng các yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ đắc lực cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.” [1.1-03]. Vì vậy, mục tiêu của chương trình giáo dục cử nhân SPKT ngành Điện công nghiệp là trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để phát triển toàn diện, có khả năng áp dụng những nguyên lý kỹ thuật cơ bản, các kỹ năng sư phạm nghề, kỹ năng thực hành cao để đảm đương công việc của người giáo viên ngành Điện công nghiệp, phù hợp với sứ mạng mà nhà trường và yêu cầu sử dụng nguồn nhân lực [1.1-02]. Tuy nhiên, việc hiện thực hóa việc trang bị kỹ năng mềm cho sinh viên vẫn còn hạn chế, chưa thường xuyên mà chủ yếu chỉ tích hợp trong các hoạt động học tập và giảng dạy các môn học lý thuyết, thực hành, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp,...
- c. Các mục tiêu của chương trình giáo dục của ngành SPKT Điện công nghiệp được định kỳ rà soát hàng năm, từ đó nhà trường và Khoa đã sửa đổi và hoàn thiện chương trình, cụ thể như: năm 2003, số tín chỉ của chương trình đào tạo là 240 tín chỉ; năm 2006, điều chỉnh xuống còn 228 tín chỉ (kể cả Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất); năm 2012, tiếp tục điều chỉnh xuống còn 150-160 tín chỉ [1.1-04]. Trong các văn bản và Hội nghị đại biểu CBVC hàng năm, các mục tiêu này cũng được tiến hành rà soát và bổ sung [1.1-05].

Quy trình rà soát các mục tiêu được tiến hành như sau:

- Tổng kết đánh giá việc thực hiện mục tiêu đào tạo của ngành SPKT Điện Công nghiệp thông qua phiếu đánh giá của cựu sinh viên, của các doanh nghiệp, của các giảng viên cơ sở đào tạo khác; phiếu đánh giá tình hình sinh viên tốt nghiệp do Phòng Công tác Học sinh Sinh viên thu thập [1.1-06];
- Phổ biến văn bản nói trên cho các bộ môn liên quan có tham gia đào tạo ngành Sư phạm Kỹ thuật Điện Công nghiệp;
- Bộ môn quản ngành xem xét, đóng góp ý kiến, kiến nghị trường về việc chỉnh sửa mục tiêu, nếu có;
- Hội đồng khoa học Trường xem xét và chỉnh sửa các mục tiêu giáo dục theo đề xuất của bộ môn và khoa quản ngành, nếu có;
- Các đơn vị thực hiện mục tiêu đào tạo ngành SPKT Điện công nghiệp mới, nếu có.

Hiện nay, Bộ môn Điện công nghiệp và Khoa Điện - Điện tử đang xây dựng mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo mới cho ngành Sư phạm Kỹ thuật Điện công nghiệp (tên mới: Sư phạm Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử) theo CDIO và sẽ áp dụng từ khóa sinh viên tuyển sinh năm 2012.

2. Điểm mạnh:

- Mục tiêu chương trình giáo dục ngành SPKT Điện công nghiệp phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật giáo dục, đáp ứng yêu cầu xã hội.
- Mục tiêu của chương trình đã được mô tả một cách rõ ràng, toàn diện và bao gồm cả 3 yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ; vừa hiện đại, vừa phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

3. Tồn tại:

Mục tiêu của chương trình chưa hướng nhiều đến việc rèn luyện các kỹ năng mềm cho sinh viên.

4. Kế hoạch hành động:

Trong chương trình đào tạo cải tiến áp dụng cho khóa 2012, Khoa Điện – Điện tử sẽ chú trọng tăng cường trang bị kỹ năng mềm cho sinh viên qua môn học “Nhập môn kỹ thuật”, các sinh hoạt ngoại khóa, sinh hoạt đoàn thể,...

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình thể hiện đầy đủ những yêu cầu cần đạt được về phẩm chất đạo đức, kiến thức, kỹ năng của người học; khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc; định hướng đến vị trí làm việc cụ thể của người học sau khi tốt nghiệp và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường.

- a. Thể hiện đầy đủ yêu cầu cần đạt được về phẩm chất đạo đức, kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành theo mục tiêu đào tạo sư phạm kỹ thuật công nghiệp trình độ đại học;
- b. Định hướng đến những vị trí làm việc cụ thể mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường;
- c. Thể hiện được đầy đủ các yêu cầu về nghiệp vụ sư phạm kỹ thuật công nghiệp trình độ đại học.

1. Mô tả:

- a. Chuẩn đầu ra thể hiện đầy đủ yêu cầu về kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kỹ năng cơ sở ngành, kỹ năng ngành, kỹ năng mềm và thái độ [1.2-01], cụ thể là:

+ **Về kiến thức:**

- Hiểu biết nguyên lý và phân tích hoạt động các hệ thống phát, truyền tải, đặc biệt là phân phối và tiêu thụ điện; hệ thống chiếu sáng; hệ thống chống sét; hệ thống an ninh, an toàn;
- Hiểu biết nguyên lý và tính năng (cơ, nhiệt và điện) của các thiết bị trong công nghiệp và dân dụng để tính toán, thiết kế, sửa chữa, phát huy hết năng suất và đảm bảo tính năng tối ưu của thiết bị trong hệ thống và tiết kiệm năng lượng;
- Hiểu biết nguyên lý và phân tích hoạt động của hệ thống điều khiển tự động công nghiệp vừa và nhỏ;
- Có những hiểu biết cơ bản về khoa học giáo dục để có thể vận dụng vào hoạt động dạy học và giáo dục như: các quy luật và bản chất của hiện tượng tâm lý; những vấn đề cơ bản của quá trình dạy học và giáo dục;
- Công tác tổ chức, quản lý và đào tạo trong nhà trường hiện nay;
- Hiểu biết về phương pháp dạy học cũng như các nguyên tắc và kỹ thuật thực hiện từng phương pháp;
- Các bước triển khai nghiên cứu một vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục;
- Các chuẩn mực và nguyên tắc để khai thác và chế tạo phương tiện dạy học;
- Những vấn đề cơ bản của việc xây dựng chương trình môn học/khóa học.

+ **Về kỹ năng:**

- Thiết kế, triển khai, xây dựng, vận hành và bảo trì hệ thống phân phối điện năng khu công nghiệp, khu dân cư; mạng động lực phân xưởng, xí nghiệp; hệ thống chiếu sáng dân dụng và công nghiệp; hệ thống chống sét và nối đất; hệ thống bảo vệ-an ninh-an toàn;
- Thiết kế và vận hành hệ thống điều khiển tự động công nghiệp vừa và nhỏ, các hệ thống dịch vụ và công cộng: hệ thống PLC, vi xử lý, mini SCADA,...
- Tính toán, sửa chữa, vận hành và kiểm tra các loại thiết bị điện, máy điện AC, máy điện DC và máy biến áp trong công nghiệp và dân dụng;
- Phân tích và đánh giá được đặc điểm tâm lý của học sinh để có thể giải quyết được các tình huống sư phạm một cách hợp lý;
- Thực hiện hoạt động giảng dạy từ giai đoạn chuẩn bị đến giai đoạn triển khai và đánh giá kết quả;
- Triển khai được các phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa người học;
- Khai thác/chế tạo một số phương tiện (đơn giản) nhằm hỗ trợ hoạt động dạy học;

- Triển khai thực hiện được các hoạt động nghiên cứu giáo dục;
- Thực hiện giờ giảng lý thuyết và thực hành về chuyên ngành được đào tạo theo chuẩn mực sư phạm.

+ Về thái độ:

- Có ý thức trách nhiệm công dân; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn;
- Có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp; khả năng làm việc nhóm;
- Hình thành tình cảm và đạo đức nghề nghiệp;
- Có ý thức vươn lên trong học tập, tu dưỡng hoàn thiện bản thân;
- Không ngừng rèn luyện năng lực sư phạm nghề nghiệp và những phẩm chất cần thiết của người giáo viên.

Tuy nhiên, chuẩn đầu ra chưa có sự liên kết về các yêu cầu kiến thức, kỹ năng và thái độ trong 2 mảng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm.

b. Theo chuẩn đầu ra **[1.2-01]**, những vị trí làm việc cụ thể mà sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp có thể đảm nhiệm là:

- Cán bộ làm việc tại các công ty xí nghiệp công nghiệp, các nhà máy điện và thủy điện, các công ty tư vấn, thiết kế và xây lắp điện; các công ty điện lực, các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu và chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực điện công nghiệp;
- Giáo viên giảng dạy về các chuyên ngành được đào tạo tại các trường Đại học, Cao đẳng, Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề, Trung cấp chuyên nghiệp, hoặc các cơ sở đào tạo khác;
- Cán bộ nghiên cứu ở các cơ sở nghiên cứu giáo dục/giáo dục chuyên nghiệp;
- Cán bộ tổ chức/tư vấn về đào tạo và công tác huấn luyện trong các công ty hoặc xí nghiệp sản xuất.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên ngành Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp có khả năng:

- Tiếp tục học tập, nghiên cứu chuyên sâu về hệ thống điện, thiết kế hệ thống tự động điều khiển trong công nghiệp; Xây dựng, quản lý và điều hành sản xuất,...
- Tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở các bậc đào tạo cao học hoặc nghiên cứu sinh thuộc các chuyên ngành: Phương pháp giảng dạy kỹ thuật; Giáo dục/Giáo dục chuyên nghiệp; Quản lý giáo dục/Quản lý giáo dục chuyên nghiệp.

c. Chuẩn đầu ra thể hiện được đầy đủ các yêu cầu về nghiệp vụ Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp trình độ đại học **[1.2-01]**, cụ thể là:

- Có kiến thức sư phạm tốt tạo điều kiện cho việc giảng dạy chuyên ngành điện

công nghiệp tại các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng và TCCN;

- Triển khai được các phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa người học;
- Thực hiện giờ giảng lý thuyết và thực hành chuyên ngành Điện công nghiệp được đào tạo theo chuẩn mực sư phạm;
- Khai thác/ chế tạo một số phương tiện dạy học nhằm hỗ trợ hoạt động dạy học;
- Không ngừng rèn luyện năng lực sư phạm nghề nghiệp và những phẩm chất cần thiết của người giáo viên.

2. Điểm mạnh:

Chuẩn đầu ra của ngành Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp thể hiện đầy đủ những yêu cầu cần đạt được về phẩm chất đạo đức, kiến thức, kỹ năng của người học; khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc; định hướng đến vị trí làm việc cụ thể của người học sau khi tốt nghiệp và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường.

3. Tồn tại:

Chuẩn đầu ra còn thiếu sự liên kết giữa 2 khối kiến thức chuyên môn và sư phạm.

4. Kế hoạch hành động:

Nhà trường và Khoa Điện – Điện tử sẽ làm rõ sự liên kết giữa 2 khối kiến thức chuyên môn và sư phạm trong chương trình đào tạo mới dự kiến áp dụng từ năm 2012.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục ; chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; đáp ứng nguồn nhân lực của địa phương và cả nước.

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình được định kỳ xem xét, đánh giá mức độ phù hợp với thực tiễn, kịp thời bổ sung, điều chỉnh, được quán triệt và thực hiện trong tập thể nhà trường. Cụ thể, nhà trường và Khoa Điện – Điện tử đang xây dựng chuẩn đầu ra theo CDIO để tạo điều kiện cho sinh viên tốt nghiệp có khả năng hội nhập với thị trường lao động khu vực và quốc tế.

Đánh giá chung: Số lượng tiêu chí đạt 2/2; Số lượng tiêu chí không đạt 0/2.

Tiêu chuẩn 2: Chương trình đào tạo

Mở đầu:

Chương trình đào tạo do các giáo viên có chuyên môn tốt, kinh nghiệm lâu năm trên nền tảng dựa trên chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có tham khảo các chương trình đào tạo cùng lĩnh vực ở trong nước và quốc tế, có sự tham gia đóng góp ý kiến của các chuyên gia, các doanh nghiệp sử dụng lao động. Bên cạnh đây, chương trình đào tạo còn được định kỳ rà soát và hiệu chỉnh cho phù hợp với xu thế phát triển của khoa học kỹ thuật (đặc biệt là các công nghệ hiện đại đã và đang được áp dụng tại Việt Nam) thông qua các đề cương chi tiết và bài giảng của các giáo viên đứng lớp.

Tiêu chí 2.1. Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có tham khảo các chương trình đào tạo cùng lĩnh vực ở trong nước và quốc tế.

- a. Được xây dựng dựa trên chương trình khung và các quy định khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- b. Hướng đến việc thực hiện mục tiêu và đáp ứng chuẩn đầu ra;
- c. Có tham khảo các chương trình đào tạo cùng ngành của các trường có uy tín ở trong nước và quốc tế.

1. Mô tả:

- a. Chương trình đào tạo được thiết kế và xây dựng trên cơ sở chương trình khung khối ngành công nghệ được Hội đồng khoa học cấp Bộ thông qua và kết hợp chương trình nghiệp vụ sư phạm để hình thành chương trình khung Giáo viên Sư phạm kỹ thuật Ngành Điện công nghiệp.

Nội dung chương trình gồm khối kiến thức giáo dục đại cương 78 tín chỉ (TC), (không gồm 9 TC Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất), khối kiến thức cơ sở ngành 57 TC, khối kiến thức chuyên ngành 33 TC, thực tập 27 TC và khối kiến thức sư phạm 22 TC (từ khóa 2006 [2.1-01]) – 29 TC (từ khóa 2008 [1.1-02]).

Tuy nhiên, khó khăn khách quan hiện nay là chương trình khung của Bộ GD &ĐT đối với ngành SPKT ĐCN chưa được ban hành cho nên nhà trường phải vận dụng 2 chương trình khung đào tạo kỹ sư công nghệ ngành Điện công nghiệp và nghiệp vụ sư phạm để xây dựng nên chương trình đào tạo này.

- b. Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra của chương trình. Các tiêu chí trong chuẩn đầu ra lại được thể hiện chi tiết trong các đề cương chi tiết của các học phần/môn học để luôn đảm bảo được nội dung đã công bố trong chuẩn đầu ra. Ví dụ để đạt được tiêu chí thứ 5 về kiến thức chuyên môn [1.2-01] trong chuẩn đầu ra, yêu cầu SV phải “*Có kiến thức về nguyên lý và các phương pháp phân tích hoạt động các hệ thống phát, truyền tải, đặc biệt là phân*

phối và tiêu thụ điện; hệ thống chiếu sáng; hệ thống chống sét; hệ thống an ninh, an toàn điện”, trong chương trình đã có các môn học Hệ thống điện, Bảo vệ và tự động hoá công nghiệp, Giải tích mạng và mô phỏng trên máy tính, Cung cấp điện, và An toàn điện. Với nội dung các môn học này, đảm bảo cung cấp cho SV kiến thức nền tảng vững chắc về hệ thống điện lực từ nguồn phát đến hộ tiêu thụ và các kiến thức về an toàn điện,... Bên cạnh đó, kỹ năng tay nghề trong tiêu chí thứ 5 còn được đáp ứng thông qua các môn thực tập như Thực tập Điện, Thực tập Điện tử cơ bản, Thực tập Cung cấp điện, Thực tập Máy điện, Thực tập Truyền động điện, Thực tập Giải tích mạng và mô phỏng trên máy tính ,... Với kiến thức lý thuyết và thực tập nêu trên, SV sau khi tốt nghiệp sẽ đảm bảo được tiêu chí thứ 5 của chuẩn đầu ra.

- c. Việc thiết kế chương trình đào tạo có tham khảo CTĐT cùng ngành và chuyên ngành của các trường ĐH có uy tín ở Việt nam và trên thế giới [2.1-02]. Chương trình đào tạo cử nhân sư phạm kỹ thuật ngành Điện công nghiệp được xây dựng với sự kết hợp kinh nghiệm thực tiễn và học tập một số CTĐT tiên tiến của Học viện Kỹ Thuật Georgia, Đại học California, Berkeley – USA, Đại học Melbourne – Australia, Đại học AuckLand – NewZealand, Đại học Madras - Ấn Độ, Đại học Bách Khoa Hong Kong, Viện công nghệ Bandung – Indonesia, NTU Singapore, Đại học Chulalongkorn – Thai Lan. Tỷ lệ các môn đại cương thường chiếm 1/3 tổng số tín chỉ, tuy nhiên các chương trình của các trường Mỹ và Singapore lại có tỷ lệ 1/2, các nước châu Á luôn có các môn đại cương bắt buộc về văn hóa đất nước, con người. Trong khi đó các trường đại học hàng đầu của Việt Nam về ngành Kỹ thuật điện của Đại học Bách Khoa Hà Nội và Đại học Bách Khoa Tp. HCM đều có chương trình tương tự như các trường đại học trong khu vực. Chương trình đào tạo cử nhân SPKT ngành Điện công nghiệp ngoài việc lưu ý đến các nhận xét trên để có tính phù hợp với các nước trong khu vực còn bổ sung các kỹ năng sư phạm (22-29 tín chỉ) vào CTĐT để nâng cao khả năng sư phạm cho SV chuyên ngành này.

Tuy nhiên, hiện nay trên thế giới có rất ít trường có chương trình đào tạo giáo viên kỹ thuật theo kiểu tích hợp cho nên chương trình đào tạo vẫn ít nhiều có sự tách biệt giữa 2 khối chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm.

2. Điểm mạnh:

Chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra và được tham khảo từ chương trình đào tạo của các đại học có uy tín trong khu vực và thế giới.

3. Tồn tại:

Chưa có chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ngành SPKT Điện công nghiệp.

4. Kế hoạch hành động:

Nhà trường sẽ tham khảo chương trình khung của Bộ, nếu có.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.2. Chương trình đào tạo được xây dựng với sự tham gia của các giảng viên, cán bộ quản lý, chuyên gia cùng ngành, nhà tuyển dụng và người tốt nghiệp. Định kỳ lấy ý kiến của các đối tượng trên nhằm rà soát, điều chỉnh nội dung chương trình.

- a. Có sự tham gia của cán bộ quản lý và giảng viên trong xây dựng chương trình;
- b. Có sự tham gia của chuyên gia cùng ngành, nhà tuyển dụng và người tốt nghiệp trong xây dựng chương trình;
- c. Định kỳ lấy ý kiến nhằm rà soát, điều chỉnh nội dung chương trình theo hướng tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng.

1. Mô tả:

- a. Việc thiết kế chương trình đào tạo thông qua quy trình Lập và điều chỉnh chương trình đào tạo [2.2-01] của nhà trường, có sự tham gia của các cán bộ/ chuyên gia quản lý đào tạo và giảng viên.
 - Nhà trường thông qua Hội đồng khoa học Trường ban hành văn bản hướng dẫn, khung chương trình. Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm sắp xếp, quy định số lượng tín chỉ cho một chương trình đào tạo sao cho phù hợp với nhu cầu thực tế xã hội và khả năng cơ sở vật chất của nhà trường sau khi thông qua các ý kiến đóng góp của Hội đồng khoa học nhà trường [2.2-02].
 - Trưởng Bộ môn và các Trưởng nhóm môn học xây dựng tên môn học và mô tả môn học, trình Hội đồng khoa học Khoa và phải được sự phê duyệt của Hội đồng khoa học nhà trường [2.2-02]. Trong quá trình này, các khoa có liên quan đến ngành đào tạo thường xuyên tham gia đóng góp ý kiến để hoàn thiện chương trình đào tạo.
 - Trưởng nhóm môn học phân công các giảng viên có chuyên môn tốt cùng xây dựng đề cương chi tiết các môn học [2.2-03].
 - Các phòng ban như Thiết bị – Vật tư, Thư viện,... cung cấp thông tin về nguồn tài liệu, vật tư thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập có khả năng đáp ứng theo quy trình hiện hành của nhà trường [2.2-04, 2.2-05].
- b. Chương trình đào tạo có sự tham gia của cựu sinh viên, các chuyên gia cùng ngành, chuyên ngành ngoài đơn vị và các nhà tuyển dụng lao động thông qua các buổi hội thảo, lấy ý kiến bằng các phiếu tham khảo ý kiến xây dựng CTĐT SPKT ngành

Điện công nghiệp của 87 đơn vị sản xuất, trường cao đẳng, trung cấp nghề và các trường đại học [2.2-06]. Các phiếu này được xây dựng dựa trên các mẫu trắc nghiệm nhằm xác định được mức độ đáp ứng của các giáo viên và kỹ sư lúc phỏng vấn tuyển dụng và trong suốt quá trình làm việc. Nội dung gồm khả năng đáp ứng về trình độ chuyên môn, khả năng thích ứng với môi trường làm việc mới, trình độ ngoại ngữ,... Tuy nhiên, nội dung của phiếu lấy ý kiến còn thiên về kỹ năng và trình độ của sinh viên tốt nghiệp, chưa đánh giá được khả năng thích ứng với môi trường làm việc mới hay năng lực quản lý của sinh viên.

- c. Định kỳ nhà trường và Khoa đã tiến hành điều tra, đánh giá, nhận xét các ý kiến phản hồi của cựu sinh viên, nhà sử dụng lao động về CTĐT ngành SPKT Điện công nghiệp thông qua các buổi hội thảo với các doanh nghiệp trong và ngoài nước và họp mặt truyền thống của ngành bằng các phiếu lấy ý kiến. Ngoài ra, Khoa cũng đã tiến hành thu thập ý kiến từ các sinh viên đang học tại trường thông qua các buổi gặp gỡ đối thoại định kỳ giữa Khoa và SV mỗi học kỳ một lần [2.2-07]. Từ kết quả này, trong những năm qua, nội dung CTĐT đã luôn được bổ sung, điều chỉnh sao cho phù hợp với tình hình mới và đáp ứng được các yêu cầu của xã hội [2.2-08]. Theo sự phân cấp của nhà trường, Bộ môn có thể điều chỉnh 10% nội dung của CTĐT với sự thông qua của Hội đồng khoa học Khoa và Trường để cập nhật thông tin mới và phù hợp với yêu cầu của tình hình thị trường lao động. Ví dụ: Qua phân tích ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động về trình độ Anh văn và kỹ năng mềm của SV sau khi ra trường, môn tiếng Anh chuyên ngành (3 tín chỉ) đã được bổ sung vào CTĐT và chuẩn tiếng Anh (350 điểm TOEIC) của SV sau khi tốt nghiệp được đưa vào chuẩn đầu ra. Tuy nhiên, các kỹ năng mềm thì chỉ mới được GV chú ý khi thực hiện các đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp.

2. Điểm mạnh:

Việc thiết kế chương trình đào tạo có sự tham gia và tham khảo ý kiến của các chuyên gia cùng ngành, chuyên ngành từ các trường đại học có uy tín trong nước và của các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề, dạy nghề, doanh nghiệp,...

3. Tồn tại:

Nội dung phiếu lấy ý kiến từ các chuyên gia và doanh nghiệp chưa có khả năng đánh giá được các yếu tố thích nghi với môi trường làm việc mới, năng lực quản lý,... mà còn nặng về kỹ năng và trình độ của SV khi ra trường.

4. Kế hoạch hành động:

Nhà trường và Khoa xây dựng lại bộ câu hỏi lấy ý kiến với các doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo và các chuyên gia cho năm 2012-2013 theo hướng đánh giá toàn diện của một kỹ sư, một giáo viên kỹ thuật.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.3. Chương trình đào tạo có cấu trúc hợp lý, khoa học, cân đối giữa lý thuyết và thực hành; có tính liên thông giữa các trình độ đào tạo và với các chương trình đào tạo khác.

- a. Cấu trúc chương trình quy định rõ các khối kiến thức, đảm bảo tính khoa học, tính hệ thống, có sự phân bố hợp lý giữa lý thuyết và thực hành;
- b. Có các học phần lựa chọn, học phần tích hợp, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực cần đạt theo mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình;
- c. Cấu trúc chương trình hợp lý, đảm bảo có tính liên thông giữa các trình độ đào tạo trong mỗi trường và giữa các chương trình đào tạo ở trong và ngoài trường.

1. Mô tả:

- a. Chương trình đào tạo được xây dựng từ khung chương trình của Bộ GD&ĐT nên có quy định rõ các khối kiến thức nền tảng về toán và khoa học, khoa học kỹ thuật liên quan đến ngành đào tạo và kiến thức, kỹ năng thực hành sư phạm [2.1-01]. Cụ thể là: Nội dung kiến thức đại cương (78 tín chỉ, chưa gồm Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất) chuyển tải các kiến thức về toán, lý, hóa, ngoại ngữ, tin học và một số môn khoa học xã hội và nhân văn. Nội dung các môn cơ sở ngành (57 tín chỉ), chuyên ngành, tốt nghiệp (33 tín chỉ) và thực tập (9 tín chỉ thực tập tại phòng Lab và 18 tín chỉ thực tập xưởng – với 1 tín chỉ thực hành tương đương 45 tiết thực hành). Nội dung kiến thức sư phạm (22 - 29 tín chỉ) gồm các nội dung về tâm lý, phương pháp dạy học và kỹ năng sư phạm.

Bên cạnh đó, các khối kiến thức luôn được xây dựng có tính logic, có mối liên hệ chặt chẽ, có tính kế thừa:

- Đảm bảo được các khối kiến thức tối thiểu của ngành đào tạo, gồm kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Trong đó bao gồm kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, thực tập và khóa luận hoặc thi tốt nghiệp;
- Có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống giữa các khối kiến thức, đảm bảo tính logic giữa các học phần;
- Có sự kết hợp hệ thống và điều chỉnh hợp lý giữa lý thuyết và thực hành nhằm tăng cường tay nghề cho sinh viên. CTĐT cũng chú ý đến việc đưa kỹ năng sử dụng tin học, ngoại ngữ vào chương trình đào tạo.

Với cấu trúc này, chương trình đào tạo đảm bảo một nền tảng kiến thức và trình độ tay nghề về điện, điện tử và sư phạm của kỹ sư, cũng như GV Sư phạm kỹ thuật tham gia giảng dạy các chương trình từ trung cấp đến cao đẳng, đại học chuyên

ngành về kỹ thuật điện, điện công nghiệp.

- b. Chương trình đào tạo áp dụng từ năm 2008 đã có 15 môn học tự chọn [1.1-02] và tập trung vào kiến thức chuyên ngành và sự phạm. Chương trình có sự tích hợp các môn học có liên quan mật thiết với nhau về mặt kiến thức nhằm nâng cao khả năng tiếp thu kiến thức của người học, khuyến khích sự hứng khởi và kỹ năng tổng hợp cho sinh viên; có nhiều môn học được tích hợp giữa lý thuyết và đồ án môn học giúp SV kiểm chứng lý thuyết áp dụng ngay vào đồ án như môn Cung cấp điện [2.3-01], hay lý thuyết và thực tập như môn Máy điện, giúp SV nắm bắt lý thuyết bằng cách trải nghiệm thực tiễn qua các bài thực hành. Những kỹ năng này giúp SV đáp ứng được yêu cầu về kiến thức chuyên ngành, kỹ năng mềm và quan trọng hơn cả đảm bảo nền tảng tốt cho SV thể hiện kỹ năng sự phạm của chính mình. Bên cạnh việc tích hợp các môn học nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy; để đảm bảo CTĐT đáp ứng được chuẩn đầu ra, trong các đề cương chi tiết của các môn học luôn luôn có các tiêu chí đầu ra để yêu cầu GV thể hiện trong bài giảng, bài tập, bài kiểm tra [2.3-02] nhằm giúp SV dễ dàng đạt được các tiêu chí trong chuẩn đầu ra theo yêu cầu của CTĐT.

Tuy nhiên, số lượng các môn học tự chọn, tích hợp trong CTĐT còn chưa nhiều và chưa giúp giảm được số giờ lên lớp của SV.

- c. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng liên thông hợp lý giữa các trình độ, các phương thức tổ chức đào tạo và giữa các trường, dựa trên việc so sánh chương trình đào tạo trình độ đại học hiện hành của nhà trường với các chương trình đào tạo của các trường có đào tạo bậc cao đẳng ngành Điện công nghiệp [2.3-03]. Đây là niềm tự hào của nhà trường và Khoa Điện – Điện tử, được thể hiện qua bề dày thành tích và kinh nghiệm đào tạo liên thông từ những năm 90 của thế kỷ trước để đáp ứng những bức xúc của xã hội tại những thời điểm đó. Ngoài ra, để giúp SV dễ dàng tiếp thu kiến thức, nhà trường tổ chức dạy một số môn học nhằm bổ sung thêm kiến thức cho sinh viên trước khi tham gia học tập các ngành đào tạo liên thông; thời gian đào tạo 2 năm theo mô hình đào tạo theo học chế tín chỉ. Hiện tại đã liên kết đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học với nhiều trường cao đẳng trong cả nước [2.3-04]. Vì vậy có thể nói, với thời gian kiểm chứng hơn 20 năm, các bộ chương trình liên thông của Khoa không những đảm bảo được tính logic, chặt chẽ và đáp ứng được chuẩn đầu ra đã công bố mà còn đáp ứng được nhu cầu xã hội.

2. Điểm mạnh:

- Chương trình đào tạo có cấu trúc rõ ràng, khoa học và có hệ thống; đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra.
- Có cấu trúc rõ ràng, hợp lý tạo thuận lợi cho hình thức đào tạo liên thông.

3. Tồn tại:

Số môn học tự chọn còn ít, các môn học tích hợp chưa nhiều nên tổng số giờ lên lớp của sinh viên còn cao.

4. Kế hoạch hành động:

Trong chương trình 150 tín chỉ, triển khai từ năm 2012 - 2013, Bộ môn và Khoa xây dựng nhiều môn học tự chọn và môn học tích hợp để giảm từ 186 tín chỉ xuống 150 tín chỉ mà vẫn đảm bảo được mục tiêu và chất lượng đào tạo.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.4. Nội dung chương trình đào tạo được xây dựng nhằm thúc đẩy hoạt động học tập hiệu quả, phát triển các năng lực của người học.

- a. Giúp người học chủ động lựa chọn các học phần, lộ trình học tập, phương thức và thời gian học tập có hiệu quả;
- b. Giúp người học phát triển năng lực thu thập và xử lý thông tin, năng lực tư duy hệ thống, tư duy phê phán và năng lực giải quyết vấn đề;
- c. Giúp người học phát triển các năng lực sư phạm như giao tiếp, thuyết trình, thực hành giảng dạy, tổ chức quản lý lớp học và xử lý các tình huống sư phạm.

1. Mô tả:

- a. Trên cơ sở học chế tín chỉ, chương trình học được triển khai bằng kế hoạch đào tạo, giảm thiểu các môn học tiên quyết và tăng các môn tự chọn nên đã tạo được tính mềm dẻo, học tập hiệu quả cho sinh viên. Với 15 môn tự chọn trong chương trình học [1.1-02], sinh viên có thể tự lựa chọn một số kiến thức chuyên ngành để định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp. Bên cạnh đó, trong các đề cương chi tiết [2.4-01] luôn có thông tin các môn học bắt buộc học trước, môn học song hành để đảm bảo sau các học phần cơ bản, SV bắt đầu chọn các môn cơ sở ngành và tiếp tục chọn lựa các môn chuyên ngành nhằm đảm bảo tính chủ động của SV trong việc đáp ứng lựa chọn các học phần, lộ trình học tập, phương thức và thời gian học tập có hiệu quả nhất. Ngoài ra, thông qua buổi sinh hoạt bắt buộc đầu năm [2.4-02] và số điện thoại liên lạc cố vấn học tập, SV có thể được tư vấn về nội dung các môn học cũng như định hướng chuyên sâu trên cơ sở các môn học trong chương trình nhằm phát huy hết khả năng học tập của mình cũng như có thể tự sắp xếp thời khóa biểu cá nhân thông qua việc đăng ký môn học trên mạng [2.4-03]. Một điểm sáng trong tính mềm dẻo đang được áp dụng thử nghiệm để giúp SV có thể chủ động thời gian học và địa điểm học là việc áp dụng chương trình thí điểm đào tạo từ xa (eLearning) một số môn học trong chương trình đào tạo [2.4.04].
- b. Cấu trúc của chương trình với các quy định về môn học bắt buộc, môn học trước,

môn học song hành,...có thể đảm bảo cho sinh viên phát triển được năng lực tư duy hệ thống. Thông qua các môn lý thuyết, thực tập, đồ án môn học; chương trình đã giúp SV phát triển năng lực thu thập và xử lý thông tin, năng lực tư duy hệ thống, tư duy phê phán và năng lực giải quyết vấn đề. Các yêu cầu phát triển kỹ năng luôn được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần [2.4-01]. Các kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, năng lực tư duy, năng lực giải quyết vấn đề được thể hiện rõ ràng trong các đồ án môn học và đồ án tốt nghiệp.

Tuy nhiên, kỹ năng tư duy hệ thống vẫn còn chưa được chú trọng trong toàn bộ chương trình do thiếu vắng môn học mang tính giới thiệu về ngành học cho SV ngay đầu khóa học.

- c. Nội dung chương trình được thể hiện thông qua các môn lý thuyết, thực tập, đồ án môn học và đồ án tốt nghiệp mà đặc biệt là thực tập sư phạm giúp SV phát triển các năng lực sư phạm như giao tiếp, thuyết trình, thực hành giảng dạy, tổ chức quản lý lớp học và xử lý các tình huống sư phạm. Các kỹ năng này thường được thể hiện qua yêu cầu của các giờ bài tập được nêu rõ trong đề cương chi tiết [2.4-01] và được giáo viên cụ thể hóa thành hoạt động học tập như báo cáo chuyên đề,... do SV trình bày. Riêng kỹ năng thực hành giảng dạy, tổ chức quản lý lớp học, xử lý tình huống sư phạm còn được thể hiện qua môn thực tập sư phạm. Để chuẩn bị tốt các kỹ năng về sư phạm, trong CTĐT, có đến 22-29 tín chỉ về sư phạm. Trong nội dung học tập, luôn yêu cầu SV phải tự biên soạn bài giảng, giáo án giúp SV hình dung ra các tình huống sư phạm và cách xử lý. Ngoài ra để đảm bảo kỹ năng này, Trường ĐHSPKT TP. HCM còn có trường Trung học Kỹ thuật Thực hành là nơi để giúp SV trải nghiệm thực tế nhằm hoàn thiện các kỹ năng giảng dạy cũng như xử lý một số tình huống thực tế trong giảng dạy.

2. Điểm mạnh:

Nội dung chương trình đào tạo linh hoạt, mềm dẻo và có hệ thống giúp người học chủ động, phát triển năng lực sư phạm, năng lực thu thập và xử lý thông tin, xử lý được các tình huống nảy sinh trong quá trình học tập và làm việc.

3. Tồn tại:

Phát triển kỹ năng tư duy hệ thống còn hạn chế, chủ yếu được phát triển qua việc thực hiện các đồ án môn học hay bài tập lớn nên sinh viên chưa khái quát được cách tiếp cận và giải quyết vấn đề có tính tương tự trong thực tiễn cuộc sống.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2013, Bộ môn Điện công nghiệp sẽ triển khai môn học Nhập môn công nghệ kỹ thuật điện để nâng cao các kỹ năng cần thiết cho một kỹ sư tương lai, đặc biệt giúp SV phát triển tư duy hệ thống thông qua việc xác định vị trí của ngành kỹ thuật điện trong xã hội, hệ thống các môn học cần học và các kiến thức cần thu thập thông qua một ví dụ thực hiện một bài tập thực hành nhóm.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.5. Nội dung chương trình đào tạo đảm bảo tính khoa học, cập nhật được những tri thức hiện đại, công nghệ tiên tiến, thể hiện được quan điểm giáo dục hiện đại, xác định rõ kết quả dự kiến.

- a. Đảm bảo tính khoa học, cập nhật được những tri thức mới, hiện đại, tiếp cận công nghệ tiên tiến;
- b. Thể hiện được phương pháp học tiên tiến, hiện đại;
- c. Xác định rõ kiến thức, kỹ năng chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm cần đạt và cách thức đánh giá kết quả môn học.

1. Mô tả:

- a. Nội dung chương trình đào tạo được xây dựng không những dựa trên các ý kiến đóng góp của các doanh nghiệp có công nghệ hiện đại, quy mô lớn, số lượng kỹ sư làm việc đông mà còn tham khảo các chương trình đào tạo của các nước có nền công nghệ tiên tiến và các nước trong khu vực nên luôn đảm bảo tính khoa học, cập nhật được những tri thức, mới hiện đại, tiếp cận công nghệ tiên tiến [2.5-01]. Ngoài ra, CTĐT được xây dựng dựa trên các thiết bị điện hiện đại trong các phòng thực tập và thí nghiệm hiện đại về điện công nghiệp (phòng thực tập Điện công nghiệp do GE tài trợ, phòng Cung cấp điện của hãng LD – chuyên gia cung cấp đồ dùng dạy học, có hàm lượng khoa học cao, cập nhật mới,...) hay về tự động hóa (phòng thí nghiệm Điều khiển tự động do Rockwell hoặc Panasonic tài trợ, phòng thí nghiệm Tự động hóa có nhiều trang thiết bị hiện đại) [2.5-02].
- b. Do chương trình đào tạo được xây dựng trên nền tảng học chế tín chỉ, nên trong mỗi đề cương chi tiết của từng học phần, ngoài việc chuyển tải nội dung, khối lượng kiến thức mà người học cần phải đạt được, các kỹ năng cần thiết về chuyên ngành hay nghiệp vụ sư phạm còn quy định rất cụ thể thời gian tự học của SV thông qua các bài tập về nhà, hay các nội dung tự học [2.5-03]. Do các đề cương chi tiết này được công bố công khai trên web trường nên SV có thể chủ động trong kế hoạch học tập của mình. Bên cạnh đẩy việc triển khai thử nghiệm phương pháp học tập qua mạng internet (eLearning) cũng bước đầu góp phần giúp SV thể hiện tính năng động của mình trong việc hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm và độc lập thông qua các bài tập trên mạng theo sự phân công của trưởng nhóm hay của GV hướng dẫn [2.4-04]. Tuy nhiên, do chương trình ít có các môn học tích hợp nên việc áp dụng phương pháp học tập theo kiểu dự án còn hạn chế.
- c. Chương trình đào tạo được chia thành các khối kiến thức chung, khối kiến thức khoa học xã hội và nhân văn, khối kiến thức cơ bản, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành và khối kiến thức sư phạm. Qua đó sinh viên sẽ được

trang bị theo mức độ tăng dần về độ khó và độ sâu của chuyên ngành đồng thời với kỹ năng sư phạm [2.1-01].

Việc kiểm tra đánh giá tất cả các môn học gồm 2 điểm: điểm giữa kỳ và điểm cuối kỳ. Các thông tin liên quan đến kiểm tra đánh giá sinh viên đều được thông báo đến từng sinh viên thông qua các kênh thông tin trên mạng, Sổ tay sinh viên. Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập được diễn ra trong suốt một quá trình. Đối với môn lý thuyết có 2 kỳ kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ, hình thức kiểm tra do GV và SV thống nhất (trắc nghiệm, tự luận,...). Riêng với môn thực hành, hình thức kiểm tra được áp dụng ngay sau buổi thực hành và được ghi chú ngay trong tài liệu hướng dẫn thực hành.

2. Điểm mạnh:

Những kiến thức, kỹ năng chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm cần đạt được xác định rõ trong các đề cương chi tiết của các học phần.

3. Những tồn tại:

Chương trình còn thiếu vắng các môn học tích hợp vì vậy ít nhiều có hạn chế trong việc tổ chức các phương pháp dạy học hiện đại, tiên tiến.

4. Kế hoạch hành động:

Khoa Điện – Điện tử sẽ tăng cường số lượng các môn học tích hợp trong chương trình đào tạo mới để triển khai từ năm học 2012-2013.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.6. Đề cương chi tiết, giáo trình, tài liệu tham khảo có đầy đủ cho các học phần/môn học và được định kỳ rà soát, điều chỉnh.

- a. Có đầy đủ đề cương chi tiết cho các học phần/môn học;
- b. Có đầy đủ giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo cho các học phần/môn học;
- c. Đề cương chi tiết được định kỳ rà soát, điều chỉnh, dựa trên những ý kiến phản hồi của người học, người tốt nghiệp, giảng viên, người tuyển dụng lao động.

1. Mô tả:

- a. Chương trình đào tạo trình độ đại học, ngành SPKT Điện công nghiệp có đầy đủ đề cương chi tiết cho các học phần cùng nhiều tài liệu học tập và tham khảo phong phú, đa dạng [2.1-01]. Các đề cương môn học này được giáo viên phổ biến cho sinh viên trong buổi học đầu tiên tại lớp học và SV cũng có thể tải về để tham khảo từ trang Web của Phòng Đào tạo. Điều này giúp SV nắm bắt được những gì sẽ học trước khi đăng ký môn học cũng như chủ động tìm kiếm trước các tài liệu tham khảo và bố trí tốt thời gian học tập của mình.

- b. Trong đề cương chi tiết của từng học phần/môn học đều nêu rõ số tiết lý thuyết, bài tập và thực hành [2.6-01]. Các giáo trình, tài liệu tham khảo được ghi rõ trong đề cương chi tiết, SV có thể mượn tại Thư viện Trường (nhà trường đảm bảo 10 giáo trình/sinh viên/năm học) [2.6-02]; ngoài ra, SV còn có thể mua hay photocopy tại Siêu thị sinh viên. Bên cạnh đấy SV có thể tìm kiếm tài liệu chuyên sâu và tài liệu liên ngành theo hướng dẫn của trang web Khoa Điện – Điện tử [2.6-03]. Tuy nhiên, các đường dẫn đến các nguồn tài liệu khoa học có giá trị của quốc tế vẫn chưa được nhà trường thuê bao để SV có thể tải về miễn phí phục vụ học tập, chủ yếu dựa vào nguồn tài liệu của giáo viên cung cấp qua các kênh cá nhân.
- c. Mỗi học kỳ, thông qua buổi họp tổng kết học kỳ, các giáo viên giảng dạy sẽ đóng góp các ý kiến để hoàn thiện nội dung của đề cương chi tiết các môn học sao cho phù hợp với như những thay đổi của thị trường lao động. Bên cạnh đấy, thông qua “Ngày hội truyền thống của Khoa Điện – Điện tử” hàng năm, Khoa và Bộ môn Điện công nghiệp tổ chức hội nghị bàn tròn giữa người tốt nghiệp, nhà đào tạo, sinh viên, người tuyển dụng lao động nhằm rút ra những góp ý về sản phẩm đào tạo. Đây là biện pháp quan trọng để Bộ môn điều chỉnh và bổ sung các kiến thức, các kỹ năng trong đề cương chi tiết từng môn học cho phù hợp với tình hình mới. Nội dung chi tiết của các đề cương chi tiết môn học/ học phần sau mỗi lần hiệu chỉnh đều được cập nhật nhanh chóng lên trang web của Trường. Nhờ vậy, nội dung giảng dạy cho SV thường xuyên được cập nhật và phù hợp với các yêu cầu của xã hội.

2. Điểm mạnh:

Các đề cương chi tiết của chương trình đào tạo được cung cấp đầy đủ trên trang web của nhà trường nên SV dễ dàng theo dõi và tải về để tìm hiểu trước.

3. Tồn tại:

Các tài liệu tham khảo chuyên ngành quốc tế của Thư viện còn thiếu. Việc bổ sung tài liệu tham khảo còn phụ thuộc vào nguồn mà giáo viên phụ trách môn học có được.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2012-2013, nhà trường sẽ bổ sung nguồn tài liệu mở, nguồn tài liệu từ các trường đại học quốc tế lên trang web nhà trường để các giảng viên và sinh viên có thể truy cập và lấy tài liệu.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.7. Giáo trình đáp ứng được yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học.

- a. Có quy trình tổ chức biên soạn hoặc tổ chức lựa chọn, duyệt giáo trình để sử

- dụng làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức;
- b. Giáo trình các môn học đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung, phương pháp dạy học, cập nhật tri thức mới, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực;
 - c. Định kỳ thu thập và sử dụng những nhận xét đánh giá của người học, giảng viên, chuyên gia để cải tiến nâng cao chất lượng giáo trình.

1. Mô tả:

- a. Việc biên soạn giáo trình và phát hành giáo trình được thực hiện theo quy trình ISO của nhà trường [2.7-01]. Hàng năm, dựa trên nhiệm vụ và kế hoạch giảng dạy, Bộ môn Điện công nghiệp lập kế hoạch biên soạn giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của ngành:

- Giáo trình được biên soạn theo nhóm do Trưởng nhóm môn học chịu trách nhiệm chính về nội dung, sau đó được đóng góp ý kiến của tất cả các giáo viên trong bộ môn và được Trưởng bộ môn duyệt nhằm đạt được tính chuyên môn cao, tính chuẩn mực và thống nhất về chuyên môn, tránh trùng lặp [2.7-02].
- Sau khi thông qua bộ môn, mỗi giáo trình được thẩm định thông qua Hội đồng khoa học Khoa [2.7-03].

- b. Nội dung chi tiết của giáo trình luôn được biên soạn nhằm đáp ứng tính đổi mới về nội dung, phương pháp giảng dạy, cập nhật tri thức bằng cách cập nhật giáo trình lại từng năm theo yêu cầu của Trưởng bộ môn [2.7-01], nội dung để sinh viên tham gia xây dựng bài học chủ yếu thông qua các câu hỏi từ cơ bản đến nâng cao và các bài tập về nhà và cũng được cập nhật thường xuyên trong từng bài giảng của giáo viên.

Tuy nhiên, một số môn học mới như Năng lượng tái tạo , Thực tập Thiết bị điều khiển điện,... đặc biệt là một số môn tự chọn (sẽ có trong chương trình 150 tín chỉ đang được xây dựng và áp dụng từ các năm học sau) hiện chỉ có đề cương chi tiết mà chưa có đầy đủ giáo trình.

- c. Việc thu thập đánh giá định kỳ giáo trình được tiến hành trong các cuộc họp Bộ môn [2.7-04] và thông qua các hội thảo về giáo trình được Thư viện tổ chức trong và ngoài trường vào cuối năm học với sự tham gia của các giảng viên, sinh viên và các chuyên gia nhằm cải tiến chất lượng giáo trình [2.7-05].

2. Điểm mạnh:

Tất cả các giáo trình môn học của ngành đều được biên soạn với nội dung tiên tiến, luôn được cập nhật hóa, và được định kỳ kiểm tra chất lượng (1 lần trong năm học).

3. Tồn tại:

Theo chương trình mới (150 tín chỉ) đang được xây dựng và sẽ áp dụng từ năm học

sau, hiện chưa có giáo trình cho một số môn học mới như Năng lượng tái tạo, Thực tập Thiết bị điều khiển điện,... đặc biệt là các môn tự chọn.

4. Kế hoạch hành động:

Bộ môn và Khoa tiến hành việc biên soạn giáo trình cho các môn học còn thiếu trong năm học 2011-2012 dựa trên đề cương chi tiết đã được thông qua.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.8. Bài giảng được định kỳ cập nhật những tri thức mới, đáp ứng yêu cầu của từng học phần.

- a. Biên soạn bài giảng đúng quy trình, chuyên tải được các yêu cầu của chuẩn đầu ra;
- b. Bài giảng bao gồm các kiến thức cơ bản, nâng cao, các câu hỏi, bài tập thực hành, ôn tập và có sử dụng sự hỗ trợ của công nghệ thông tin;
- c. Bài giảng được định kỳ cập nhật những tri thức mới, khoa học công nghệ tiên tiến.

1. Mô tả:

- a. Bài giảng của từng giáo viên được xây dựng từ nhóm chuyên môn, được Trường bộ môn xem xét, sửa chữa đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra của môn học theo đề cương chi tiết đã được Hội đồng khoa học Khoa và được đánh giá qua những buổi dự giờ của GV trong nhóm chuyên môn [2.8-01]. Vì vậy, các bài giảng luôn đúng nội dung của đề cương chi tiết và đáp ứng được chuẩn đầu ra của môn học.
- b. Các bài giảng được biên soạn chi tiết từ đề cương nên luôn đảm bảo các thành phần quan trọng của kiến thức từ cơ bản, nâng cao và luôn có các câu hỏi, bài tập thực hành, ôn tập. Đi kèm theo bài giảng này, giáo viên phải biên soạn tài liệu bằng PowerPoint [2.8-02] để thuận tiện cho việc trình chiếu, tùy theo bài giảng cụ thể mà giáo viên còn có thể kết hợp với các clip để mô tả trực quan về lý thuyết cũng như thực hành [2.8-03]. Hơn nữa, trong đề cương chi tiết luôn ghi rõ yêu cầu của môn học cần những kiến thức cơ bản nào, kỹ năng đạt được sau khi học. Mỗi chương đều có bài tập, báo cáo chuyên đề hoặc thực hành lý thuyết tùy theo từng môn học. 100% các bài giảng đều ứng dụng Multimedia giúp cho bài giảng sinh động, dễ hiểu, rõ ràng, chất lượng đào tạo được nâng cao. Chất lượng bài giảng luôn được kiểm tra thông qua việc dự giờ và trao đổi thông tin bài giảng giữa các giảng viên trong cùng một nhóm môn học [2.8-01].
- c. Việc cập nhật những tri thức mới trong bài giảng được thực hiện thông qua các buổi hội thảo, các khóa huấn luyện cho giảng viên do Trường, Khoa, Bộ môn và nước ngoài tổ chức hoặc các báo cáo chuyên đề do các giảng viên kinh nghiệm

trình bày [2.8-04], yêu cầu bắt buộc NCKH đối với giảng viên trong mỗi năm học [2.8-05]. Ngoài ra để giảng viên có được kiến thức thực tế, Khoa Điện – Điện tử còn chủ động gửi các giảng viên trẻ đi thực tập thực tế để nắm bắt những thông tin mới về công nghệ và tích lũy kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng bài giảng. Thông qua các hoạt động này, trong buổi họp cuối mỗi học kỳ, Bộ môn yêu cầu Trưởng nhóm môn học sinh hoạt với các giảng viên giảng dạy cùng môn học để cập nhật những chi tiết mới trong bài giảng nhằm từng bước cập nhật tri thức mới cũng như các yêu cầu mới của xã hội. Tuy nhiên, nội dung các kiến thức mới được cập nhật vào bài giảng thường mang tính chất thông tin công nghệ, hàm lượng học thuật còn ít.

2. Điểm mạnh:

Bài giảng luôn đáp ứng được yêu cầu của chuẩn đầu ra và được định kỳ cập nhật mới để phù hợp với sự phát triển của công nghệ.

3. Tồn tại:

Số lượng bài giảng, số lượng môn học và số chương trình do bộ môn đảm trách còn nhiều nên việc bổ sung, cập nhật cho bài giảng còn mang tính thông tin công nghệ hơn là mang tính học thuật.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2012-2013, Bộ môn Điện công nghiệp sẽ tăng cường các báo cáo chuyên đề khoa học để nâng cao tính học thuật của khoa học mới vào bài giảng của các học phần.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Việc xây dựng chương trình đào tạo có sự tham gia và tham khảo ý kiến của các chuyên gia cùng ngành, chuyên ngành trong nước, có tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trên thế giới. Cấu trúc chương trình và thực tế đào tạo nhận được sự đánh giá tích cực của nhiều chuyên gia trong ngành trong nước. Quy trình kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo đúng theo quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT và các quy định của Nhà trường. Kết quả kiểm tra đánh giá đã phản ánh đúng trình độ hiểu biết, kỹ năng của người học, phù hợp với mục tiêu chung, được thực hiện một cách thống nhất, minh bạch.

Xây dựng chương trình đào tạo có sự tham gia của các bên liên quan để đảm bảo tính cân đối, hợp lý, tính sư phạm, khoa học và cập nhật. Việc tổ chức đào tạo, phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả theo tiến trình đã được thực hiện.

Đánh giá chung: Số lượng tiêu chí đạt 8/8; Số lượng tiêu chí không đạt 0/8.

Tiêu chuẩn 3: Hoạt động đào tạo

Mở đầu:

Các hoạt động đào tạo của chương trình được thực hiện theo học chế tín chỉ và kế hoạch của nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Để đảm bảo chất lượng, nhà trường có nhiều hình thức kiểm tra nhằm đánh giá quá trình học tập của người học từ lý thuyết đến tay nghề; các hoạt động NCKH cũng được chú trọng để tăng tính năng động, sáng tạo và khả năng tư duy của người học. Bên cạnh đây, các hoạt động đào tạo luôn được nhà trường, khoa, bộ môn định kỳ rà soát và cải tiến thông qua các buổi đối thoại với người học và các doanh nghiệp sử dụng lao động nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội.

Tiêu chí 3.1. Công tác tuyển sinh của chương trình được thực hiện theo kế hoạch của nhà trường và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- a. Thực hiện công tác tuyển sinh rõ ràng, công khai, minh bạch, đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- b. Có các biện pháp thu hút người học đối với chương trình;
- c. Định kỳ rà soát và đánh giá nhu cầu đào tạo để điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí và quy trình tuyển sinh

1. Mô tả:

- a. Ngành Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp tuân thủ quy trình tuyển sinh đầu vào của Bộ GD&ĐT. Quy trình này được công khai, minh bạch. Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm được Bộ GD&ĐT thông qua và thông báo trên trang web [3.1-01]. Cụ thể liên tục trong các năm 2010, 2011 và 2012 là 50 chỉ tiêu. Các chỉ tiêu này được Thanh tra Bộ tiến hành kiểm tra việc thực hiện quy trình cho tất cả các hệ đại học, cao đẳng chính quy, hệ vừa học vừa làm.
- b. Nhà trường và Khoa Điện – Điện tử có các biện pháp như thông tin minh bạch về chương trình học của ngành Sư phạm Kỹ thuật Điện công nghiệp bằng cách đưa lên trang web của Trường và của Khoa [3.1-02]. Tại đây, người xem có thể dễ dàng tìm được những thông tin quan trọng về ngành học như chuẩn đầu ra của chương trình; các kiến thức, kỹ năng người học sẽ đạt được sau khi tốt nghiệp; nơi làm việc sau khi tốt nghiệp;...

Bộ môn cũng thường xuyên thực hiện các biện pháp quảng bá về ngành đào tạo như:

- Cử cán bộ tư vấn tuyển sinh tham gia theo đoàn tư vấn tuyển sinh của nhà trường vào mùa tuyển sinh tại các địa phương [3.1-03].
- Thông qua các buổi làm việc với UBND các tỉnh, Bộ môn đã có những giải thích về chuẩn đầu ra của ngành cũng như giới thiệu về tỷ lệ sinh viên có việc

làm, thành tích đạt được sau khi tốt nghiệp,...

- Thực hiện Ngày mở đề giới thiệu cho học sinh cuối cấp 3 về ngành SPKT Điện công nghiệp và cơ sở vật chất của Khoa [3.1-04]. Thông qua các buổi nói chuyện, trả lời trực tiếp với các học sinh cuối cấp 3, Bộ môn đã có những thay đổi trong việc tuyên truyền, quảng bá nhằm thu hút thêm nhiều người học thông qua các sản phẩm do chính các sinh viên ngành Sư phạm Điện công nghiệp thực hiện [3.1-04].
- Dựa vào sự tuyên truyền của các giảng viên giảng dạy các lớp liên kết chương trình đào tạo với các địa phương của trường. Đây là một phương án tuyên truyền hết sức hiệu quả cũng như thu thập các thông tin phản hồi từ người thân của học sinh vì hệ thống Internet ở các địa phương chưa phổ biến và các bậc phụ huynh học sinh chưa nắm vững cách thức tìm hiểu thông tin trên các trang mạng. Các thông tin đến được các học sinh cấp 3 của các địa phương rất chi tiết và có tác dụng lâu dài. Tuy nhiên, các tài liệu dùng để cung cấp thông tin, tư vấn tuyển sinh hay phân tích các ưu nhược của ngành học SPKT Điện công nghiệp chưa được cụ thể bằng các hình thức phổ biến như tờ rơi,... để phát cho các đối tượng có nhu cầu thực sự.

Mặc dù, hoạt động tư vấn tuyển sinh của nhà trường hiện còn thiên về các ngành kỹ thuật hơn là các ngành sư phạm kỹ thuật; nhìn chung, thông qua các hoạt động quảng bá tốt, số lượng sinh viên ngành SPKT Điện công nghiệp đã chiếm tỷ lệ cao (khoảng 4,13%) trong cơ cấu sinh viên của Trường cả hệ chính quy lẫn hệ tại chức.

c. Để điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí và quy định tuyển sinh; nhà trường và Khoa thực hiện định kỳ rà soát và đánh giá nhu cầu đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp thông qua các hoạt động như:

- Tổ chức giao lưu với cựu SV Khoa Điện – Điện tử để tìm hiểu sự đánh giá của xã hội về chất lượng đào tạo, năng lực và tương lai của sinh viên đã tốt nghiệp.
- Thực hiện các chuyến đi khảo sát tại các Sở, Ban ngành các tỉnh miền Trung và miền Tây để tìm hiểu nhu cầu các dự án đồng thời tìm hiểu nhu cầu đào tạo giáo viên dạy nghề, giáo viên SPKT Điện công nghiệp của địa phương [3.1-05].

Tuy nhiên, bên cạnh việc đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Bộ GD &ĐT về điểm chuẩn và quy trình tuyển sinh; nhà trường chủ trương không tăng chỉ tiêu tuyển sinh của khối này để đảm bảo một quy mô vừa đủ nhằm đảm bảo chất lượng đầu vào và chất lượng đào tạo tốt.

2. Điểm mạnh:

Các thông tin liên quan đến chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh được công bố công khai trên trang web của Trường và Khoa.

3. Tồn tại:

Các hoạt động tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh để thu hút người học cho các ngành Sư phạm kỹ thuật còn chưa được chú trọng bằng các ngành học khác.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học sau, nhà trường và Khoa xây dựng kế hoạch cụ thể bao gồm biên soạn tài liệu quảng bá và thực hiện tư vấn tuyển sinh để giới thiệu về ngành Sư phạm kỹ thuật nói chung, ngành Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp nói riêng cho các học sinh cuối cấp 3 của các địa phương.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.2. Tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi học phần, xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo hệ thống tín chỉ; định kỳ rà soát và cải tiến việc triển khai thực hiện.

- a. Có kế hoạch, quy trình và quy chế triển khai hệ thống tín chỉ phù hợp với cơ cấu tổ chức, nguồn lực của nhà trường;
- b. Tổ chức triển khai có hiệu quả hệ thống tín chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- c. Định kỳ rà soát quy trình, quy chế triển khai hệ thống tín chỉ theo hướng từng bước nâng cao chất lượng đào tạo.

1. Mô tả:

- a. Kế hoạch đào tạo năm học và từng học kỳ được thực hiện theo quy chế học chế tín chỉ về tổ chức đào tạo và theo quy trình Lập kế hoạch, thực hiện giảng dạy của nhà trường [3.2-01]. Điều này được cụ thể hoá tại bảng kế hoạch đào tạo do Phòng Đào tạo và Khoa lập cho ngành SPKT Điện công nghiệp. Trong bảng kế hoạch này, Bộ môn dựa vào nguồn nhân lực của mình mà phân công các GV phù hợp với các môn lý thuyết và thực tập trên cơ sở vật chất do Bộ môn quản lý [3.2-02].
- b. Việc tổ chức triển khai kế hoạch đào tạo được thực hiện như sau: Đối với các môn lý thuyết, được hoàn tất thông qua quy trình đăng ký môn học của sinh viên theo hướng dẫn trong Sổ tay sinh viên và hướng dẫn đăng ký trên trang Web của nhà trường [2.4-03]. Việc phân bổ số lớp trên từng môn học được căn cứ ước lượng trên nhu cầu của SV, cơ sở vật chất của nhà trường và nguồn năng lực tại Bộ môn. Đối với các môn thực tập, Khoa Điện – Điện tử chịu trách nhiệm phân bổ lịch thực tập đảm bảo sự phù hợp về thời gian giữa các ngành khác và ngành SPKT ĐCN, cũng như lập dự toán các chi phí vật tư thực tập phù hợp với số SV đăng ký và gửi Phòng Thiết bị – Vật tư để đảm bảo tính thống nhất của toàn kế hoạch. Kết quả đăng ký được phản hồi ngay thông qua thời khoá biểu của từng sinh viên [3.2-03]

và thời khoá biểu của từng giảng viên [3.2-04]. Kế hoạch đào tạo thông qua thời khoá biểu của sinh viên và giảng viên còn có thời khoá biểu chung toàn bộ môn [3.2-02] được Trường bộ môn quản lý và thời khoá biểu toàn khoa do Trường khoa quản lý. Tuy nhiên, việc tổ chức cho SV đăng ký môn học qua mạng chưa thật an toàn và công bằng do tính bảo mật của hệ thống chưa cao và SV thường để lộ mật khẩu, dẫn đến bị hệ thống loại bỏ tên trong danh sách lớp học.

Theo quy định của nhà trường , ngay từ các buổi lên lớp đầu tiên của môn học , giảng viên phải giới thiệu cho sinh viên biết rõ Đề cương môn học [3.2-05], thông báo rõ số giờ lên lớp tối thiểu, tỷ trọng của kỳ thi giữa kỳ và thi cuối kỳ (lý thuyết) hay lịch thực tập (thực hành). Để kiểm soát quá trình học tập của sinh viên, GV có danh sách điểm danh SV đối với các lớp lý thuyết và danh sách điểm số cho từng buổi học thực hành đối với lớp học thực hành. Việc đánh giá sinh viên được tiến hành trong suốt quá trình học tập thông qua hình thức kiểm tra giữa kỳ [3.2-06]. Thời gian kiểm tra, số đợt kiểm tra, nội dung và hình thức kiểm tra (tự luận, trắc nghiệm, tiểu luận theo nhóm,...) do GV đứng lớp thỏa thuận với sinh viên.

Việc tổ chức triển khai hoạt động đào tạo theo hệ thống tín chỉ là sự phối hợp trách nhiệm của lãnh đạo Khoa, Bộ môn và các phòng ban chức năng [3.2-07]. Bên cạnh việc tự giám sát của Khoa, Bộ môn còn có sự giám sát của Phòng Thanh tra giáo dục theo quy định của nhà trường [3.2-08] thông qua thời khoá biểu của toàn trường.

- c. Hàng năm, Bộ môn Điện công nghiệp đã tổ chức thu thập các ý kiến phản hồi của giảng viên, người học để định kỳ rà soát quy trình, quy chế triển khai hệ thống tín chỉ theo hướng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo:

Tiếp thu ý kiến phản hồi của giảng viên: Tất cả GV trong Bộ môn đều có lịch trình tham dự công tác dự giờ của các GV khác trong BM và được các GV khác dự giờ. Nội dung phiếu dự giờ gồm nhiều tiêu chí quan trọng phản ánh tính sư phạm tính tích cực của SV và GV giảng dạy trong học tập. Bên cạnh đó, còn có các đợt dự giờ của Trường bộ môn, của lãnh đạo Khoa, của Phòng Đào tạo,... [2.8-01].

Tiếp thu ý kiến phản hồi của sinh viên: Tất cả các SV đều được phát phiếu đánh giá từng GV giảng dạy cho từng môn học theo quy trình và mẫu do nhà trường ban hành [3.2-09]. Các tiêu chí đánh giá gồm tiêu chí về sư phạm, chất lượng giảng dạy,... Bên cạnh đó, Bộ môn còn tổ chức các buổi đối thoại trực tiếp với SV theo quy định của Khoa và nhà trường [2.7-05]. Đây là những buổi được SV hết sức quan tâm và đóng góp nhiều ý kiến quý báu cho lãnh đạo Bộ môn và lãnh đạo Khoa.

Từ những dữ liệu thu được, trong mỗi học kỳ, Bộ môn sẽ có các buổi sinh hoạt BM để hiệu chỉnh lại kế hoạch giảng dạy, nhắc nhở GV về nề nếp, giờ giấc và thảo luận để nâng cao chất lượng giảng dạy.

2. Điểm mạnh:

Việc đăng ký môn học được SV thực hiện qua mạng nên tiết kiệm nhiều chi phí và nhanh chóng, chính xác.

3. Tồn tại:

Việc đăng ký qua mạng thường gặp khó khăn do quy trình bảo mật và ý thức bảo vệ mật khẩu của SV chưa cao.

4. Kế hoạch hành động:

Nhà trường tìm biện pháp tăng cường tính bảo mật trong việc đăng ký môn học qua mạng từ học kỳ 1 năm học 2012 – 2013.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.3. Đa dạng hoá phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học; đảm bảo đánh giá chính xác, khách quan và phản hồi kịp thời tới người học.

- a. Có quy định rõ ràng về quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá theo quy chế hiện hành và được công bố công khai, phổ biến tới người học;
- b. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo chính xác, khách quan theo mục tiêu học phần/môn học;
- c. Kết quả kiểm tra, đánh giá được lưu trữ an toàn và phản hồi kịp thời đến người học để điều chỉnh việc học tập.

1. Mô tả:

- a. Để đảm bảo tính công bằng trong học tập, rèn luyện thể chất, giáo dục quốc phòng, tu dưỡng đạo đức; Bộ môn, Khoa luôn công bố công khai tới từng sinh viên các quy định có liên quan, như: Nội dung học, ôn tập, tỷ lệ điểm giữa kỳ và điểm thi kết thúc môn học, điều kiện được dự thi, các môn học bắt buộc và môn học song hành,... thông qua Đề cương môn học được công bố trong buổi đầu tiên của môn học [3.3-01], trang web Phòng Đào tạo hoặc Sổ tay sinh viên.

Ngoài ra trong Sổ tay sinh viên còn công khai các quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên, quy trình đăng ký môn học, quy định xét làm đồ án tốt nghiệp, quy trình đánh giá kết quả rèn luyện, ... nhiều thông tin tư vấn, hướng dẫn để sinh viên thực hiện tốt việc học tập như Quy chế 43 của Bộ GD&ĐT, kế hoạch học tập,... [3.3-02].

- b. Nhằm kiểm soát được nội dung học tập phù hợp với mục tiêu học phần, việc tổ chức thi cuối kỳ phải tuân thủ theo quy trình Lập kế hoạch thực hiện thi (kiểm tra) [3.3-03] và các quy trình ra đề thi, bảo mật đề thi của Trường [3.3-04]. Trong Quy

trình Ra đề thi và bảo mật đề thi viết, Trưởng bộ môn là người kiểm tra nội dung đề thi do GV là trưởng nhóm môn học ra đề và cũng là người chịu trách nhiệm bảo mật đề thi như: bảo quản đề thi, trực tiếp phô tô đề thi và niêm phong túi bài thi. Ngoài ra, để đảm bảo tính chính xác trong việc đánh giá kết quả học tập theo quá trình học, chủ trương của nhà trường là khuyến khích các giảng viên đa dạng hoá các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả của SV như: thi tự luận, thi trắc nghiệm, làm tiểu luận – báo cáo trước lớp, thi vấn đáp đối với các đồ án môn học. Để tạo điều kiện cho GV thực hiện tốt việc hoàn tất điểm giữa kỳ; nhà trường, Khoa, Bộ môn không quy định bất cứ hình thức thi bắt buộc nào. Việc đánh giá quá trình học tập của SV thông qua điểm giữa kỳ gồm nhiều hình thức thi do GV đứng lớp trực tiếp quy định. Để đảm bảo tính công bằng, đánh giá chính xác kết quả của sinh viên, Bộ môn tuân thủ quy trình chấm bài thi học kỳ của SV như thời gian chấm, công bố đáp án để SV tham khảo và tự đánh giá điểm của mình so với điểm do GV chấm. Đáp án được công bố chính thức cũng có thể xem như một tài liệu học tập, tài liệu tham khảo cho SV. Sinh viên muốn chấm phúc khảo bài thi của mình phải tuân thủ quy trình chấm phúc khảo do Văn phòng khoa hướng dẫn. Đối với GV, khi chấm phúc khảo phải tuyệt đối tuân thủ quy trình chấm phúc khảo nhằm đem lại sự công bằng, đảm bảo sự chính xác về điểm số cho SV.

Tuy nhiên, đối với các kỳ thi cuối kỳ, các GV vẫn thường chọn hình thức thi tự luận và một số ít môn học triển khai thi trắc nghiệm mà chưa thật sự đa dạng hình thức kiểm tra như kỳ thi giữa kỳ.

- c. Kết quả kiểm tra người học được Bộ môn coi trọng, tuân thủ theo quy định của nhà trường về quy trình phản hồi kết quả người học, cụ thể:
- Điểm thi các môn học phải công bố sau 1 tuần kể từ ngày thi.
 - Điểm thi được dán tại bảng thông báo.
 - Có quy trình tiếp nhận đơn xin phúc khảo bài thi, cập nhật điểm thi vào hồ sơ của sinh viên.
 - Sinh viên có thể tham khảo thành tích học tập của mình trên mạng qua tài khoản riêng của mình và có thể khiếu nại với Văn phòng Khoa và Phòng Đào tạo khi có sai sót [3.3-05].

2. Điểm mạnh:

Khoa và Bộ môn đã công khai minh bạch các hình thức thi cử, tỷ trọng các kỳ thi trong đề cương môn học hay việc công khai đáp án và thang điểm cho sinh viên. Đảm bảo đề thi đáp ứng các mục tiêu của học phần.

3. Tồn tại:

Chưa đa dạng hình thức kiểm tra cuối kỳ nên không thể kiểm tra toàn diện về kiến thức cũng như các kỹ năng của sinh viên như đã yêu cầu trong đề cương chi tiết của

học phần.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm học 2012-2013, Bộ môn sẽ có kế hoạch làm việc với các chuyên gia sư phạm để xây dựng các hình thức thi và nội dung thi cho từng học phần nhằm kiểm tra được toàn diện kỹ năng của người học như đã đề ra trong đề cương chi tiết.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.4. Hoạt động thực hành bộ môn của chương trình được tổ chức hiệu quả.

- a. Nội dung, quy trình thực hành bộ môn đáp ứng mục tiêu đào tạo sư phạm kỹ thuật công nghiệp trình độ đại học;
- b. Nội dung thực hành phù hợp với thực tiễn, trình độ khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- c. Định kỳ thu thập ý kiến đánh giá nội dung, quy trình thực hành nhằm điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động thực hành.

1. Mô tả:

- a. Chương trình đào tạo ngành SPKT Điện công nghiệp có số tín chỉ thực hành , thực tập chiếm hơn 10% tổng số tín chỉ của chương trình; bao gồm các môn thực tập từ cơ bản đến nâng cao. Mỗi môn thực tập chiếm từ 2 đến 3 tín chỉ và được phân bố đều từ học kỳ thứ 4 cho đến khi kết thúc chương trình . Các môn thực tập này được bố trí ở học kỳ ngay sau khi học lý thuyết xong nhằm giúp sinh viên hiểu rõ hơn về lý thuyết đã học. Ngoài trừ đợt thực tập sư phạm và thực tập tốt nghiệp ở bên ngoài vào học kỳ cuối để giúp sinh viên làm quen với thực tế công việc sau này , hầu hết các môn thực tập được bố trí tại các phòng thí nghiệm và xưởng thực hành của Trường nên sinh viên ngành SPKT Điện công nghiệp không bị trùng lặp giữa thời gian học lý thuyết ở trường và thời gian thực tập bên ngoài.

Các nội dung trong bài thực tập được trình bày giúp SV dễ dàng thực hiện được bài báo cáo của mình, trong đó ngoài những yếu tố về chuyên môn, SV còn được rèn luyện về các nghiệp vụ sư phạm như trình bày nội dung thực tập, thí nghiệm, trình tự thí nghiệm, lợi ích của bài học trong tổng thể kiến thức của người học cho giáo viên đứng lớp và các SV của nhóm khác trước giờ thực tập và trong buổi kiểm tra cuối khoá học.

Nội dung và quy trình thực hành đáp ứng mục tiêu đào tạo sư phạm kỹ thuật trình độ đại học thông qua hệ thống quản lý ISO của Khoa Điện – Điện Tử mà BM Điện công nghiệp là thành viên. Quy trình thực hành các bài thực tập, thí nghiệm của các

phòng thực tập được trình bày trong tài liệu hướng dẫn thực tập [3.4-01]. Nội dung này được vào GV có chuyên môn và các trưởng BM có liên quan đến ngành đào tạo biên soạn và thông qua.

Để đảm bảo chất lượng tay nghề thực hành, quá trình thực tập được theo dõi chặt chẽ thông qua cách đánh giá cho mỗi buổi thực tập. Nội dung thực tập thường được bố trí trong một buổi thực tập [3.4-02] và GV đánh giá kỹ năng chuyên môn, kỹ năng sư phạm, kết quả thực tập, thái độ thực tập của từng SV thông qua điểm thực tập ngày. Điểm kết thúc môn học thực tập của SV là điểm trung bình của các điểm này và điểm thi cuối kỳ.

- b. SV ngành Điện công nghiệp luôn được thực tập trên các thiết bị có tính sư phạm cao, đảm bảo SV nắm vững nguyên lý hoạt động, cấu trúc thiết bị của các hãng sản xuất đồ dùng dạy học nổi tiếng trên thế giới như LeBold, LaVolt, DeLozenro. Bên cạnh đó, với lợi thế là một trường lớn, ngành Điện công nghiệp được xã hội chấp nhận nên được nhiều công ty nước ngoài chú ý và xem SV của ngành là các khách hàng tiềm năng, đã có nhiều phòng thực tập và phòng thí nghiệm được tài trợ như phòng GE, RockWell, Panasonic,... đảm bảo được tính hiện đại, tính mới của công nghệ,... [3.4-03].

Song song với các chương trình học thực tập bắt buộc, Bộ môn còn tổ chức nhiều cuộc thi tay nghề trong SV [3.4-04] do các công ty bên ngoài hỗ trợ kinh phí, GV ra đề thi và chấm thi cùng kỹ sư/ chuyên gia của công ty. Các cuộc thi tay nghề này cũng là một động lực lớn để SV nỗ lực học tập nâng cao trình độ và tay nghề thực hành.

- c. Cũng như các môn học lý thuyết, các môn học thực hành đều được thu thập ý kiến phản hồi của SV thông qua phiếu đánh giá GV giảng dạy [3.2-09] và phiếu dự giờ GV [3.4-05], dữ liệu từ các buổi đối thoại trực tiếp với SV cấp khoa [2.2-07] và cấp trường [3.4-06] nhằm cải tiến nâng cao chất lượng giảng dạy thực hành.

Tuy nhiên, việc thực tập của SV tại các cơ sở sản xuất thực tế còn hạn chế, chủ yếu dựa vào các quan hệ cá nhân của các giảng viên.

2. Điểm mạnh:

Đảm bảo được tính sư phạm, tính công nghệ và tính hiện đại trong giảng dạy thực hành

3. Tồn tại:

Nội dung và địa điểm thực tập tốt nghiệp của SV tại các cơ sở sản xuất còn hạn chế chưa thật sự đi vào chiều sâu.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm 2011 – 2012, Khoa Điện – Điện tử lên kế hoạch đi khảo sát các cơ sở sản xuất để xây dựng các nội dung thực tập thích ứng với từng cơ sở và đáp ứng chất

lượng đào tạo.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.5. Xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động nghiệp vụ sư phạm có hiệu quả; hàng năm lấy ý kiến phản hồi và có biện pháp cải tiến chất lượng các hoạt động nghiệp vụ sư phạm.

- a. Xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động nghiệp vụ sư phạm có hiệu quả. Quy trình, nội dung và phương pháp nghiệp vụ sư phạm được công bố công khai cho giảng viên, người học;
- b. Có biện pháp giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động nghiệp vụ sư phạm;
- c. Định kỳ thu thập và sử dụng các ý kiến phản hồi của người học, người hướng dẫn, giảng viên để cải tiến quy trình, phương pháp và nội dung của các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

1. Mô tả:

- a. Kế hoạch tổ chức hoạt động nghiệp vụ sư phạm tại Bộ môn Điện công nghiệp nói riêng hay các hoạt động đào tạo khác của nhà trường đều được thể hiện qua kế hoạch năm học do Phòng Đào tạo thực hiện đầu năm học [3.5-01]. Kế hoạch tổ chức và quy trình của các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm được phổ biến đến từng sinh viên trong Sổ tay sinh viên [1.1-02] hay trong chương trình đăng ký môn học trên trang web của nhà trường [2.4-03]. Nội dung và phương pháp học tập và rèn luyện các nghiệp vụ sư phạm được cụ thể hóa thông qua đề cương chi tiết nhóm các môn học về nghiệp vụ sư phạm: Tâm lý học, Phương pháp dạy học kỹ thuật, Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, Ứng dụng CNTT trong dạy kỹ thuật,... [3.5-02].
- b. Hoạt động nghiệp vụ sư phạm cũng là các học phần trong chương trình đào tạo vì vậy việc giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động rèn luyện này của sinh viên được tuân thủ theo quy định và quy trình ISO của nhà trường. Các biện pháp cụ thể để kiểm soát quá trình này được thể hiện qua điểm thi giữa kỳ, điểm thi cuối kỳ các môn học về nghiệp vụ sư phạm [3.5-03]; hợp đồng, biên bản thanh lý với các cơ sở thực tập nghiệp vụ sư phạm [3.5-04].
- c. Việc thu thập ý kiến phản hồi của sinh viên về nội dung, kế hoạch,... học lý thuyết và thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm được thực hiện tại các buổi đối thoại giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường và Khoa tổ chức định kỳ 1 lần/học kỳ [2.7-05] và ngay sau mỗi lần thực tập sư phạm. Tuy nhiên, các ý kiến đóng góp về hoạt động nghiệp vụ sư phạm còn chưa nhiều, Bộ môn cần có biện pháp để sinh viên góp ý về vấn đề này nhiều hơn.

Các giảng viên thường xuyên phải đánh giá kết quả các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của SV thông qua điểm thi, kết quả báo cáo thực tập và ý kiến đóng góp của giáo viên hướng dẫn SV thực tập. Từ đó, các giảng viên có ý kiến đóng góp, đề ra các biện pháp cải tiến nội dung, đổi mới phương pháp và quy trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

2. Điểm mạnh:

Thực hiện tốt việc giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên.

3. Tồn tại:

Các buổi sinh hoạt, đối thoại với SV, tuy có nội dung sinh hoạt cụ thể nhưng các ý kiến đóng góp về nội dung rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của SV chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

Bộ môn xây dựng một số câu hỏi gợi ý để sinh viên ngành Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp đóng góp ý kiến nhiều hơn về hoạt động nghiệp vụ sư phạm.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.6. Hoạt động thực tập sư phạm được tổ chức hiệu quả.

- a. Nội dung, quy trình thực tập nghiệp vụ sư phạm đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình; phù hợp với thực tiễn khoa học kỹ thuật, công nghệ;
- b. Tổ chức thực hiện kế hoạch thực tập sư phạm có hiệu quả;
- c. Định kỳ thu thập ý kiến phản hồi về nội dung, quy trình thực tập sư phạm để điều chỉnh, cải tiến nâng cao hiệu quả thực tập sư phạm.

1. Mô tả:

- a. Nội dung thực tập nghiệp vụ sư phạm đảm bảo đúng chuẩn về nghiệp vụ sư phạm do Bộ GD&ĐT ban hành, đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với thực tiễn khoa học kỹ thuật, công nghệ của ngành. Quy trình thực tập nghiệp vụ sư phạm hợp lý, khoa học. Trong quá trình học tập để có chứng chỉ sư phạm [3.6-01], sinh viên đăng ký các môn học thuộc nhóm sư phạm kỹ thuật, được các giáo viên của Khoa Sư phạm Kỹ thuật gửi đi thực tập giảng dạy tại các cơ sở để nâng cao trình độ nghiệp vụ [3.5-04]. Trong quá trình thực tập tại cơ sở, sinh viên được giáo viên của cơ sở hướng dẫn giúp đỡ hoàn thiện các kỹ năng sư phạm, ứng xử sư phạm,... để phù hợp với thiết bị thực tập, trình độ học viên của cơ sở.
- b. Các biện pháp tổ chức thực hiện hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên đều được tuân thủ theo quy định của nhà trường. Tại cơ sở, sinh viên được

tham dự các giờ giảng thực tế và còn phải thực hiện riêng cho mình một giáo án, bài giảng và trực tiếp đứng lớp để Hội đồng tại cơ sở đánh giá trực tiếp về kỹ năng sư phạm và trình độ chuyên môn. Riêng việc thực tập sư phạm tại các cơ sở, ngoài việc đánh giá của các giáo viên cơ sở còn có ý kiến đánh giá của giáo viên nhà trường để đảm bảo tính công bằng và minh bạch [3.6-02].

Tuy nhiên, do số lượng sinh viên đến thực tập tại cơ sở trong từng đợt còn khá đông nên thời gian để sinh viên thực hiện nghiệp vụ giảng dạy còn hạn chế (3 tiết/sinh viên).

- c. Định kỳ 1 lần/học kỳ, sinh viên có thể đóng góp ý kiến về việc thực tập sư phạm tại các buổi đối thoại trực tiếp ở cấp trường và cấp khoa [3.4-06]. Ngoài ra, việc thu thập ý kiến phản hồi của SV về điều kiện thực tập (về thời gian hay vị trí địa lý,...), những khó khăn mà SV gặp phải khi đứng lớp lần đầu tiên, mức độ phù hợp của giáo án, bài giảng,... cũng được thực hiện ngay sau mỗi lần thực tập sư phạm.

Các giáo viên hướng dẫn tại cơ sở thực tập cũng có những buổi tổng kết, làm việc với giảng viên của Trường ĐH SPKT TP.HCM sau mỗi đợt thực tập sư phạm với nội dung làm việc chủ yếu là đánh giá năng lực sư phạm và chuyên môn của SV.

Trên cơ sở các ý kiến đóng góp đó, thông qua các buổi họp định kỳ của Bộ môn [2.7-04], Bộ môn có những điều chỉnh về nội dung và kế hoạch thực tập để nâng cao hiệu quả thực tập sư phạm của sinh viên.

2. Điểm mạnh:

Nội dung và quy trình thực tập nghiệp vụ sư phạm đáp ứng chuẩn về nghiệp vụ sư phạm của Bộ GD&ĐT, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với thực tiễn khoa học kỹ thuật, công nghệ.

3. Tồn tại:

Thời lượng dành cho một sinh viên được rèn luyện nghiệp vụ giảng dạy còn ít.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm 2012-2013, các giáo viên hướng dẫn sinh viên thực tập sư phạm cần tìm thêm nhiều điểm thực tập hơn nữa để giảm số lượng sinh viên/đợt thực tập tại cơ sở, từ đó nâng thời gian thực tập giảng dạy của từng sinh viên.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.7. Tạo môi trường học tập thuận lợi nhằm thúc đẩy khả năng tự học và nghiên cứu khoa học của người học.

- a. Tạo môi trường giảng dạy và học tập tích cực, thân thiện hướng đến người học;
- b. Tạo cơ hội học tập tương tác nhằm thúc đẩy tính chủ động, sự say mê và hứng

thú học tập của người học;

c. Có biện pháp hỗ trợ tự học và nghiên cứu khoa học cho người học.

1. Mô tả:

a. Bộ môn thường xuyên tạo môi trường giảng dạy và học tập tích cực, thân thiện để SV tham gia tích cực vào quá trình học và trao đổi với GV giảng dạy thông qua các biện pháp sau:

- SV được tham gia thực tập sư phạm bắt buộc tại các trường cao đẳng, trung cấp hay tại các cơ quan xí nghiệp với thời gian 3 tuần, bao gồm việc dự giờ, soạn giáo án và thực tập giảng dạy với sự giám sát, đánh giá của giáo viên trường sở tại và giáo viên của Trường ĐH SPKT TP.HCM [3.5-04].
- Việc đổi mới phương pháp giảng dạy của các giáo viên thông qua cuộc thi giáo viên dạy tốt của các giáo viên trẻ ở cả các môn lý thuyết và thực hành [3.7-01]. Mục tiêu của các cuộc thi này là lấy SV làm trung tâm, nâng cao tính chủ động, tính tích cực của SV tham gia vào bài giảng dưới nhiều hình thức như: SV viết tiểu luận và cho báo cáo trước lớp để lấy điểm giữa kỳ.
- Khuyến khích sinh viên tự học, tự trao đổi thông tin chuyên ngành, thảo luận nhóm trong giờ học. Minh chứng cho các biện pháp này là các phiếu đánh giá phản hồi của SV [3.7-02] và phiếu dự giờ của các GV cùng Bộ môn [2.8-01].

b. Trong các môn học , giảng viên chú ý tạo điều kiện để tăng cường tính tương tác giữa giáo viên và sinh viên , giữa sinh viên và sinh viên thông qua các hình thức giảng dạy theo tình huống, báo cáo chuyên đề, làm việc theo nhóm,...

Ngoài ra để thúc đẩy tính sáng tạo, tính chủ động, sự say mê và hứng thú học tập của sinh viên và giúp sinh viên có động lực học tập tốt; nhà trường, Khoa và Bộ môn đã tạo điều kiện cho sinh viên tham gia sân chơi của phong trào Robocon [3.7-03]; tổ chức giao lưu với các cựu sinh viên và giáo viên trên diễn đàn webdien, cuusinhvienkddt,...; hỗ trợ các SV nghèo vượt khó bằng các phần học bổng của Hội Cựu sinh viên Khoa Điện – Điện tử.

Tuy nhiên, vẫn còn ít các sân chơi được tổ chức với đặc thù riêng cho sinh viên ngành sư phạm (như Hội thi nét đẹp sư phạm,...).

c. Sinh viên được khuyến khích tham gia NCKH với những đề tài xây dựng mô hình, đồ dùng dạy học, hay các đề tài tốt nghiệp có liên quan đến việc biên soạn giáo trình các môn học thực hành và lý thuyết [3.7-04, 3.7-05] nên tạo không khí và niềm cảm hứng tự nghiên cứu, đặc biệt hỗ trợ nhiều cho kỹ năng sư phạm của SV sau này.

Để hỗ trợ cho việc tự học của sinh viên , trên trang Web của Khoa, Bộ môn có hướng dẫn SV cách tìm kiếm thông tin chuyên ngành thông qua các địa chỉ hữu ích [2.6-03]. Khoa cũng đã biên soạn bộ từ điển Anh - Việt đối chiếu cho từng môn

học trong chuyên ngành Điện công nghiệp làm công cụ giúp sinh viên đọc các tài liệu chuyên ngành [3.7-06].

2. Điểm mạnh:

Sinh viên được khuyến khích tham gia NCKH các đề tài có liên quan đến việc rèn luyện tính tự học, tự nghiên cứu.

Xây dựng bộ từ điển Anh - Việt đối chiếu cho từng môn học trong chuyên ngành Điện công nghiệp giúp SV nâng cao khả năng tìm kiếm và đọc tài liệu trên mạng.

3. Tồn tại:

Nhà trường chưa tổ chức thường xuyên các sân chơi riêng g cho sinh viên ngành su phạm.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2012-2013, Khoa Điện – Điện tử tư vấn cho nhà trường để hàng năm có các cuộc thi được tổ chức theo chủ đề “Nét đẹp Su phạm kỹ thuật”.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.8. Các hoạt động đào tạo được triển khai theo kế hoạch và được định kỳ giám sát, đánh giá để nâng cao chất lượng đào tạo.

- a. Có các văn bản quy định về công tác quản lý, phối hợp các hoạt động đào tạo của chương trình; có kế hoạch đào tạo năm học, từng học kỳ, chi tiết đến từng học phần, cụ thể cho các giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập;
- b. Định kỳ giám sát, kiểm tra đánh giá tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện kế hoạch đào tạo;
- c. Hằng năm thu thập các ý kiến phản hồi của giảng viên, người học để cải tiến các hoạt động đào tạo.

1. Mô tả:

- a. Việc quản lý và phối hợp các hoạt động đào tạo được nhà trường quy định trong các văn bản về chức năng, nhiệm vụ của các khoa, phòng ban chức năng [2.2-02, 2.2-04, 2.2-05, 3.2-08,...] và các quy trình ISO có liên quan đến hoạt động đào tạo [2.2-01, 3.2-01, 3.3-03, 3.3-04,...].

Kế hoạch đào tạo năm học và từng học kỳ được định hướng cụ thể trong văn bản mục tiêu chất lượng năm học [3.8-01] hay cụ thể hơn tại bảng kế hoạch đào tạo do Phòng Đào tạo lập [3.5-01]. Các quy định về quản lý, phối hợp giữa các đơn vị trong việc lập kế hoạch và thực hiện giảng dạy được quy định rõ trong quy trình ISO của nhà trường [3.8-02]. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng học phần được thể

hiện ở thời khoá biểu của từng sinh viên [3.2-03] và thời khoá biểu của từng giảng viên [3.2-04]. Trong thời khoá biểu của sinh viên, ngoài tên sinh viên, mã số sinh viên, tên các môn học (lý thuyết và thực hành) còn thể hiện các nội dung như thời gian học trong ngày, kéo dài bao lâu, phòng học, giảng viên, kèm các ghi chú cần thiết. Trong thời khoá biểu của giảng viên, ngoài tên giảng viên, mã số sinh viên, tên các môn học (lý thuyết và thực hành) còn thể hiện các nội dung như thời gian học trong ngày, kéo dài bao lâu, phòng học, kèm các ghi chú cần thiết.

Kế hoạch đào tạo không chỉ được thể hiện thông qua thời khoá biểu của sinh viên và giảng viên mà thể hiện qua thời khoá biểu chung toàn bộ môn được Trường bộ môn quản lý và thời khoá biểu toàn khoa do Trường khoa quản lý [3.2-02].

Tuy nhiên, do tính tích hợp giữa 2 phần chuyên môn và sư phạm của chương trình đào tạo chưa cao nên kế hoạch đào tạo đôi khi còn bị động, chất lượng thực tập sư phạm còn hạn chế.

- b. Việc tổ chức giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo được Bộ môn, Khoa quản lý theo thời khoá biểu chung. Bên cạnh việc tự giám sát này, còn có sự giám sát của Phòng Thanh tra Giáo dục theo quy định của nhà trường [3.2-08, 3.8-03].

Để kiểm soát chất lượng học tập của sinh viên ngành SPKT Điện công nghiệp, Bộ môn thực hiện theo quy định của nhà trường về việc kiểm tra giữa kỳ [3.2-06] nhằm đánh giá SV trong suốt quá trình học tập. Việc đánh giá này được tổ chức trong suốt quá trình học tập. Thời gian thi, nội dung, hình thức thi do GV đứng lớp thỏa hiệp với SV dưới nhiều hình thức (nhiều đợt thi, hình thức thi – tự luận, trắc nghiệm, tiểu luận theo nhóm,...). Chất lượng giảng dạy của giáo viên cũng được đánh giá qua các buổi dự giờ có thông báo trước theo kế hoạch của Bộ môn [3.8-04].

Hiệu quả của quá trình giảng dạy được đánh giá qua điểm giữa kỳ và điểm cuối kỳ với đề thi chung được lấy ít nhất 20% từ ngân hàng câu hỏi, mức độ tương tự các đề thi cũ 20% và có sự thông qua của Trưởng nhóm môn học và Trưởng bộ môn. Đề thi này được sử dụng cho tất cả các lớp học và thi cùng ngày.

- c. Hàng năm, Bộ môn Điện công nghiệp đều tổ chức thu thập các ý kiến phản hồi của giảng viên, người học để cải tiến các hoạt động quản lý đào tạo này.

Tiếp thu ý kiến phản hồi của GV: Tất cả GV trong BM đều có lịch trình tham dự công tác dự giờ của các GV khác trong BM và được các GV khác dự giờ [3.8-04]. Nội dung phiếu dự giờ gồm nhiều tiêu chí quan trọng phản ánh tính sư phạm, tính tích cực của SV và GV giảng dạy trong học tập.

Tiếp thu ý kiến phản hồi của SV: Tất cả các SV trong khoa, trường đều được phát Phiếu lấy ý kiến về hoạt động giảng dạy lý thuyết của giảng viên cho từng môn học theo quy trình và mẫu do nhà trường ban hành [3.2-09]. Các tiêu chí đánh giá gồm

tiêu chí về sư phạm, chất lượng giảng dạy,... Trong mỗi học kỳ , nhà trường và Khoa đều tổ chức các buổi đối thoại trực tiếp giữa sinh viên với Khoa và với lãnh đạo nhà trường [2.7-05]. Đây là những buổi được SV hết sức quan tâm và đóng góp nhiều ý kiến quý báu cho lãnh đạo Khoa và lãnh đạo Bộ môn.

Từ những dữ liệu thu được, trong mỗi học kỳ, Bộ môn sẽ có các buổi sinh hoạt để hiệu chỉnh lại kế hoạch giảng dạy, nhắc nhở GV về nề nếp, giờ giấc và thảo luận để nâng cao chất lượng giảng dạy.

2. Điểm mạnh

Trong mỗi học kỳ, nhiều ý kiến phản hồi xác đáng và có giá trị thực tiễn để cải tiến các hoạt động đào tạo đã được thu thập thông qua các phiếu lấy ý kiến sinh viên và các phản hồi của GV , sinh viên trong các buổi gặp gỡ đối thoại trực tiếp hay trong các buổi sinh hoạt chuyên môn tại Khoa và Bộ môn.

3. Tồn tại

Kế hoạch đào tạo còn bị phân cách bởi 2 khối kiến thức chuyên môn và sư phạm . Vì vậy, việc tổ chức đào tạo, nhất là thực tập sư phạm, còn khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Khoa và Bộ môn tiếp tục hoàn thiện tính tích hợp 2 mục tiêu chuyên môn và sư phạm trong từng môn học và toàn bộ chương trình.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Các hoạt động đào tạo của chương trình ngành Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp được thực hiện theo học chế tín chỉ và kế hoạch của nhà trường theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Nhà trường đã thực hiện nhiều hình thức kiểm tra nhằm đánh giá quá trình học tập của người học từ lý thuyết đến kỹ năng, tay nghề. Bên cạnh việc thực tập chuyên môn tại trường, kỹ năng sư phạm của người học luôn được chú trọng, được rèn luyện và trải nghiệm thông qua các buổi đứng lớp trực tiếp tại các cơ sở địa phương. Ngoài ra, các hoạt động NCKH cũng được nhà trường tạo điều kiện cho SV thực hiện nhằm tăng tính năng động, sáng tạo và khả năng tư duy của người học.

Để kịp thời có những điều chỉnh, sửa chữa chương trình đáp ứng nhu cầu xã hội, các hoạt động đào tạo luôn được nhà trường, Khoa, Bộ môn định kỳ rà soát, cải tiến thông qua các buổi đối thoại với người học và các doanh nghiệp sử dụng lao động nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

Trong năm học 2012-2013, Khoa và Bộ môn sẽ xây dựng các hình thức và nội dung

thi, kiểm tra phong phú và toàn diện hơn ; đồng thời tìm các biện pháp để tăng số tiết thực tập giảng dạy tại các cơ sở thực tập cho sinh viên.

Đánh giá chung: Số lượng tiêu chí đạt 8/8; Số lượng tiêu chí không đạt 0/8.

Tiêu chuẩn 4. Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên

Mở đầu:

Để đảm bảo sự thành công của một chương trình đào tạo thì nguồn lực về con người đóng một vai trò rất quan trọng. Tính đến thời điểm tháng 3/2012, Khoa Điện – Điện tử, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM hiện có 91 giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên có trình độ đại học và sau đại học, có phẩm chất đạo đức, chuyên môn và nghiệp vụ vững vàng.

Cùng với Khoa Khoa học Cơ Bản, Khoa Lý luận chính trị, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Sư phạm Kỹ thuật; Khoa Điện – Điện tử đã phân công các giảng viên có học vị cao, có kinh nghiệm và phương pháp giảng dạy tốt giảng dạy ngành Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp.

Tiêu chí 4.1. Đội ngũ giảng viên thuộc chương trình có đủ số lượng, phù hợp với yêu cầu đào tạo; có phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu của chương trình.

- a. Có số lượng phù hợp với quy mô đào tạo, phù hợp với cơ cấu môn học, trong đó đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm nhận giảng dạy tối thiểu 70% khối lượng của chương trình đào tạo và có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ theo quy định; đảm bảo hợp lý tỷ lệ sinh viên/giảng viên;
- b. Có phẩm chất đạo đức, có trình độ và kinh nghiệm chuyên môn đáp ứng yêu cầu của chương trình;
- c. Có nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu của chương trình.

1. Mô tả:

- a. Khoa có đủ đội ngũ giảng viên theo cơ cấu môn học, được bố trí giảng dạy và hướng dẫn người học phù hợp với chuyên môn đào tạo. Khoa có 03 thư ký, 88 giảng viên cơ hữu với 03 phó giáo sư, 05 tiến sĩ, 54 thạc sĩ, 26 kỹ sư/cử nhân và 36 giảng viên thỉnh giảng [Phụ lục 1]. Sau đợt tuyển dụng lần 1 năm 2012, hiện Khoa có 03 thư ký, 93 giảng viên cơ hữu với 03 phó giáo sư, 08 tiến sĩ, 58 thạc sĩ (11 đang làm nghiên cứu sinh), 27 kỹ sư/cử nhân và 30 giảng viên thỉnh giảng [4.1-01, 4.1-02].

Riêng ngành cử nhân Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp do Bộ môn Điện công nghiệp quản lý với số giảng viên tham gia như sau: Khối kiến thức đại cương: 30

GV, khối kiến thức cơ sở ngành: 34 GV, khối kiến thức chuyên ngành: 17 GV, khối kiến thức thực tập: 13 GV, khối kiến thức sư phạm: 13 GV [4.1-03]. Tổng số giảng viên tham gia là 84 giảng viên với số sinh viên ngành Sư phạm Kỹ thuật Điện công nghiệp hiện nay là 600 sinh viên thì tỷ lệ sinh viên/giảng viên là 7,14 sinh viên/giảng viên. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm nhận giảng dạy 100% khối lượng của chương trình đào tạo, 90% giảng viên có học vị thạc sỹ và tiến sỹ, tham gia giảng dạy còn có 3 phó giáo sư. Tuy nhiên, số giảng viên có trình độ cao phó giáo sư, tiến sỹ còn ít và các giảng viên trẻ tuy đã có học vị thạc sỹ vẫn cần tiếp tục nâng cao trình độ lên tiến sỹ theo yêu cầu về tỷ lệ tiến sỹ quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong giáo dục đại học.

Từ đây đến năm 2015, Khoa Điện – Điện tử đề ra chỉ tiêu có 80% số cán bộ giảng dạy có trình độ từ thạc sỹ trở lên, trong đó có 20% có học vị tiến sỹ [4.1-04]; có 04 cán bộ giảng dạy được phong chức danh phó giáo sư; tuổi bình quân phó giáo sư: 50 tuổi, tiến sỹ: 40 tuổi.

- b. Tất cả giảng viên đều có phẩm chất đạo đức (theo quy định về phẩm chất giảng viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo), có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu của chương trình (90% giảng viên tham gia giảng dạy có trình độ thạc sỹ, tiến sỹ; 100% đạt chức danh giảng viên, giảng viên chính), tất cả các giảng viên đều có thâm niên giảng dạy từ 3 năm trở lên, 100% GV tham gia giảng dạy đạt danh hiệu Lao động tiên tiến [4.1-05].
- c. 100% giảng viên tham gia giảng dạy hệ cử nhân Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp có nghiệp vụ sư phạm (có chứng chỉ Sư phạm bậc 2 hay chứng chỉ Giáo dục đại học) [4.1-06].

2. Điểm mạnh:

Có đủ số lượng giảng viên so với quy mô đào tạo. Đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức, có trình độ đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và nghiệp vụ của chương trình.

3. Tồn tại:

Tỷ lệ giảng viên có học vị tiến sỹ còn thấp so với yêu cầu của chương trình.

4. Kế hoạch hành động:

Chương trình phát triển đội ngũ của Khoa Điện – Điện tử phục vụ chiến lược phát triển từ năm 2010 đến năm 2015 và có tầm nhìn đến năm 2020 đang được triển khai. Theo kế hoạch này đến năm 2015, số lượng giảng viên có học vị tiến sỹ đạt 15%.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.2. Định kỳ đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên.

- a. Công bố công khai quy trình và các tiêu chí đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên;
- b. Hàng năm, giảng viên được đánh giá năng lực giảng dạy theo quy trình, tiêu chí rõ ràng, đúng quy định;
- c. Kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ để bố trí giảng dạy và xây dựng các chính sách đãi ngộ.

1. Mô tả:

- a. Trường và Khoa công bố công khai quy trình và các tiêu chí: đánh giá năng lực giảng dạy của giảng viên thông qua báo cáo công tác cá nhân, báo cáo công tác của đơn vị mỗi học kỳ, công tác thi đua khen thưởng; đánh giá giảng viên theo các yêu cầu về năng lực giảng viên, giảng viên chính [4.2-01]; xét hết hạn tập sự [4.2-02]; lấy ý kiến đánh giá giảng viên thông qua người học [3.2-09].
- b. Hàng năm, giảng viên được đánh giá năng lực giảng dạy theo quy trình, tiêu chí rõ ràng, đúng quy định. Cụ thể hoạt động giảng dạy lý thuyết được đánh giá qua biên bản dự giờ (góp ý của giảng viên cho đồng nghiệp) và qua phiếu lấy ý kiến về hoạt động giảng dạy lý thuyết của giảng viên (đánh giá của SV trong từng học kỳ theo 5 tiêu chí: Tiêu chí 1-Chuẩn bị giảng dạy, Tiêu chí 2-Phương pháp giảng dạy, Tiêu chí 3- Nội dung giảng dạy, Tiêu chí 4- Thực hiện qui chế giảng dạy, Tiêu chí 5-Tác phong sư phạm), phiếu lấy ý kiến về hoạt động hướng dẫn thực hành của giảng viên (đánh giá của SV trong từng học kỳ theo 5 tiêu chí: Tiêu chí 1-Chuẩn bị hướng dẫn, Tiêu chí 2-Phương pháp hướng dẫn, Tiêu chí 3- Nội dung hướng dẫn, Tiêu chí 4- Thực hiện qui chế giảng dạy, Tiêu chí 5-Tác phong sư phạm [3.2-09]. Hơn nữa giảng viên còn được đánh giá và xếp loại trình độ Anh văn do nhà trường tổ chức hàng năm [4.2-03].

Mỗi học kỳ, các giảng viên phải báo cáo công tác học kỳ. Cuối năm, giảng viên viết báo cáo tổng kết công tác về chính trị tư tưởng, đạo đức, nghiệp vụ, NCKH, nâng cao trình độ,... có nhận xét của trưởng bộ môn, trưởng khoa. Khoa được phong danh hiệu tập thể xuất sắc năm 2008-2009, năm 2009-2010 và năm 2010-2011 [4.2-04].

Tuy nhiên, hiện nay các đánh giá giảng viên còn chưa được khách quan và chưa sâu về chuyên môn, còn dựa vào uy tín cá nhân đối với cán bộ và sinh viên. Nhà trường đang xây dựng nhưng chưa hoàn chỉnh bộ tiêu chí đánh giá giảng viên có tính toàn diện và chuyên nghiệp.

- c. Kết quả đánh giá là căn cứ để triển khai các hoạt động khen thưởng (xếp loại Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua các cấp,...), bồi dưỡng (nâng cao trình độ ngoại ngữ qua các lớp bồi dưỡng do trường tổ chức, hay cử đi bồi dưỡng ngoại ngữ ở

nước ngoài), phát triển chuyên môn nghiệp vụ, nâng lương trước thời hạn. Tuy nhiên, chính sách đãi ngộ dù đã có (giảng viên có trình độ cao được phân giảng dạy lớp chất lượng cao, nâng lương trước thời hạn, khen thưởng,...) nhưng chưa thực sự có tính hiệu quả cao.

2. Điểm mạnh:

Có các tiêu chí rõ ràng đánh giá giảng viên; định kỳ đánh giá giảng viên từng học kỳ, hàng năm. Kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ phát triển đội ngũ, nâng cao trình độ, nâng lương trước hạn,...

3. Tồn tại:

Các tiêu chí đánh giá giảng viên chưa mang tính chuyên nghiệp và toàn diện.

4. Kế hoạch hành động:

Nhà trường đang xây dựng bộ tiêu chí đánh giá giảng viên theo hướng chuyên nghiệp, toàn diện và phù hợp với yêu cầu phát triển của trường.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.3. Giảng viên tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học.

- a. Sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học tích cực;
- b. Sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ các hoạt động giảng dạy;
- c. Định kỳ trao đổi kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ với đồng nghiệp ở trong hoặc ngoài nước.

1. Mô tả:

- a. Ý thức được phương pháp dạy học đóng vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng chất lượng đào tạo ở trình độ cao. Nhà trường có quy định về hoạt động đổi mới phương pháp dạy học thông qua hội thi giảng dạy lý thuyết, hội thi giảng dạy thực hành, hội thi chế tạo đồ dùng dạy học, tổ chức báo cáo chuyên đề về phương pháp giảng dạy (Khoa Sư Phạm Kỹ Thuật). Các giảng viên trong Khoa Điện – Điện tử luôn áp dụng một cách hài hòa và thích hợp các phương pháp giảng dạy hiện đại như: phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận, phương pháp học theo tình huống,... Sự phối hợp các phương pháp giảng dạy cho từng môn học được thể hiện qua đề cương chi tiết các môn học [4.3-01].
- b. Tất cả các giảng viên đều sử dụng thành thạo phần mềm MS PowerPoint trong việc soạn thảo các bản trình chiếu phục vụ giảng dạy. Một số giảng viên tham gia xây dựng giáo trình điện tử [4.3.02], tham gia giảng dạy từ xa bằng cách sử dụng công cụ eLearning [4.3.03]; tuy nhiên số lượng giảng viên tham gia còn thấp.

- c. Mỗi học kỳ, các bộ môn đều có kế hoạch dự giờ qua đó chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ đối với các đồng nghiệp. Tuy nhiên, việc dự giờ chưa đều khắp (khoảng 50% số giảng viên dưới 35 tuổi được dự giờ 1 lần/học kỳ). Khoa và trường tổ chức các buổi hội giảng lý thuyết và thực hành nhằm trao đổi kinh nghiệm giữa các giảng viên cấp khoa và cấp trường 1 lần/năm [4.3-04].

2. Điểm mạnh:

Hầu hết các giảng viên đều nắm vững và sử dụng hài hòa các phương pháp giảng dạy nhằm đạt hiệu quả đào tạo cao nhất.

3. Tồn tại:

Việc dự giờ và tổ chức hội giảng với tần suất còn thấp. Việc xây dựng giáo trình điện tử và sử dụng công cụ eLearning chỉ tập trung ở một số môn và một số giảng viên.

4. Kế hoạch hành động:

Khoa Điện – Điện tử đã có kế hoạch nhân rộng việc dự giờ (100% đối với giảng viên dưới 35 tuổi), tham dự hội giảng lý thuyết và thực hành theo kế hoạch của nhà trường (2 lần/năm), tăng cường soạn giáo trình (sách và điện tử), bài tập (đảm bảo 100% môn học có giáo trình hay bài giảng).

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.4. Giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học.

- a. Có chính sách khuyến khích giảng viên tham gia và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học;
- b. Giảng viên tích cực tham gia các đề tài, dự án;
- c. Giảng viên có bài báo, công trình công bố trong các kỷ yếu hội thảo, các tập san thông tin khoa học, tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế.

1. Mô tả:

- a. Trường có chính sách phù hợp để giảng viên ngành SPKT Điện công nghiệp tham gia nghiên cứu khoa học, cụ thể giảng viên phải tham gia NCKH với số tiết quy đổi từ 90-110 tiết/năm. Số tiết được quy đổi tính từ các hoạt động tham gia thực hiện đề tài NCKH các cấp, viết báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình, biên dịch tài liệu,...Ngoài ra, việc hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học cũng được quy đổi ra tiết giảng cho giảng viên [4.4-01].

Thực hiện chủ trương của nhà trường, Khoa Điện – Điện tử cũng đã thành lập các nhóm nghiên cứu khoa học và quy định nội dung, quy chế hoạt động cho các nhóm đề động viên và thúc đẩy hoạt động NCKH của giảng viên [4.4-02].

- b. Trong thời gian từ 2006-2011 hoạt động NCKH của các giảng viên khoa Điện – Điện tử như sau:
- Tham gia, chủ nhiệm 12 đề tài cấp bộ, 43 đề tài cấp trường, hướng dẫn 183 đề tài SV NCKH. Các đề tài mang tính khoa học cao, tính ứng dụng trong ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện và một số đề tài trong lãnh vực SPKT [4.4-03].
 - Thực hiện 17 dự án chuyển giao công nghệ và thiết bị dạy học cho các cơ sở đào tạo trong lãnh vực điện công nghiệp [4.4-04].
- c. Các giảng viên tham gia NCKH có các bài báo đăng trên tập san thông tin khoa học, tạp chí trong nước và công bố trong các kỷ yếu hội thảo.
- Công bố 58 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành [4.4-05].
 - Số lượng giảng viên tham gia NCKH và hướng dẫn sinh viên NCKH chiếm tỷ lệ 50%.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có chính sách khuyến khích giảng viên NCKH và hướng dẫn sinh viên NCKH, Khoa Điện – Điện tử là một trong những khoa đi đầu về số lượng đề tài NCKH, số bài báo công bố trên các tạp chí chuyên ngành.

3. Tồn tại:

Việc tham gia NCKH, viết báo, công bố công trình nghiên cứu và chuyển giao công nghệ chưa thực hiện đều khắp cho các giảng viên tham gia hệ đào tạo cử nhân SPKT ngành Điện công nghiệp.

4. Kế hoạch hành động:

Khoa Điện – Điện tử đã thành lập nhóm nghiên cứu chiến lược, tạo điều kiện cho các giảng viên làm việc theo nhóm và tham gia NCKH và chuyển giao công nghệ.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.5. Giảng viên được bố trí giảng dạy phù hợp với trình độ chuyên môn, được tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và tin học.

- Được bố trí giảng dạy phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo và có số giờ giảng phù hợp với quy định;
- Được tạo điều kiện tham gia biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy;
- Được khuyến khích, tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và tin học.

1. Mô tả:

- a. Các giảng viên trong Khoa Điện – Điện tử được phân về biên chế của một trong 6 bộ môn: Cơ sở Kỹ thuật điện, Cơ sở Kỹ thuật điện tử, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp, Điện tử Viễn Thông và Điều khiển tự động. Hệ đào tạo cử nhân SPKT ngành Điện công nghiệp do Khoa Khoa học Cơ bản quản lý các môn học thuộc kiến thức khoa học tự nhiên, Khoa Lý luận Chính trị quản lý các môn học về kiến thức khoa học đại cương và xã hội nhân văn, Bộ môn Điện công nghiệp quản lý các môn thuộc kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành Điện, Khoa Sư phạm kỹ thuật quản lý các môn thuộc về kiến thức sư phạm kỹ thuật. 100% các giảng viên giảng dạy cho hệ đào tạo cử nhân SPKT ngành Điện công nghiệp đều có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, giảng viên chính, phó giáo sư chuyên ngành với thâm niên giảng dạy bình quân trên 15 năm. Các giảng viên đều có chứng chỉ Sư phạm kỹ thuật, chứng chỉ giảng dạy đại học, hay các giấy chứng nhận tương đương. Mỗi một môn học được bố trí 2 giảng viên có kiến thức chuyên ngành phù hợp với môn học giảng dạy. Các môn học lý thuyết được phân cho các giảng viên có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ. Các môn học thực hành được phân cho các giảng viên có kinh nghiệm, có kỹ năng nghề nghiệp cao. Điều này được thể hiện qua danh sách phân công giảng viên phụ trách giảng dạy các môn học thuộc hệ đào tạo cử nhân SPKT Điện công nghiệp trong học kỳ của năm học [4.1-03].
- b. 100% các giảng viên tham gia đào tạo ngành Sư phạm Kỹ thuật Điện công nghiệp biên soạn và cập nhật chương trình đào tạo theo từng nhóm môn học. Tất cả các môn học đều có đề cương chi tiết, giáo trình hay bài giảng [4.5-01].
- c. Các giảng viên luôn được tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cấp cơ sở, cấp Bộ [4.4-02, 4.4-03]; tham gia các lớp học chuyên đề, lớp đào tạo cán bộ quản lý [4.5-02], lớp bồi dưỡng eLearning [4.3-03]. Các giảng viên trẻ dưới 35 tuổi phải có đợt thực tập ngoại khóa hàng năm [4.5-03]. Các giảng viên dưới 55 tuổi phải tham gia các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ và thi kiểm tra trình độ hàng năm [4.2-03]. Tất cả các giảng viên đều sử dụng thành thạo phần mềm MS Office, đặc biệt là một số phần mềm kỹ thuật phục vụ giảng dạy chuyên ngành như: Matlab, OrCad, Ecodial, Visual Tech, MicroSim,...

Khoa cũng đã lập kế hoạch để tạo điều kiện và thúc đẩy việc đào tạo nâng cao trình độ các giảng viên từ thạc sĩ lên tiến sĩ. Tuy nhiên, cho đến nay kế hoạch này của Khoa vẫn chưa được thực hiện đúng tiến độ.

2. Điểm mạnh:

Số lượng giảng viên có trình độ sau đại học chiếm tỷ lệ lớn, đảm bảo đủ chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và tin học khi đứng lớp.

3. Tồn tại:

Một số giảng viên chưa thực hiện việc nâng cao trình độ lên bậc tiến sĩ theo đúng kế hoạch.

4. Kế hoạch hành động:

Các giảng viên Khoa Điện – Điện tử trình độ Thạc sĩ phải đăng ký nâng cao trình độ lên bậc Tiến sĩ theo quy định của trường và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Khoa.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.6. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, nâng ngạch cho giảng viên đảm bảo đúng quy định, công khai và minh bạch.

- a. Việc tuyển dụng giảng viên thực hiện đúng quy định; đảm bảo công khai, khách quan, công bằng;
- b. Việc bổ nhiệm, nâng ngạch cho giảng viên thực hiện đúng quy định; đảm bảo công khai, khách quan, công bằng;
- c. Định kỳ rà soát quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, nâng ngạch giảng viên để điều chỉnh và cải tiến.

1. Mô tả:

- a. Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, nâng bậc cho giảng viên thuộc Khoa Điện – Điện tử tuân theo đúng các bước thực hiện quy định của Trường ĐHSPKT TP.HCM và Bộ Giáo dục và Đào tạo [4.6-01]. Cụ thể hàng năm, căn cứ vào khối lượng công việc, số giảng viên hiện có, số giảng viên tham gia học tập nâng cao trình độ trong nước và nước ngoài, Khoa Điện – Điện tử lên danh sách đề xuất tuyển dụng giảng viên trong từng học kỳ (số lượng, chức danh, yêu cầu về chuyên môn cho từng chức danh theo mẫu của Phòng TCCB) [4.6-02]. Kế hoạch tuyển dụng được phê duyệt bởi Hiệu trưởng và sau đó số lượng và tiêu chí tuyển dụng được công bố công khai trên trang web trường, trên các phương tiện thông tin đại chúng [4.6-03]. Các ứng viên được kiểm tra bằng hình thức thi kiểm tra IQ, trình độ tiếng Anh, trình độ tin học và phải trải qua 2 lần phỏng vấn cấp trường và cấp khoa. Trường cũng có các cơ chế tạo điều kiện thuận lợi cho các ứng viên có trình độ Tiến sĩ về công tác tại trường [4.4-01, 4.6-03]. Tuy nhiên, số lượng giảng viên có trình độ cao tuyển được còn thấp so với yêu cầu, do thu nhập giảng viên còn thấp nên chưa thu hút được người tài.
- b. Việc bổ nhiệm, nâng bậc và nâng lương được thực hiện theo đúng quy trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của các cơ quan chức năng cấp nhà nước và

được công bố công khai trên trang web của Trường (www.hcmute.edu.vn/, mục Đơn vị trực thuộc, Phòng ban, Tổ chức – Cán bộ).

- c. Quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên được cải tiến, điều chỉnh theo đúng yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng ISO và phù hợp với sự thay đổi của các văn bản cập nhật, bổ sung của các cơ quan quản lý nhà nước [4.6-01].

2. Điểm mạnh:

Quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm, nâng bậc cho giảng viên dựa trên những tiêu chí rõ ràng, công bố công khai.

3. Tồn tại:

Việc tuyển dụng giảng viên có học vị, học hàm cao còn nhiều khó khăn do chính sách về lương và đãi ngộ cho đội ngũ giảng viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Đề nghị nhà nước có chính sách về lương đảm bảo cho giảng viên an tâm công tác và cống hiến tất cả năng lực và thời gian cho sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.7. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ quản lý.

- a. Có đủ số lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định;
- b. Có năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và triển khai thực hiện có hiệu quả;
- c. Được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

1. Mô tả:

- a. Việc đảm bảo đội ngũ cán bộ quản lý tham gia chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp là vấn đề được Khoa Điện – Điện tử và nhà trường quan tâm. Khoa có đủ số lượng cán bộ quản lý theo cơ cấu tổ chức : 01 Trưởng khoa, 03 Phó trưởng khoa, 06 Trưởng Bộ môn, 06 Phó trưởng bộ môn. Tất cả đều có trình độ sau đại học và theo tiêu chuẩn (về độ tuổi, giới tính, vị trí công tác, thâm niên công tác, học vấn, học vị, chức danh, trình độ tin học và ngoại ngữ) của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo để đảm bảo công tác phục vụ chương trình đào tạo.
- b. Tất cả cán bộ quản lý tham gia giảng dạy cho hệ đào tạo cử nhân SPKT ngành Điện công nghiệp đều có trình độ sử dụng thành thạo Tin học căn bản (Bằng A) và các phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác giảng dạy. Khoa xây dựng hệ thống

liên lạc với giảng viên bằng hệ thống email cá nhân và email do trường cung cấp; sinh viên có thể trao đổi nhiều vấn đề với cán bộ quản lý qua hộp thư nóng (diendientuspkt@gmail.com).

- c. Đội ngũ cán bộ quản lý được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch hàng năm của Trường. Năm 2009, 80% các cán bộ quản lý của Khoa tham gia lớp “Cán bộ quản lý” do Trường phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, tất cả đều đạt điểm kiểm tra cuối khóa [4.5-02]. Trưởng khoa và Phó trưởng khoa đi tập huấn và tham quan về quản lý giáo dục tại Úc, Nhật, Đài Loan [4.7-01]. Tuy nhiên, Khoa chưa chủ động trong việc đề xuất nhà trường tổ chức hay gửi giảng viên tham dự các lớp bồi dưỡng ngắn hạn về quản lý.

2. Điểm mạnh:

Tất cả các cán bộ quản lý chương trình đào tạo có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cao so với yêu cầu, có nhiệt tâm, nhiệt huyết để xây dựng hệ đào tạo thương hiệu của ngành Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp của Khoa Điện – Điện tử và Trường ĐH SPKT TP. HCM.

3. Tồn tại:

Khoa chưa chủ động đề xuất các khoá học bồi dưỡng ngắn hạn về quản lý cho cán bộ quản lý.

4. Kế hoạch hành động:

Trường và Khoa cần lên kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn cho cán bộ quản lý và đề ra các biện pháp cùng chính sách hợp lý để các kế hoạch này tiến hành đúng theo tiến độ đề ra.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.8. Đội ngũ nhân viên có phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

- a. Đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;
- b. Được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ;
- c. Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả:

- a. Khoa Điện – Điện tử có 3 chuyên viên có trình độ đại học và cao đẳng đáp ứng các yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đủ số lượng theo yêu cầu công

việc. Các chuyên viên này sử dụng thành thạo bộ MS Office và phần mềm quản lý đào tạo của trường, thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý đào tạo được giao, chưa có trường hợp sai phạm liên quan đến công tác quản lý sinh viên và quản lý đào tạo.

- b. Các chuyên viên luôn được tạo điều kiện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (năm 2010, 02 chuyên viên theo học khóa huấn luyện dành cho chuyên viên) và 70% có trình độ tiếng Anh cao (1 cử nhân Anh văn, 1 trình độ TOEFL 500) và 30% có trình độ tiếng Anh còn hạn chế.
- c. Do hoàn thành tốt nhiệm vụ, 100% đội ngũ nhân viên được xếp loại Lao động tiên tiến. Năm học 2010-2011, 01 nhân viên được xếp loại Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở [4.1-05].

2. Điểm mạnh:

Các chuyên viên của Khoa có trình độ đáp ứng yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tồn tại:

Còn 01 chuyên viên có trình độ Anh văn còn hạn chế, cần tham gia thường xuyên các lớp nâng cao trình độ tiếng Anh.

4. Kế hoạch hành động:

Các chuyên viên cần lập kế hoạch tham gia vào các khóa ngắn hạn nâng cao trình độ tiếng Anh hàng năm theo hướng dẫn của Khoa, của Trường.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.9. Có quy hoạch và chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên đáp ứng định hướng phát triển của chương trình và được định kỳ đánh giá, điều chỉnh phù hợp với thực tiễn.

- a. Có quy hoạch và chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, phù hợp với định hướng phát triển của chương trình;
- b. Định kỳ đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên;
- c. Các kết quả đánh giá là căn cứ để triển khai các hoạt động bồi dưỡng, phát triển chuyên môn nghiệp vụ và xây dựng chính sách trả lương, phụ cấp, khen thưởng.

1. Mô tả:

- a. Khoa có quy hoạch và xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, phù hợp với định hướng phát triển của chương trình trong thời gian 2010-2015, có tầm nhìn đến năm 2020 [4.1-04]. Cụ thể đến năm 2015 số giảng viên có trình độ tiến sỹ đạt khoảng 20% và số giảng viên có trình độ thạc sỹ đạt

khoảng 60%. Năm 2012, đăng ký mở hệ đào tạo bậc Tiến sĩ ngành Mạng, Thiết bị và Nhà máy điện. Tuy nhiên, việc tuyển dụng giảng viên có trình độ cao còn chưa đáp ứng về mặt số lượng, chưa theo đúng tiến độ của chiến lược phát triển đội ngũ trong thời gian 2010-2015 và việc điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ còn chưa được điều chỉnh kịp thời để phù hợp với thực tiễn từng giai đoạn.

- b. Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được đánh giá và xếp loại trong từng học kỳ thông qua bình xét lao động, kết quả dự giờ, ý kiến đánh giá của SV về nội dung, phương pháp giảng dạy của giảng viên,...[4.1-05, 3.2-08]. Hàng năm, Ban Giám hiệu đánh giá cán bộ quản lý khoa, Trưởng khoa đánh giá Trưởng bộ môn và Trưởng bộ môn đánh giá giảng viên.
- c. Dựa trên kết quả đánh giá, hàng năm Khoa đề xuất với Trường danh sách các giảng viên tham gia các hoạt động bồi dưỡng, phát triển chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ. Kết quả phấn đấu của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xem xét để đề xuất trường khen thưởng và nâng lương trước thời hạn [4.9-01].

2. Điểm mạnh:

Khoa Điện – Điện tử có quy hoạch và chiến lược phát triển đội ngũ và định hướng phát triển ngành đào tạo năm 2005-2015 có tầm nhìn đến năm 2020 làm định hướng cho các hoạt động trong thời gian ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

3. Tồn tại:

Việc điều chỉnh kế hoạch phát triển đội ngũ còn chưa được điều chỉnh kịp thời để phù hợp với thực tiễn từng giai đoạn.

4. Kế hoạch hành động:

Khoa, Bộ môn có kế hoạch mời giảng để giảm áp lực về khối lượng giảng dạy cho giảng viên cơ hữu, và kiến nghị với Trường tạo điều kiện cho Khoa thực hiện tốt kế hoạch chiến lược quy hoạch và phát triển đội ngũ năm 2010-2015.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Giảng viên, cán bộ quản lý, và nhân viên thực hiện chương trình đào tạo là những người có trình độ chuyên môn cao, tâm huyết với chương trình đào tạo đã hoàn thành tốt việc thực hiện đào tạo hệ cử nhân SPKT ngành Điện công nghiệp. Tuy nhiên, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ còn thấp, chưa đạt tỷ lệ quy định của Bộ GD &ĐT. Nhà trường và Khoa sẽ thực hiện kế hoạch đào tạo và phát triển đội ngũ theo kế hoạch chiến lược đã đề ra.

Đánh giá chung: Số lượng tiêu chí đạt 9/9; Số lượng tiêu chí không đạt 0/9.

Tiêu chuẩn 5: Người học

Mở đầu:

Người học được xác định là một trong các yếu tố cốt lõi trong quá trình đào tạo. Vấn đề tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho người học là yếu tố góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Trường và Khoa luôn ý thức được điều đó và đã đặc biệt quan tâm tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên trong quá trình học tập tại trường và sau khi tốt nghiệp.

Tiêu chí 5.1. Người học được cung cấp đầy đủ các thông tin về chương trình giáo dục, các dịch vụ hỗ trợ trong quá trình học tập.

- a. Được phổ biến đầy đủ về quy chế đào tạo, thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp và các quy định về quyền và nghĩa vụ của người học;
- b. Được cung cấp các dịch vụ hỗ trợ ăn, ở, giải trí và được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội theo quy định;
- c. Các dịch vụ hỗ trợ người học được định kỳ cải tiến, nâng cao chất lượng dựa trên các ý kiến phản hồi của người học.

1. Mô tả:

- a. Đầu mỗi năm học nhà trường đều tổ chức tuần lễ sinh hoạt công dân cho sinh viên toàn trường. Trong tuần lễ sinh hoạt này, sinh viên được nhà trường giới thiệu quy chế đào tạo của Bộ Giáo Dục và Đào tạo, các văn bản quy định của trường, văn bản cụ thể hóa của trường và triển khai thực hiện quy định một cách có hiệu quả. Sinh viên được giới thiệu về Trường, về mục tiêu đào tạo, ngành, chuyên ngành của Trường. Lãnh đạo Khoa, Trưởng bộ môn giới thiệu cụ thể đề cương chương trình ngành học, quy định về quy trình đánh giá kết quả rèn luyện học tập của sinh viên. Trường cũng đã cung cấp cho sinh viên “Sổ tay sinh viên”, trong đó cung cấp phần lớn các quy chế, quy định như hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ,... Từng môn học khi giảng dạy được giảng viên phổ biến đầy đủ đề cương chi tiết, hình thức kiểm tra đánh giá, tài liệu học tập [5.1-01].

- b. Nhà trường có Siêu thị sinh viên và các căn tin ngay trong khuôn viên trường và khu vực Ký túc xá để phục vụ nhu cầu ăn uống, giải trí và mua sắm của sinh viên.

Hiện Ký túc xá Trường có 1044 sinh viên đang nội trú (ưu tiên cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn hay thuộc diện chính sách), với tổng diện tích phòng ở là 7.611 m², đáp ứng được hơn 13% số lượng SV có nhu cầu ở Ký túc xá [5.1-02]. Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên Trường có mối quan hệ rất tốt với nhà trọ tư nhân hỗ trợ, giới thiệu chỗ trọ cho sinh viên mỗi đầu năm học [5.1-03].

Nhà trường có nhà tập đa năng, sân bóng đá,... tạo điều kiện cho sinh viên hoạt

động thể chất, vui chơi giải trí. Tuy nhiên, do quy mô sinh viên đông nên diện tích nhà tập hiện chưa thể thỏa mãn nhu cầu của tất cả sinh viên.

Hàng năm, Phòng Công tác HSSV phối hợp với Khoa xét cấp học bổng khuyến khích học tập, miễn toàn bộ học phí cho sinh viên các ngành Sư phạm kỹ thuật, phối hợp với địa phương xét cho vay ưu đãi và Khoa xét cấp học bổng cho sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

- c. Các thùng thư góp ý được bố trí ở tất cả các khu vực phục vụ để tiếp nhận thông tin phản hồi nhanh từ sinh viên. Khoa Điện – Điện tử có hộp thư điện tử để tiếp nhận thông tin phản hồi từ sinh viên và có biện pháp hỗ trợ kịp thời. Mỗi học kỳ, Khoa và nhà trường tổ chức gặp gỡ trực tiếp để lắng nghe ý kiến phản hồi từ sinh viên; sau đó Hiệu trưởng chỉ đạo và kiểm tra các khoa, các phòng ban chức năng có ý kiến phản hồi đến sinh viên và thực hiện các biện pháp xử lý, cải tiến kịp thời [5.1-04].

2. Điểm mạnh:

Sinh viên ngành SPKT Điện công nghiệp đã được cung cấp đầy đủ, kịp thời các văn bản của Nhà nước, các quy định, thông báo của Trường,... bằng nhiều kênh thông tin khác nhau. Điều này giúp cho sinh viên hiểu rõ mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo và các yêu cầu khác về kiểm tra đánh giá.

3. Tồn tại:

Nhà tập đa năng chưa đáp ứng yêu cầu sinh hoạt của số đông sinh viên hiện nay.

4. Kế hoạch hành động:

Nhà trường đã có kế hoạch di dời và hoàn thiện nhà tập đa năng vào học kỳ 2 năm học 2012.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 5.2. Người học được rèn luyện tư tưởng chính trị, đạo đức và kỹ năng sống; được tạo điều kiện để rèn luyện nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất và tham gia tích cực các hoạt động đoàn thể.

- a. Chủ động và tích cực tham gia rèn luyện tư tưởng chính trị, đạo đức và kỹ năng sống;
- b. Được tạo điều kiện rèn luyện nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất, được cung cấp các dịch vụ y tế học đường theo quy định;
- c. Được tạo điều kiện và tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội.

1. Mô tả:

- a. Trong thời gian học tập tại Trường, sinh viên không những học tập về chuyên môn, nghiệp vụ mà còn tích cực, chủ động tham gia:
- Các phong trào tình nguyện, như: Mùa hè xanh; Hiến máu nhân đạo; Tiếp sức mùa thi; Thứ Bảy tình nguyện; Ngày Chủ nhật xanh; Chăm sóc, phụng dưỡng ba má; Chiến dịch thăm hỏi, tặng quà, chúc tết cho các gia đình khó khăn,...
 - Các phong trào rèn luyện tư tưởng chính trị, đạo đức, như: Hoạt động tuyên truyền pháp luật, Diễn đàn thảo luận góp ý cho văn kiện các Đại hội, Tọa đàm lấy ý kiến của sinh viên đối với Dự thảo văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Chương trình viết lời tri ân gửi những lời chúc tốt đẹp nhất đến các thầy cô trong trường, Tọa đàm “Tri ân Thầy cô”,...
 - Các hoạt động rèn luyện kỹ năng sống, như: Thành lập các mô hình học tập, thi đua các nhóm học tập, mô hình đôi bạn cùng tiến với phương châm “Đàn anh đi trước, rước đàn em theo sau”; tham gia các lớp Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Câu lạc bộ Anh văn,...

Thông qua các hoạt động đa dạng về nội dung, phong phú về hình thức tổ chức, Hội sinh viên và Đoàn Thanh niên Trường đã thu hút được nhiều sinh viên tham gia tích cực các phong trào để rèn luyện được cho mình tư tưởng chính trị, đạo đức và kỹ năng sống tốt. Điều này sẽ giúp ích rất nhiều cho sinh viên sau này [5.2-01].

- b. Để tạo điều kiện cho sinh viên chủ động tham gia các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, nhà trường đã có các phòng tập đa năng và khu sân vận động mini. Tuy nhiên, các khu vực dành cho hoạt động thể dục thể thao này chưa đủ rộng để đáp ứng cho quy mô sinh viên đang học tại trường. Vì vậy, từ khi xây dựng Tòa nhà trung tâm, nhà trường đã điều chỉnh, mở rộng thêm về sân bãi và đưa vào sử dụng từ đầu năm 2012: sân bóng đá cỏ tự nhiên diện tích 10.000 m², sân bóng chuyền cạnh sân quần vợt (tennis) và trước nhà kho khu F, sân cỏ ở khu vực Ký túc xá A và B.

Trong cơ cấu tổ chức của Trường, Trạm Y tế có chức năng chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý hồ sơ sức khỏe; thực hiện quản lý và tuyên truyền về vệ sinh môi trường, phòng dịch bệnh, bệnh nghề nghiệp, bệnh xã hội, vệ sinh lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm; thực hiện công tác Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm tai nạn cho CBVC và HSSV [5.2-02]. Hàng tháng, Trạm Y tế Trường đã phối hợp với các đơn vị chức năng trong hoặc ngoài Trường để kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất tình trạng vệ sinh an toàn thực phẩm của các căn tin, đảm bảo sức khỏe cho CBVC và HSSV Trường [5.2-03].

- c. Các sinh viên được tạo điều kiện tự lựa chọn tham gia một hay nhiều nội dung, hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội. Trong đó, chiến dịch mùa hè xanh và công tác hiến máu nhân đạo là 2 hoạt động thường xuyên của Đoàn trường thu hút sinh viên tham gia rất nhiệt tình, đông đảo. Hàng năm, theo quy chế chi tiêu nội bộ, nhà

trường và các khoa cũng luôn có một khoản kinh phí để hỗ trợ cho các hoạt động này. Cụ thể như trong các năm 2010, 2011 mức chi hỗ trợ cho các hoạt động phong trào đoàn thể bình quân là 1 tỷ đồng/năm [4.4-01, 5.2-04, 7.2-03].

2. Điểm mạnh:

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội sinh viên Trường rất đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung trong tuyên truyền tư tưởng chính trị, đạo đức giúp cho sinh viên rèn luyện đạo đức, tư tưởng chính trị vững vàng, và lối sống lành mạnh.

3. Tồn tại:

Khu sân vận động chưa đáp ứng nhu cầu về quy mô sinh viên.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm 2012, tiếp tục chỉnh sửa , quy hoạch các khu đất chung quanh Tòa nhà trung tâm để mở rộng và xây dựng thêm các sân bãi.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 5.3. Người học tích cực học tập nhằm phát triển các năng lực chuyên môn và thực hành nghề nghiệp.

- a. Chủ động vận dụng các phương pháp học tập tích cực;
- b. Tích cực rèn luyện kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm;
- c. Chủ động phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp.

1. Mô tả:

- a. Đầu mỗi học kỳ, sinh viên tự đăng ký các môn học thích hợp với năng lực và hoàn cảnh riêng của bản thân [2.4-03]. Với quy định kết quả đánh giá môn học là điểm quá trình và điểm cuối kỳ, với việc phân bổ thời lượng tự học trong kế hoạch giảng dạy, nội dung báo cáo, bài tập được giao,... sinh viên phải tự bố trí thời gian trong học tập hợp lý và làm việc theo nhóm để hoàn thành các báo cáo. Trong môi trường học tập theo học c hế tín chỉ, phần lớn sinh viên đã năng động , tích cực học tập và đã đạt kết quả học tập tốt . Tuy nhiên, vẫn còn m ột số sinh viên thụ động, chưa đáp ứng được yêu cầu nên có kết quả học tập thấp , bị tạm dừng học tập hoặc bị buộc thôi học.
- b. Trong suốt quá trình học tập tại trường , sinh viên đã tích cực rèn luyện , phát triển kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm khi được GV yêu cầu làm việc theo nhóm để thực hiện đồ án môn học hay để báo cáo chuyên đề củ a nhiều môn học khác - điều này thể hiện rất rõ trong đề cương và kế hoạch giảng dạy môn học [4.5-01].
- c. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM là trường đi đầu trong chương trình

đào tạo theo hướng công nghệ, số giờ thực hành cao giúp sinh viên làm quen với máy móc thiết bị dễ dàng và tự tin đăng ký tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học tại các xưởng được trang bị thiết bị mới, thiết kế thi công mô hình thật. Trong chương trình sư phạm bậc 2, sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ năng sư phạm và sinh viên được bố trí đi thực tập sư phạm tại các cơ sở dạy nghề giúp sinh viên phát triển năng lực thực hành rất tốt [2.5-02, 5.6-01].

2. Điểm mạnh:

Trong quá trình học, nhất là khi đi thực tập sư phạm, sinh viên phải vận dụng các kiến thức về chuyên môn và sư phạm đã được lĩnh hội, tự tìm tòi tài liệu để biên soạn bài giảng, tự giảng thử và thực hành trình bày bài giảng trước lớp, tự chuẩn bị mô hình mẫu cho kiến tập,... Điều này đã tạo điều kiện cho sinh viên chủ động phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày, phương pháp tiếp cận vấn đề, chế tạo mô hình,... giúp sinh viên hội nhập tốt khi bước đầu nhận công tác và tham gia giảng dạy.

3. Tồn tại:

Một bộ phận sinh viên còn thụ động trong học tập và chưa hòa nhập thật sự vào môi trường học tập tín chỉ. Điều này dẫn đến một số sinh viên bị tạm dừng học, kết quả học tập thấp hoặc bị buộc thôi học gây lãng phí rất lớn cho gia đình, bản thân và xã hội.

4. Kế hoạch hành động:

Nhà trường tăng cường chất lượng các buổi sinh hoạt đầu khóa để sinh viên hiểu rõ hơn cách thức học theo tín chỉ khi mới nhập học. Nhà trường tiếp tục hoàn thiện hệ thống cố vấn học tập để hướng dẫn sinh viên thực hiện lộ trình học tập theo mong muốn cá nhân một cách hiệu quả.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 5.4. Người học được rèn luyện kỹ năng thực hành trên các thiết bị và công nghệ tiên tiến.

- a. Được thực hành trên các thiết bị và công nghệ tiên tiến;
- b. Được các nhà chuyên môn của các doanh nghiệp tham gia hướng dẫn thực hành;
- c. Tích cực tham gia các hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

1. Mô tả:

- a. Khoa Điện – Điện tử có nhiều phòng thực hành hiện đại được trang bị hoặc tài trợ từ các công ty khác nhau giúp người học có đủ điều kiện tiếp cận với thiết bị hiện đại, như phòng thực hành Máy điện, phòng thực hành Cung cấp điện được trang bị

các thiết thực hành thí nghiệm của các thương hiệu nổi tiếng như Leybold -CHLB Đức, De Lorenzo Group -Ý. Ngoài ra, Khoa cũng được tài trợ các thiết bị điều khiển tự động rất hiện đại từ Omron, Panasonic, Rockwell, GE,... [5.4-01].

- b. Khoa đã mời các kỹ sư đang làm việc tại các công ty tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo ngắn hạn của Khoa, như chương trình Thiết kế điện hợp chuẩn, PLC công nghiệp,... Trong chương trình này, với rất nhiều buổi hướng dẫn về quy trình công nghệ Chế tạo tủ bảng điện, Phương pháp lắp đặt hệ thống điện, hệ thống lạnh,... các kỹ sư đang làm việc tại các nhà máy đã giúp cho các sinh viên có quan tâm có điều kiện tiếp xúc với thực tế [5.4-02]. Tuy nhiên, số sinh viên quan tâm và đến tham gia các buổi thuyết trình, báo cáo chuyên đề của chuyên gia không nhiều. Đây là vấn đề mà Khoa và Bộ môn cần lưu ý khắc phục.
- c. Hàng năm Khoa tổ chức các buổi thi tay nghề đã thu hút một lượng lớn sinh viên tham gia để rèn luyện nâng cao tay nghề. Khoa đã dành riêng một phòng cho các đội sinh viên thực hành chế tạo robot trong chương trình Robocon để sinh viên có điều kiện nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và thỏa chí đam mê công nghệ điều khiển. Sinh viên năm cuối đi thực tập nhà máy, thực tập sư phạm là bắt buộc trong chương trình học, đây cũng là thời điểm rất tốt để sinh viên tiếp cận thiết bị mới tại nhà máy và nâng cao kỹ năng sư phạm kỹ thuật [5.4-03].

2. Điểm mạnh:

Với các phòng thí nghiệm trang bị hiện đại hiện có, Khoa đã giúp cho sinh viên có điều kiện tiếp xúc thực hành với các thiết bị tiên tiến, nâng cao tay nghề và đáp ứng nhu cầu cán bộ kỹ thuật lành nghề tại các khu công nghiệp và địa phương trên cả nước, cũng như có tay nghề vững cho việc tham gia giảng dạy kỹ thuật.

3. Tồn tại:

Khoa chưa có biện pháp thu hút tất cả sinh viên đến nghe các buổi báo cáo chuyên đề về quy trình sản xuất, công nghệ,... của các kỹ sư chuyên gia, nhiều kinh nghiệm tại nhà máy trình bày.

4. Kế hoạch hành động:

Các buổi báo cáo chuyên đề được thông tin tuyên truyền đến sinh viên một cách hiệu quả, có nội dung thực tế gần gũi hơn với nền tảng kiến thức của sinh viên. Mở rộng cho tất cả cho sinh viên đều được tiếp cận các buổi báo cáo chuyên đề, quy trình sản xuất, công nghệ,... của các chuyên gia kinh nghiệm tại nhà máy trình bày.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 5.5. Hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học được thực hiện có hiệu quả.

- a. Người học được huấn luyện, tư vấn về các kỹ năng tìm việc làm;
- b. Người học được cung cấp thông tin về tình hình việc làm, phát triển nghề nghiệp;
- c. Chương trình có mối liên hệ thường xuyên với các nhà tuyển dụng và cựu sinh viên để tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học.

1. Mô tả:

- a. Hàng năm Phòng Công tác Học sinh Sinh viên chủ động phối hợp với các nhà tuyển dụng có uy tín để tổ chức các chương trình liên kết hỗ trợ đào tạo về các kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ, đào tạo các kỹ năng bổ trợ như kỹ năng viết hồ sơ xin việc, kỹ năng phỏng vấn, kỹ năng tìm việc,... cho các sinh viên [5.5-01].
- b. Phòng Công tác Học sinh Sinh viên tổ chức các buổi giới thiệu việc làm cho sinh viên gồm việc làm bán thời gian, việc làm toàn thời gian cho sinh viên đang học tập và chuẩn bị ra trường. Đồng thời phối hợp tổ chức các chương trình tuyển dụng chuyên nghiệp, các ngày hội việc làm để giúp sinh viên tiếp cận các nhà tuyển dụng, tình hình việc làm và nhu cầu tuyển dụng để sinh viên chủ động phát triển kỹ năng nghề nghiệp phù hợp [5.5-02].
- c. Mỗi năm 01 lần, Khoa tổ chức chương trình giao lưu nhà tuyển dụng - sinh viên thông qua Hội cựu sinh viên khoa. Thông qua các chương trình này, sinh viên đã rút ra nhiều bài học quý giá cho việc chuẩn bị hội nhập của mình khi ra trường.

Tuy nhiên, các hoạt động này còn ít thu hút các cơ sở đào tạo có yêu cầu tuyển dụng.

2. Điểm mạnh:

- Công tác tư vấn việc làm của Phòng CTHSSV là sự năng động và sáng tạo của các bộ phận trực thuộc trong việc đa dạng hóa các chương trình hoạt động nhằm hỗ trợ tối đa về kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên trong thời gian còn học tập tại trường.
- Hội cựu sinh viên của Khoa và các chương trình đào tạo kỹ năng nghề tận dụng được nguồn lực chuyên môn từ thực tế cho công tác đào tạo và bồi dưỡng kỹ năng cho sinh viên các năm cuối khóa. Đồng thời việc truyền đạt kinh nghiệm của thế hệ đi trước cho thế hệ sau cũng được thực hiện rất tốt.

3. Tồn tại:

Nhà trường và Khoa chưa chủ động tiếp xúc với các cơ sở giáo dục có nhu cầu tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động:

Trong năm 2013, Phòng Công tác HSSV và Khoa sẽ tăng cường quan hệ với các cơ sở đào tạo để tư vấn, giới thiệu việc làm cho sinh viên ngành Sư phạm kỹ thuật.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu tiêu chí.

Tiêu chí 5.6. Người tốt nghiệp được khảo sát, đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm; người tốt nghiệp đáp ứng mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và yêu cầu của thị trường lao động.

- a. Được định kỳ khảo sát, đánh giá kiến thức, kỹ năng chuyên môn, thái độ nghề nghiệp theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình;
- b. Có kỹ năng sư phạm đáp ứng yêu cầu của các cơ sở giáo dục và dạy nghề;
- c. Có khả năng thích ứng với thị trường lao động và phát huy được chuyên môn đã được đào tạo.

1. Mô tả:

- a. Phòng Công Tác Học Sinh Sinh Viên định kỳ khảo sát sinh viên tốt nghiệp, nội dung phiếu khảo sát về việc làm phù hợp ngành đào tạo, thích ứng với thị trường lao động, mức hài lòng với công việc sau khi ra trường. Tuy nhiên, phiếu khảo sát chưa thể hiện đánh giá kiến thức, kỹ năng chuyên môn, thái độ nghề nghiệp theo chuẩn đầu ra [1.1-06].
- b. Sinh viên được đào tạo chương trình sư phạm kỹ thuật bậc 2, đi thực tế thực tập sư phạm tại các cơ sở dạy nghề rất năng động tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai,... để rèn luyện và nâng cao kỹ năng sư phạm, tìm hiểu môi trường hoạt động, sinh hoạt dạy học thực tế tại cơ sở [5.6-01]. Trong những năm qua, nhà trường đã cung cấp nguồn nhân lực chất lượng Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp cho các cơ sở dạy nghề; sinh viên tốt nghiệp đã tham gia đào tạo số lượng đông đảo công nhân Điện công nghiệp lành nghề phục vụ cho các khu công nghiệp lớn tại Thành Phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai và các tỉnh phía Nam. Tuy nhiên, một khảo sát đầy đủ, chi tiết về vấn đề kỹ năng sư phạm của sinh viên tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu của các cơ sở giáo dục và dạy nghề vẫn còn chưa được thực hiện.
- c. Sinh viên có điều kiện học tập, thực hành trong các phòng thí nghiệm, thực hành có trang thiết bị hiện đại của các thương hiệu nổi tiếng như Leybold -CHLB Đức và De Lorenzo Group - Ý, Omron, Panasonic, Rockwell,... Điều này đã giúp cho sinh viên tiếp cận các thiết bị và công nghệ tiên tiến, có tay nghề cao đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động dạy nghề tại các trường nghề [2.5-02].

2. Điểm mạnh:

Chương trình đào tạo với bề dày kinh nghiệm trên 30 năm, được đầu tư trang thiết bị hiện đại đã giúp sinh viên tiếp cận được thiết bị và công nghệ tiên tiến, có tay nghề cao đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động dạy nghề tại các trường nghề.

3. Tồn tại:

Việc khảo sát sinh viên tốt nghiệp chỉ thực hiện chung cho sinh viên tất cả các ngành trong trường, chưa phản ánh riêng cho sinh viên Sư phạm kỹ thuật ngành Điện công nghiệp.

4. Kế hoạch hành động:

Phòng Công tác Học sinh Sinh viên thực hiện khảo sát đánh giá năng lực sinh viên tốt nghiệp theo từng ngành và xây dựng lại mẫu phiếu khảo sát để có thể đánh giá tốt hơn về kiến thức, kỹ năng chuyên môn, kỹ năng sư phạm, thái độ nghề nghiệp theo mục tiêu đào tạo, theo chuẩn đầu ra của chương trình và nhất là khả năng đáp ứng yêu cầu của các cơ sở giáo dục và dạy nghề.

5. Tự đánh giá:

Không đạt yêu cầu tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Quá trình đào tạo tại Trường đã giúp cho người học tiếp cận thiết bị hiện đại, có tay nghề cao đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động dạy nghề tại các trường nghề. Tuy nhiên, việc khảo sát đánh giá năng lực chuyên môn chỉ thực hiện chung cho sinh viên tất cả các ngành trong trường, chưa có khảo sát riêng đối với sinh viên ngành Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp. Trong thời gian tới, Phòng Công Tác Học sinh Sinh viên sẽ tiến hành khảo sát đánh giá năng lực sinh viên từng ngành sau tốt nghiệp, khảo sát và xây dựng mẫu phiếu khảo sát đánh giá kiến thức, kỹ năng chuyên môn, kỹ năng sư phạm, thái độ nghề nghiệp theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình.

Đánh giá chung: Số lượng tiêu chí đạt 5/6; Số lượng tiêu chí không đạt 1/6.

Tiêu chuẩn 6: Cơ sở vật chất phục vụ chương trình.

Mở đầu:

Cơ sở vật chất là yếu tố quan trọng trong việc thực hiện chương trình đào tạo, đặc biệt là việc hình thành kỹ năng thực hành nghề của sinh viên.

Khoa được sử dụng thư viện điện tử của trường, sử dụng hệ thống máy tính nối mạng phục vụ cho nhu cầu truy cập thông tin cho cán bộ giảng viên và người học. Thư viện luôn cung cấp đầy đủ các giáo trình và tài liệu chính cho sinh viên ngành Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp.

Để đáp ứng yêu cầu về việc hình thành và nâng cao kỹ năng nghề, Khoa được nhà trường trang bị các phòng học chuyên đề, các xưởng thực hành và phòng thí nghiệm với đầy đủ các thiết bị, vật tư thực tập, hệ thống máy tính và các phần mềm tin học chuyên dùng.

Ngoài việc sử dụng các trang thiết bị trong các xưởng thực tập, phòng thí nghiệm, sinh viên còn được đưa đi thực hành nghề tại các doanh nghiệp và công ty có các thiết bị công nghệ tiên tiến và thực tập nghiệp vụ sư phạm tại các cơ sở giáo dục, dạy nghề tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh.

Tiêu chí 6.1. Hệ thống thư viện của nhà trường đáp ứng yêu cầu đào tạo của chương trình.

- a. Có thư viện điện tử, đáp ứng yêu cầu truy cập thông tin của cán bộ, giảng viên, người học;
- b. Có đủ đầu giáo trình, sách tham khảo chính, tạp chí, tài liệu chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm đáp ứng các yêu cầu của chương trình và được bổ sung, cập nhật thường xuyên;
- c. Công tác thư viện phục vụ có hiệu quả các hoạt động đào tạo của chương trình.

1. Mô tả:

- a. Cán bộ, giảng viên và sinh viên của Khoa sử dụng Thư viện của Trường để truy cập các thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu giảng dạy và học tập. Hoạt động của Thư viện đã được tin học hóa theo hướng thư viện điện tử.

Nguồn lực thông tin của thư viện điện tử bao gồm các loại sách tham khảo, giáo trình, đồ án, luận án, công trình nghiên cứu khoa học, bài trích báo tạp chí, được đăng tải và chia sẻ trên mạng Internet tại trang web riêng của Thư viện trường có địa chỉ <http://www.thuvienspkt.edu.vn> và <http://www.thuvien.hcmute.edu.vn> [6.1-01]. Trong đó có 72 đầu giáo trình chính chuyên ngành Điện công nghiệp, 11 đầu giáo trình nghiệp vụ sư phạm đã được thư viện số hóa và đăng tải trên hệ thống thư viện điện tử.

Các cán bộ, giảng viên và sinh viên của Khoa có thể truy cập vào thư viện điện tử bằng địa chỉ email do nhà trường cung cấp từ máy tính bất kỳ được nối mạng hoặc tại phòng máy của Thư viện. Giảng viên, sinh viên có thể đọc toàn văn tài liệu trực tiếp trên mạng với thời gian 24 giờ trong ngày hoặc tải về các máy tính cá nhân để khai thác khi cần thiết.

Khoa Điện – Điện tử cũng có trang web riêng, trong đó giới thiệu liên kết tài liệu, giáo trình điện tử và các Web chuyên ngành điện cho giảng viên và sinh viên tham khảo [3.1-02].

Tuy nhiên, việc truy cập vào thư viện điện tử từ các máy tính của Khoa còn khó khăn do tốc độ đường truyền chậm.

- b. Thư viện của Trường cung cấp cho Khoa khoảng 30 đầu giáo trình chuyên ngành Điện công nghiệp, trong đó có nhiều giáo trình do các giảng viên của Khoa Điện – Điện tử biên soạn và xuất bản lưu hành toàn quốc như: Giáo trình Cung cấp điện của thầy Nguyễn Xuân Phú (nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật – 2007); Giáo trình Khí cụ điện của thầy Hồ Xuân Thanh (NXB ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh -2010); Giáo trình CAD trong kỹ thuật điện của thầy Quyền Huy Ánh (NXB ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh -2008); Giáo trình Máy điện đặc biệt của thầy Nguyễn Trọng Thắng (NXB ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh -2008),... [6.1-02].

Sinh viên thuộc chuyên ngành SPKT điện công nghiệp được cung cấp đầy đủ các giáo trình chính của các môn học trong chương trình đào tạo.

Ngoài ra, Thư viện còn cung cấp cho sinh viên của Khoa các tài liệu tham khảo chính, tạp chí và tài liệu chuyên ngành Điện công nghiệp. Đồng thời Thư viện còn có các tài liệu và tạp chí chuyên ngành bằng tiếng Anh giúp sinh viên ngành SPKT Điện công nghiệp phát triển năng lực ngoại ngữ chuyên ngành [6.1-02].

Trong các phòng thực hành, phòng thí nghiệm chuyên môn của ngành Điện công nghiệp luôn có các tài liệu, giáo trình hướng dẫn thực hành, giúp cho sinh viên nhanh tiếp cận với các thiết bị thực hành thí nghiệm [3.4-01, 6.1-03].

Đối với các môn học thuộc nghiệp vụ sư phạm, Thư viện cung cấp 14 đầu giáo trình chính, trong đó có các giáo trình tiêu biểu như: Tâm lý học đại cương, Lý luận dạy học, Kỹ năng dạy học, Phương pháp giảng dạy, Phát triển chương trình đào tạo, Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học,... Đặc biệt thích hợp với chương trình Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp, năm 2008 nhà xuất bản ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh đã xuất bản giáo trình Phương pháp giảng dạy chuyên ngành điện do thầy Nguyễn Trọng Thắng chủ biên [6.1- 02],...

Các giáo trình, tài liệu luôn được bổ sung, cập nhật thường xuyên phù hợp với chương trình đào tạo và được thực hiện theo quy trình của ISO do Thư viện biên soạn. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào chương trình đào tạo của các ngành, Thư viện và các khoa rà soát, thống kê nguồn vốn tài liệu hiện có và nhu cầu giáo trình tài liệu cần bổ sung cập nhật cho học kỳ sau [6.1-04].

- c. Để tăng hiệu quả phục vụ trong việc dạy và học, Thư viện đã biên soạn và thực hiện các quy trình cho mượn và trả sách đối với cán bộ, giảng viên và sinh viên của khoa; trong đó quy định về loại, số lượng và thời gian mượn tư liệu [6.1-04]. Ngoài ra, Thư viện luôn mở cửa để cán bộ, giảng viên và sinh viên của Khoa đọc tại chỗ không hạn chế về số lượng.

Bên cạnh đó, Thư viện cũng thường xuyên tổ chức tăng cường phục vụ sinh viên của Khoa trong những thời gian cao điểm chuẩn bị thi hoặc mỗi cuối và đầu các

học kỳ nhằm giúp sinh viên thuận tiện trong việc mượn trả tài liệu phục vụ cho học tập.

Nhằm giúp sinh viên của Khoa chủ động trong việc học tập, chọn đúng giáo trình, tài liệu học tập phù hợp với từng môn học cụ thể; vào đầu các học kỳ, Thư viện gửi thông báo bằng văn bản về khoa Điện – Điện tử và gửi file qua email, yêu cầu các giảng viên cung cấp thông tin cho sinh viên về giáo trình, tài liệu học tập chính và tài liệu tham khảo của môn học, hướng dẫn sinh viên đến thư viện mượn giáo trình tài liệu cần thiết. Ngoài ra, các giảng viên của Khoa cũng giới thiệu các tài liệu có thể tham khảo thêm qua thư viện điện tử của trường.

2. Điểm mạnh:

Sinh viên chuyên ngành SPKT Điện công nghiệp được cung cấp đầy đủ giáo trình chính và tài liệu tham khảo, đặc biệt là các tài liệu điện tử và các giáo trình về nghiệp vụ sự phạm.

3. Tồn tại:

Tốc độ đường truyền của mạng Internet trong các phòng máy, xưởng của Khoa còn chậm.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ I năm học 2012-2013, nhà trường yêu cầu Trung tâm Thông tin có biện pháp để cải tiến, tăng tốc độ đường truyền của mạng Internet tới các máy tính của Khoa.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.2. Hệ thống thiết bị, vật tư và công nghệ thông tin phục vụ hiệu quả việc dạy và học, đáp ứng yêu cầu của chương trình.

- a. Có đủ thiết bị, vật tư đáp ứng các yêu cầu học tập, thực hành, thí nghiệm;
- b. Có đủ máy tính, hệ thống mạng được khai thác và sử dụng hiệu quả phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu;
- c. Có đủ các phần mềm tin học hỗ trợ các hoạt động đào tạo và công tác quản lý.

1. Mô tả:

- a. Nhà Trường đã trang bị khá đầy đủ các loại thiết bị và phương tiện dạy học cho Khoa Điện – Điện Tử bao gồm các thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập lý thuyết như: máy chiếu, hệ thống âm thanh ở các phòng học chung.

Ngoài ra, Khoa còn được trang bị các xưởng thực hành, các phòng thí nghiệm bao gồm các thiết bị thực hành cơ bản như: Thiết bị thực hành Đo lường điện và thiết bị

đo, thiết bị thực hành Điện cơ bản, thiết bị thực hành Điện tử cơ bản, thiết bị thực hành Kỹ thuật số. Các thiết bị thực hành chuyên sâu cho ngành Điện công nghiệp như: Thiết bị thực hành Cung cấp điện, thiết bị thực hành Điều khiển lập trình, thiết bị thực hành Truyền động điện,... [6.2-01].

Các môn thực tập, thí nghiệm chuyên sâu của ngành Điện công nghiệp được trang bị các thiết bị hiện đại của các công ty nổi tiếng như: Thiết bị Điều khiển lập trình (PLC) của các hãng Siemens, Rockwell, Panasonic, Omron. Các thiết bị thực hành Vi xử lý, Đo lường cảm biến, Thí nghiệm máy điện của Labvolt. Các thiết bị cung cấp điện của General Electrics,... [3.4-03].

Để có đầy đủ chủng loại thiết bị, vật tư đáp ứng yêu cầu học tập, thực hành, thí nghiệm của sinh viên. Vào đầu các học kỳ các giảng viên dạy thực hành – thí nghiệm lập bản dự trù vật tư thực hành cho các môn học và việc cung ứng sẽ được Phòng Thiết bị – Vật tư thực hiện kịp thời [6.2- 02].

Định mức chi phí vật tư thực hành luôn được nhà trường điều chỉnh tăng theo tỷ lệ phần trăm phù hợp với mức giá cả của thiết bị trên thị trường và mức tăng học phí của sinh viên [6.2-03].

Việc trang bị thiết bị và cung cấp vật tư luôn đáp ứng yêu cầu học tập, thực hành và thí nghiệm của sinh viên ngành Điện công nghiệp.

- b. Khoa Điện – Điện Tử được trang bị khoảng 100 máy tính, với những công dụng khác nhau như: phục vụ công tác quản lý và điều hành, giảng dạy thực hành thí nghiệm và nghiên cứu khoa học, học tập và tra cứu thông tin,...

Các xưởng thực tập, phòng thí nghiệm chuyên ngành Điện công nghiệp được trang bị nhiều máy tính nối mạng gắn với các thiết bị thực hành như: Xưởng thực hành PLC Panasonic 15 máy, Phòng PLC Rockwell 20 máy, Phòng thực hành Trang bị điện 20 máy, Phòng thực hành Vi xử lý 30 máy, Phòng thí nghiệm Cung cấp điện GE 25 máy,...

Trong các xưởng thực hành thí nghiệm, các máy tính được sinh viên sử dụng điều khiển các thiết bị thực hành. Ngoài ra, các máy tính trong các phòng thí nghiệm còn được giảng viên, sinh viên của Khoa sử dụng để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

Ngoài việc sử dụng các máy tính các phòng thí nghiệm của Khoa, sinh viên của ngành SPKT Điện công nghiệp còn được sử dụng các phòng máy của Trung tâm máy tính của trường để học các môn “Giải tích mạng và mô phỏng trên máy tính”; “CAD trong kỹ thuật điện” và các môn khác cần học trên máy tính [6.2-04].

Khi có sự cố về máy tính, Khoa kết hợp với Phòng Thiết bị - Vật tư sửa chữa kịp thời phục vụ cho nhu cầu giảng dạy [6.2-05]. Tuy nhiên, do tần suất sử dụng cao, nhiều máy tính mau xuống cấp và bị hư hỏng đột xuất.

Để truy cập thông tin nhanh chóng, ngoài hệ thống máy tính nối mạng, trường còn trang bị cho Khoa hệ thống mạng không dây tại các khu học ngoài trời, khu vực xưởng phòng thí nghiệm, nhằm giúp cho sinh viên của Khoa có điều kiện truy cập thông tin và thực hiện các quá trình học tập theo phương thức mới như eLearning.

Sinh viên ngành SPKT Điện công nghiệp được cung cấp tương đối đầy đủ trang thiết bị tin học phục vụ cho nhu cầu học tập và nghiên cứu.

- c. Các môn học thuộc ngành Điện công nghiệp được các giảng viên sử dụng các phần mềm tin học chuyên ngành để giảng dạy như: Power World, dùng trong tính toán hệ thống truyền tải điện; Ecodial, dùng trong tính toán hệ thống cung cấp điện; Luxican, dùng trong tính toán chiếu sáng; PSS/ADAP, dùng trong tính toán lưới trung thế và hạ thế; PSIM, dùng trong giảng dạy môn điện tử công suất.

Ngoài ra các phần mềm tin học thông dụng như: MATLAB; AUTOCAD, CAD trong kỹ thuật điện còn được các giảng viên sử dụng để hướng dẫn và giảng dạy cho sinh viên của chương trình. Đặc biệt là việc ứng dụng Multimedia trong giảng dạy được áp dụng rất rộng rãi trong khoa Điện – Điện Tử.

Đối với các phần mềm tin học quản lý, thư ký Khoa Điện – Điện tử chỉ sử dụng phần mềm quản lý đào tạo Edusoft để thực hiện các công việc như: nhập điểm thi, kiểm tra; in lịch thi cho sinh viên,... Các phần mềm tin học quản lý liên quan tới các hoạt động khác của Khoa do các phòng ban chức năng quản lý khai thác và sử dụng. Hiện nay Nhà trường đang xây dựng cổng thông tin điện tử, khi được đưa vào sử dụng sẽ giúp cho việc quản lý khai thác các phần mềm quản lý hiệu quả hơn.

2. Điểm mạnh:

Sinh viên được cung cấp đầy đủ thiết bị, vật tư phục vụ cho việc thực tập, thí nghiệm đáp ứng đủ nhu cầu học tập của sinh viên trong chương trình đào tạo.

Có đủ máy tính, hệ thống mạng phục vụ tốt hoạt động dạy và học.

3. Tồn tại:

Các máy tính hư hỏng đột xuất nhiều và mau xuống cấp.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2012-2013, Khoa Điện – Điện tử kết hợp với các phòng ban chức năng, hoàn thiện bộ phận bảo trì sửa chữa máy tính và làm văn bản đề nghị nhà trường có kế hoạch nâng cấp các máy tính trong các phòng thí nghiệm.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.3. Hệ thống phòng chức năng, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ chương trình đủ về số lượng, đảm bảo về diện tích, được khai thác sử dụng có hiệu quả.

- a. Có đủ phòng học, phòng chức năng, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành theo quy chuẩn, đáp ứng yêu cầu triển khai kế hoạch đào tạo;
- b. Phòng học, phòng thí nghiệm, phòng/xưởng thực hành được khai thác và sử dụng hiệu quả;
- c. Được định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa và nâng cấp, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả:

- a. Với quy mô, tính chất đào tạo của mình, trường đã xây dựng hệ thống các phòng học chức năng, phòng chuyên đề phù hợp với nhiều yêu cầu cụ thể, đáp ứng được nhiều quy mô lớp học khác nhau.

Trong những năm đầu, sinh viên của ngành SPKT Điện công nghiệp học các môn đại cương tại các phòng học chung của trường. Trong đó có các phòng học lý thuyết, phòng chuyên đề được trang bị máy tính, máy chiếu, hệ thống âm thanh và các máy chuyên dùng khác. Bình quân diện tích phòng học trên 1 sinh viên là $2,4\text{m}^2/\text{người}$. Ngoài ra sinh viên của khoa còn được học tập, thí nghiệm tại các phòng thí nghiệm Vật lý, phòng máy tính Nhập môn tin học,... Từ năm học thứ 3, sinh viên của Khoa học thực hành và thí nghiệm tại các xưởng chuyên môn và các phòng chuyên đề của Khoa.

Khoa Điện – Điện tử được nhà trường trang bị khoảng 30 phòng thí nghiệm/ xưởng thực hành vụ cho các môn học từ cơ bản đến chuyên sâu với tổng diện tích khoảng 2.400m^2 , trong đó có 14 phòng thí nghiệm/xưởng thực hành thuộc ngành Điện công nghiệp đáp ứng đầy đủ yêu cầu cho việc thí nghiệm/ thực hành của sinh viên [6.2-01].

Sinh viên chuyên ngành SPKT Điện công nghiệp được thực hành các môn cơ bản tại các phòng thực hành, thí nghiệm như: Điện tử cơ bản, có diện tích 100m^2 ; Đo lường và thiết bị đo, có diện tích 75m^2 ; Điện cơ bản, có diện tích 60m^2 .

Ngoài ra sinh viên còn được thí nghiệm, thực hành tại các phòng chuyên môn sâu của chuyên ngành như: phòng thí nghiệm PLC Siemens, có diện tích 100m^2 ; phòng PLC Rockwell, có diện tích 100m^2 ; phòng PLC, biến tần, cảm biến với các thiết bị của Omron, có diện tích 100m^2 ; phòng thí nghiệm Cung cấp điện với các thiết bị General Electrics, có diện tích 120m^2 ; phòng thí nghiệm Máy điện, có diện tích 75m^2 ,...

Trong các phòng trên có thể tổ chức cho 1 hoặc 2 nhóm sinh viên thực hành, thí

thí nghiệm (số lượng từ 20 đến 22 SV/1 nhóm), đảm bảo đầy đủ về thiết bị và diện tích (trên 2,5 m² /1SV) theo yêu cầu của môn học.

Các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành của Khoa có thể đáp ứng các yêu cầu triển khai kế hoạch đào tạo giảng viên trung cấp chuyên nghiệp ngành Điện công nghiệp.

- b. Các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành được khai thác và sử dụng đáp ứng đủ nhu cầu của người học về tiến độ thực hiện chương trình đào tạo, và có hiệu suất sử dụng cao.

Vào đầu học kỳ, Khoa dựa vào chương trình đào tạo để lập kế hoạch thực hành thí nghiệm sao cho các lớp thuộc chương trình đào tạo thực hành đúng thời gian quy định, tận dụng tối đa mặt bằng xưởng hiện có, đáp ứng tốt mục tiêu học đi đôi với hành [6.3-01].

Theo chương trình đào tạo, các môn thực hành thường được bố trí song song hoặc sau môn học lý thuyết từ 1 đến 2 học kỳ. Tuy nhiên tùy theo số lượng sinh viên của chương trình, Khoa đã chủ động điều chỉnh kế hoạch và bố trí các môn thực hành trải đều trong các học kỳ, sao cho các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành không bị quá tải hoặc không bị bỏ trống.

Các phòng thí nghiệm, thực hành của chuyên ngành SPKT Điện công nghiệp được khai thác và sử dụng đúng với công năng thiết kế, thời gian sử dụng khoảng 36 giờ trên 1 tuần.

Sau mỗi học kỳ, Khoa Điện – Điện tử kết hợp với Phòng Thiết bị – Vật tư thực hiện việc tổng kết, đánh giá hiệu quả sử dụng các trang thiết bị của các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành nhằm rút kinh nghiệm cho việc sử dụng khai thác. Trong học kỳ I năm học 2010 – 2011, hiệu quả sử dụng các thiết bị xưởng/ phòng thí nghiệm của Khoa được đánh giá đạt trên 50% [6.3-02].

- c. Các trang thiết bị của các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành luôn được định kỳ bảo trì, sửa chữa.

Việc bảo trì các thiết bị thí nghiệm/thực hành được thực hiện định kỳ theo quy trình của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 do Phòng Thiết Bị – Vật Tư biên soạn. Việc bảo trì các thiết bị thường được các giảng viên phụ trách xưởng và các giảng viên dạy các môn thí nghiệm, thực hành thực hiện vào các thời điểm sau khi kết thúc mỗi học kỳ của năm học và trong học kỳ III.

Việc sửa chữa các thiết bị cũng được thực hiện theo quy trình của Hệ thống quản lý chất lượng ISO [6.3-03].

Trong quá trình thí nghiệm, thực hành, nếu có các thiết bị hư hỏng nhẹ thì các giảng viên dạy xưởng kết hợp với giảng viên phụ trách xưởng cùng tiến hành sửa chữa, khắc phục để kịp thời đưa thiết bị vào sử dụng, phục vụ cho các lớp ca sau.

Nếu có hư hỏng lớn thì lập biên bản xác định hư hỏng và sửa chữa theo các quy trình của ISO.

Ngoài ra để thực hiện tính đồng bộ, nhằm khai thác có hiệu quả các thiết bị xưởng, phục vụ tốt hơn cho việc thí nghiệm/thực hành của sinh viên, hàng năm khoa luôn lập dự trù và được trang bị nâng cấp, bổ sung các thiết bị lẻ [6.3-04].

Tuy nhiên do tần suất sử dụng quá cao nên việc sửa chữa khi có thiết bị hư hỏng đột xuất đôi lúc chưa kịp thời. Các thiết bị mau xuống cấp, việc thay thế chưa thể thực hiện trong thời gian ngắn.

2. Điểm mạnh:

Có đủ các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành tương đối hiện đại để phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu theo yêu cầu của sinh viên ngành Điện công nghiệp.

Thường xuyên trang bị, bổ sung và nâng cấp các trang thiết bị của các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành.

Việc sử dụng các trang thiết bị của các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành đạt hiệu quả cao.

3. Tồn tại:

Việc sửa chữa các thiết bị xưởng khi có hư hỏng đột xuất còn chậm.

4. Kế hoạch hành động:

Từ năm học 2012 – 2013, Khoa Điện – Điện tử kết hợp với Phòng Thiết bị – Vật tư thực hiện việc sửa chữa các thiết bị xưởng, phòng thí nghiệm ngay khi có hư hỏng đột xuất.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.4: Cơ sở thực hành liên kết ở bên ngoài trường đáp ứng yêu cầu đào tạo của chương trình.

- a. Có mối liên hệ với các cơ sở giáo dục , dạy nghề để đảm bảo sẵn sàng hướng dẫn sinh viên thực hành sư phạm;
- b. Có sự thỏa thuận, giúp đỡ của các doanh nghiệp đảm bảo hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tập nghề có hiệu quả;
- c. Cơ sở thực hành liên kết ở bên ngoài trường có các thiết bị công nghệ tiên tiến phù hợp với chương trình giáo dục.

1. Mô tả:

- a. Trong quá trình xây dựng và phát triển, trường ĐHSPKT Tp. Hồ Chí Minh đã có

mối quan hệ rất chặt chẽ với các cơ sở giáo dục, dạy nghề ở khu vực Tp. Hồ Chí Minh. Các cơ sở trên luôn sẵn sàng tiếp nhận sinh viên của Trường tới thực tập sư phạm.

Ở các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, ngành Điện công nghiệp là ngành có số người học nhiều hơn so với các ngành kỹ thuật khác. Vì vậy việc tìm nơi thực tập sư phạm của sinh viên ngành SPKT Điện công nghiệp cũng dễ hơn. Hàng năm, Khoa Sư phạm Kỹ thuật của Trường đã đưa nhiều sinh viên ngành SPKT Điện công nghiệp đi thực tập sư phạm ở nhiều cơ sở giáo dục, dạy nghề khác nhau trên địa bàn khu vực Tp. Hồ Chí Minh như: Trường Trung học Công nghiệp Tp. HCM, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Phú Lâm, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Tp. HCM, Trường Cao đẳng nghề Tp. Hồ Chí Minh,... [5.6-01].

Trường ĐHSPKT Tp. Hồ Chí Minh hiện đang có Trường Trung học Kỹ thuật Thực hành là 1 đơn vị trực thuộc có nhiệm vụ tiếp nhận sinh viên Trường đến thực tập sư phạm [6.4-01]. Ngoài ra, Trường cũng có Trung tâm Việt Đức là đơn vị có đào tạo hệ cao đẳng ngành Điện công nghiệp. Hàng năm, 2 đơn vị này đã tiếp nhận một số lượng lớn sinh viên ngành SPKT Điện công nghiệp tới thực tập sư phạm.

Tuy nhiên, do kế hoạch đào tạo của ngành SPKT Điện công nghiệp và kế hoạch đào tạo của các cơ sở giáo dục khác nhau, nên Khoa Sư phạm kỹ thuật có một số khó khăn trong việc tìm nơi thực tập sư phạm cho sinh viên. Chương trình đào tạo cũng được thực hiện theo học chế tín chỉ, mỗi sinh viên có 1 thời khóa biểu khác nhau, việc xếp thời khóa biểu các môn lý thuyết và thực hành chuyên môn được trải đều trong 15 tuần liên tục; nên khó có thể tìm được thời gian thích hợp để đưa sinh viên đi thực tập sư phạm ở ngoài trường cùng một thời điểm.

- b. Nhiều sinh viên của Trường sau khi tốt nghiệp đã đi làm ở các công ty, nhà máy, xí nghiệp sản xuất và kinh doanh. Những sinh viên này thường có quan hệ chặt chẽ với Khoa thông qua Hội Cựu Sinh Viên của Khoa Điện – Điện tử.

Hàng năm các giảng viên thuộc Bộ môn Điện công nghiệp đã giới thiệu và đưa nhiều sinh viên đến thực hành nghề (thực tập tốt nghiệp) ở các công ty, doanh nghiệp có các thiết bị công nghệ tiên tiến, hiện đại khác nhau trên địa bàn khu vực Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương và các tỉnh thành khác ở khu vực phía Nam [6.4-02].

Vào đầu các năm học, Phòng Công tác Học sinh Sinh viên kết hợp với Khoa lập kế hoạch đưa sinh viên của Khoa đi thực hành nghề, tham quan và làm quen với các thiết bị công nghệ trong thực tế sản xuất. Trong đó, có nhiều sinh viên thuộc ngành Điện công nghiệp.

Nhà trường cũng đã ký kết với các công ty TNHH Datalogic Scanning Việt Nam, Fujikura Fiber Optics Việt Nam, Công ty TNHH Shiseido Việt Nam,... để đưa sinh viên đến tham quan, học tập và thực hành tại các công ty trên [5.4-03].

- c. Ngoài việc đi thực hành ở các doanh nghiệp, sinh viên trong chương trình đào tạo còn được đưa đi tham quan tiếp cận với các thiết bị công nghệ tiên tiến ở một số công ty như Fujitsu, Renesas,... Tại các công ty này, sinh viên ngành Điện công nghiệp có thể tiếp cận làm quen và thực hành với hệ thống cung cấp, phân phối điện hiện đại. Các tủ và các thiết bị điện được sản xuất lắp đặt theo tiêu chuẩn EU. Ngoài ra sinh viên còn có thể được tiếp cận, thực hành trên các dây chuyền công nghệ hiện đại, điều khiển theo chương trình và kết hợp với các hệ thống điều khiển điện, khí nén, thủy lực vv ...

Từ năm 2011 nhà trường đã đưa vào khai thác và sử dụng cơ sở vật chất thuộc Dự án phát triển giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp tại cơ sở 2 của trường. Đây cũng là nơi mà sinh viên thuộc chương trình đào tạo Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp có thể tới thực hành, học tập và bồi dưỡng về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm.

2. Điểm mạnh:

Sinh viên được đi thực tập sư phạm ở nhiều cơ sở giáo dục, dạy nghề khác nhau, đặc biệt là Trường Trung học Kỹ thuật Thực hành.

Sinh viên được đưa đến thực hành nghề, thực tập tốt nghiệp tại nhiều công ty doanh nghiệp có các thiết bị công nghệ tiên tiến.

3. Tồn tại:

Thời điểm sinh viên đi thực tập sư phạm không phù hợp với kế hoạch đào tạo của các cơ sở giáo dục, dạy nghề.

Việc xếp thời khóa biểu theo học chế tín chỉ trong các học kỳ gây khó khăn cho việc đưa sinh viên đi thực tập sư phạm ở các cơ sở giáo dục bên ngoài.

4. Kế hoạch hành động:

Từ học kỳ I năm học 2012 – 2013, Khoa Điện – Điện tử phối hợp với Phòng Đào tạo, Khoa Sư phạm Kỹ thuật điều chỉnh kế hoạch đào tạo của từng học kỳ, để thuận tiện cho việc đưa sinh viên đi thực tập sư phạm.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất phục vụ chương trình có những điểm mạnh cần phát huy như sau:

- Hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu về giáo trình chính và tài liệu tham khảo cho sinh viên chuyên ngành SPKT Điện công nghiệp, đặc biệt là các tài liệu điện tử và các giáo trình về nghiệp vụ sư phạm.

- Khoa được trang bị tương đối đầy đủ các phòng học chức năng; xưởng thực hành, phòng thí nghiệm; thiết bị, vật tư phục vụ cho việc thực hành, thí nghiệm đáp ứng đủ nhu cầu học tập của sinh viên trong chương trình đào tạo.
- Có nhiều phần mềm tin học phục vụ cho các môn học chuyên môn, đáp ứng tốt hoạt động giảng dạy và học tập.
- Sinh viên chuyên ngành SPKT Điện công nghiệp được đi thực tập sư phạm ở nhiều cơ sở giáo dục, dạy nghề khác nhau và thực tập nghề ở nhiều xí nghiệp có thiết bị công nghệ hiện đại.

Tuy nhiên song song với những điểm mạnh vẫn còn những tồn tại cần khắc phục cải tiến như sau:

- Tốc độ truyền dữ liệu của mạng cho các máy tính của Khoa còn chậm, chưa đáp ứng nhu cầu truy cập thông tin của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Việc sửa chữa các thiết bị xưởng khi có hư hỏng đột xuất còn chậm.
- Thời điểm sinh viên đi thực tập sư phạm chưa phù hợp với kế hoạch đào tạo của các cơ sở giáo dục, dạy nghề.

Từ năm học 2012-2013, Khoa Điện – Điện tử phối hợp với các Phòng Đào tạo, Phòng Thiết bị – Vật tư, Khoa Sư phạm Kỹ thuật, Trung tâm Thông tin cải tiến tổ c độ đường truyền Internet , đẩy nhanh tiến độ sửa chữa các hư hỏng đột xuất và điều chỉnh kế hoạch thực tập sư phạm cho phù hợp với cơ sở thực tập hơn.

Đánh giá chung: Số lượng tiêu chí đạt 4/4; Số lượng tiêu chí không đạt 0/4.

Tiêu chuẩn 7: Công tác tài chính phục vụ chương trình

Mở đầu:

Tài chính luôn là yếu tố quan trọng đảm bảo tổ chức và duy trì các hoạt động đào tạo. Là một cơ sở đào tạo công lập, mọi hoạt động tài chính trong nhà trường đều tuân thủ nghiêm túc các quy định, nguyên tắc về tài chính công. Từ năm 2003, Trường được giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định 10/2002/NĐ-CP ngày 16/01/2002 và tiếp theo là Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006, Trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và từ đó mọi các hoạt động chi tiêu đều thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

Hàng năm công tác kế hoạch phân bổ nguồn tài chính được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, bám sát nhu cầu thực tế hoạt động của Nhà trường, có định hướng chiến lược trong đầu tư, hướng đến các mục tiêu phát triển lâu dài của nhà trường, đồng thời quan tâm thỏa đáng đến các quyền lợi chính đáng của người học cũng như đời sống của cán bộ giảng dạy và phục vụ giảng dạy.

Từ khi được giao quyền tự chủ, Trường đã chủ động khai thác nhiều nguồn lực, tăng

thu từ các nguồn thu hợp pháp, quy mô nguồn tài chính của Nhà trường tăng lên hàng năm, cơ sở vật chất được đầu tư thỏa đáng đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và nâng cao thu nhập cho cán bộ viên chức. Đồng thời với việc đảm bảo tính hiệu quả trong chi tiêu, Trường luôn coi trọng công tác công khai tài chính hàng năm từ khâu kế hoạch đến chi tiết quyết toán năm.

Tiêu chí 7.1. Có kế hoạch tài chính, phân bổ tài chính đúng quy định, công khai, đảm bảo phục vụ hiệu quả các hoạt động của chương trình.

- a. Có kế hoạch tài chính thực hiện theo quy định và được công bố công khai;
- b. Có sự tham gia của các đơn vị thực hiện chương trình trong việc xây dựng kế hoạch và phân bổ tài chính cho các hoạt động của chương trình;
- c. Đảm bảo kinh phí được phân bổ đúng quy định, phục vụ hiệu quả các hoạt động của chương trình.

1. Mô tả:

- a. Kế hoạch tài chính được xây dựng trên nguyên tắc: đảm bảo phù hợp với quy định nhà nước, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và Mục tiêu chất lượng năm học.

Hàng năm vào tháng 6 năm trước, Trường lập kế hoạch thu chi Ngân sách nhà nước (NSNN) cho năm sau theo đúng thời hạn và mẫu biểu quy định theo văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm dự toán thu chi NSNN và dự toán chi đầu tư [7.1-01]. Công tác lập kế hoạch được phân công cụ thể cho từng đơn vị chức năng của Nhà trường lập theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Sau khi được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thông qua và được Hiệu trưởng phê duyệt; dự thảo kế hoạch tài chính hàng năm của nhà trường được công khai bằng văn bản và gửi đến tất cả các đơn vị trực thuộc [7.1-02].

Theo phân cấp quản lý của Trường, việc quản lý chương trình ở góc độ tài chính được giao đến cấp khoa và bộ môn. Cụ thể: Trong từng học kỳ, theo Quy chế chi tiêu nội bộ của trường, Nhà trường thông báo phân bổ kinh phí quản lý Khoa tương ứng 1% số học phí dự kiến thu được trong học kỳ để Khoa chủ động tổ chức các hoạt động thuộc thẩm quyền Khoa quyết định [4.4-01]. Khoa tổ chức họp và lập kế hoạch chi tiết theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ [7.1-03], sau đó tạm ứng tiền để thực hiện.

Tuy nhiên, với cơ chế tự chủ theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ, Trường tự chủ tài chính trong phạm vi nguồn thu bị giới hạn bởi mức trần học phí. Do vậy, thực tế hiện nay suất đầu tư tính trên đầu sinh viên còn thấp, kinh phí dành cho công tác tổ chức đào tạo cân đối trên cơ sở nguồn thu học phí thấp; điều này phần nào làm hạn chế nỗ lực nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

- b. Để phù hợp với tình hình thực tế nhà trường, sau khi có Kế hoạch phân giao NSNN hàng năm chính thức của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường lập kế hoạch tài chính tổng thể cho từng hoạt động trong phạm vi toàn trường. Bảng Dự thảo kế hoạch tài chính hàng năm được báo cáo cùng với báo cáo quyết toán tài chính năm trước để làm cơ sở so sánh và được trình bày, thảo luận công khai trong phiên họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường với thành phần gồm tất cả lãnh đạo các đơn vị và các giảng viên có học vị tiến sĩ trở lên [7.1-04].

Đối với công tác đầu tư mua sắm và sửa chữa: hàng năm phòng Phòng Thiết bị – Vật tư và Phòng Quản trị và Quản lý dự án ra thông báo đề nghị các khoa tổ chức lập dự án đầu tư trang thiết bị, lập kế hoạch mua sắm thiết bị lẻ và sửa chữa trang thiết bị cũng như sửa chữa, chống xuống cấp nhà xưởng, phòng học, nhà làm việc,... Sau khi tổng hợp nhu cầu thực tế từ các khoa, phòng chức năng sẽ tổng hợp nhu cầu kinh phí mua sắm, sửa chữa chuyển Phòng Kế hoạch Tài chính tổng hợp cân đối chung toàn trường và lập kế hoạch phân bổ kinh phí cho hoạt động đầu tư trong phạm vi toàn trường [7.1-05].

Đối với công tác mua vật tư thực tập hay thực tập sư phạm ngoài trường, trường có quy định định mức chi (theo đầu sinh viên) cho từng ngành quy định trong Quy chế và có điều chỉnh, bổ sung định kỳ [7.1-06]. Căn cứ theo định mức chi, giảng viên phụ trách lớp lập dự trù chi tiết, lãnh đạo cấp bộ môn và cấp khoa phê duyệt [7.1-07]. Căn cứ theo dự trù, phòng chức năng của Trường chịu trách nhiệm cung ứng vật tư theo dự trù và chi kinh phí thực tập cho giảng viên trực tiếp phụ trách lớp.

Việc xây dựng kế hoạch tài chính ở cấp khoa chủ yếu là kế hoạch đầu tư và sửa chữa trang thiết bị, cũng như kế hoạch mua vật tư thực tập chuyên môn theo định mức do trường quy định. Công tác phân bổ tài chính được quy định trong phạm vi 1% nguồn thu học phí trường phân bổ theo từng học kỳ.

- c. Nguồn kinh phí dự thu trong năm được phân bổ hợp lý cho tất cả các hoạt động trong toàn trường, phục vụ hiệu quả công tác tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học, cân đối với các nguồn thu, đảm bảo nguồn tích lũy (Quỹ đầu tư và phát triển) để đầu tư chiều sâu và đáp ứng chiến lược phát triển chung của nhà trường.

Phần kinh phí giao quyền tự chủ cho hoạt động cấp khoa thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ Trường, theo đó các Khoa được giao kinh phí 1% tổng học phí thu được. Số kinh phí này từng học kỳ được phân bổ cho các Khoa theo chỉ tiêu quy mô sinh viên và số lượng cán bộ giảng dạy. Việc phân bổ được thông báo công khai toàn trường [7.1-08].

Theo mức kinh phí được phân bổ cho Khoa, lãnh đạo khoa họp bàn với các bộ môn lập kế hoạch phân bổ cho các hoạt động theo mục tiêu chất lượng và theo các nội dung quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ. Phòng Kế hoạch Tài chính được

trường giao nhiệm vụ soát xét thanh quyết toán các nội dung chi khoản kinh phí này theo đúng Quy chế chi tiêu nội bộ.

2. Điểm mạnh:

Kế hoạch tài chính hàng năm được xây dựng chi tiết, đúng quy định và được công bố công khai. Lãnh đạo các Khoa, Trung tâm trực tiếp quản lý và thực hiện các chương trình đào tạo có tham gia bàn bạc, thảo luận trong quá trình xây dựng kế hoạch và phân bổ nguồn tài chính. Nhờ đó, nguồn kinh phí dự thu hàng năm được phân bổ đúng quy định, phục vụ hiệu quả các hoạt động đào tạo và có tích lũy để tái đầu tư và phát triển lâu dài.

3. Tồn tại:

Trong phạm vi nguồn thu, kinh phí dành cho công tác tổ chức đào tạo cũng như suất đầu tư tính trên đầu sinh viên còn thấp, phần nào làm hạn chế nỗ lực nâng cao chất lượng đào tạo.

4. Kế hoạch hành động:

Nỗ lực khai thác các nguồn thu từ các nguồn lực hiện có của Trường để bổ sung kinh phí dành cho công tác đào tạo và đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học theo chuyên ngành. Kế hoạch hành động được xác định tập trung theo 2 hướng cơ bản:

- Khai thác dịch vụ đào tạo ngắn hạn, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ phù hợp với chuyên môn của ngành.
- Quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp ngành nghề đào tạo để tìm nguồn tài trợ và hợp tác cung ứng nguồn nhân lực, hướng đến đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.2. Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát, đánh giá, báo cáo về tài chính của chương trình theo quy định.

- a. Có quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo đúng quy định và công khai;
- b. Có cơ chế tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên tham gia kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính của chương trình;
- c. Hằng năm có báo cáo quyết toán và đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính phục vụ hoạt động của chương trình.

1. Mô tả:

- a. Từ năm 2003, thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 10/2002/NĐ-CP ngày

16/01/2002 của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp có thu, Trường đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ khá hoàn chỉnh. Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành được xây dựng theo Thông tư 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Quy chế được thảo luận công khai, dân chủ trong đơn vị, có ý kiến thống nhất của tổ chức công đoàn trường. Hiệu trưởng ký ban hành và gửi bằng văn bản đến tất cả các đơn vị trong trường để làm cơ sở giám sát các hoạt động chi tiêu trong toàn trường [4.4-01]. Quy chế chi tiêu nội bộ được gửi cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, giám sát thực hiện và gửi Kho bạc Nhà nước nơi Trường mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi. Quy chế chi tiêu nội bộ thường xuyên được sửa đổi, bổ sung và cập nhật kịp thời cho phù hợp với yêu cầu phát triển của Nhà trường và theo các ý kiến góp ý của cán bộ, giảng viên cũng như theo quy định mới của Nhà nước [7.2-01].

Theo quy định về phân cấp quản lý tài chính trong Quy chế chi tiêu nội bộ của trường, phần kinh phí giao tự chủ cho khoa quá nhỏ (1% số học phí dự kiến thu được trong học kỳ), do vậy chưa có quy chế chi tiêu nội bộ riêng ở cấp Khoa.

- b. Hàng năm, nhà trường thành lập tổ kiểm tra nội bộ thực hiện hoạt động tự kiểm tra Báo cáo quyết toán tài chính năm trước theo đúng Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước và Công văn của Bộ Giáo dục và Đào tạo số 5636/BGD&ĐT-KHTC ngày 06/7/2005 hướng dẫn thực hiện công tác tự kiểm tra theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC của Bộ Tài chính [7.2-02].

Định kỳ theo từng học kỳ, trong buổi họp sơ kết học kỳ và họp tổng kết năm, cũng như hội nghị cán bộ viên chức cấp khoa, lãnh đạo Khoa báo cáo công khai tình hình sử dụng phần kinh phí 1% được giao cho Khoa cũng như lắng nghe các ý kiến thảo luận, đóng góp của CBVC Khoa về các mặt hoạt động của Khoa, bao gồm cả hoạt động tài chính đầu tư cho công tác giảng dạy và học tập [1.1-05].

- c. Báo cáo quyết toán về tài chính được báo cáo và thảo luận công khai tại Hội nghị cán bộ chủ chốt nhà trường được tổ chức trong dịp hè và báo cáo tại Hội nghị cán bộ viên chức được tổ chức hàng năm với thành phần tham dự gồm lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo các đơn vị, bí thư chi bộ, chủ tịch Công đoàn, bí thư Đoàn Thanh niên, các tiến sỹ và đại diện CBVC được đơn vị bầu chọn [7.2-03]. Báo cáo này đã được Phòng Kế hoạch – Tài chính chuẩn hóa nội dung và các chỉ tiêu tài chính cho phù hợp với đối tượng thầy cô giáo, nhưng do báo cáo có nhiều thuật ngữ chuyên môn và quá nhiều số liệu nên một số CBVC còn gặp khó khăn trong việc nắm bắt nội dung.

Tháng 7 năm 2011, nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện cơ chế tự chủ tài chính 2006-2010. Hội nghị đã tổng kết, đánh giá tình hình tài chính qua quá trình 5 năm thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ [7.2-04] và rút ra những bài học quý giá nhằm xúc tiến các biện pháp tự chủ tìm nguồn thu góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao thu nhập CBVC và phục vụ chiến lược phát triển nhà trường.

Đối với phần kinh phí thực tế mang tính hỗ trợ cho các hoạt động chung và giao quyền tự chủ cho khoa, Khoa lập kế hoạch sử dụng theo nhu cầu thực tế và lập báo cáo quyết toán với nhà trường theo đúng thủ tục tài chính và đúng quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ.

2. Điểm mạnh:

Công tác lập kế hoạch và quyết toán tài chính hàng năm được thực hiện công khai nghiêm túc. Hình thức công khai đa dạng (báo cáo, thảo luận trực tiếp tại hội nghị và báo cáo bằng văn bản). Cán bộ giảng viên có đầy đủ cơ sở để giám sát việc sử dụng các nguồn tài chính trong nhà trường thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ và cơ chế tự kiểm tra theo quy định hiện hành.

3. Tồn tại:

Nội dung của báo cáo tài chính có nhiều số liệu chi tiết và thuật ngữ chuyên môn nên một số CBVC gặp khó khăn trong việc nắm bắt nội dung công khai tài chính.

4. Kế hoạch hành động:

Phòng Kế hoạch Tài chính, đơn vị chuyên môn mảng tài chính của Trường có trách nhiệm trao đổi, giải thích nội dung các báo cáo công khai tài chính khi cán bộ, giảng viên có yêu cầu.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.3. Tạo nguồn tài chính hợp pháp hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học liên quan đến chương trình và nâng cao đời sống cán bộ, giảng viên và nhân viên thuộc chương trình.

- a. Có nguồn tài chính hợp pháp hỗ trợ các hoạt động của chương trình;
- b. Có nguồn tài chính hợp pháp hỗ trợ công tác nghiên cứu khoa học;
- c. Có nguồn tài chính hợp pháp hỗ trợ nâng cao thu nhập cho cán bộ, giảng viên và nhân viên.

1. Mô tả:

- a. Thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm

2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, nhiều năm qua Trường đã nỗ lực khai thác các nguồn lực và lợi thế hiện có của mình để xây dựng cơ chế và tổ chức các hoạt động nhằm tạo nguồn tài chính hợp pháp để hỗ trợ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học bao gồm việc xúc tiến thành lập mới và đẩy mạnh hoạt động của các đơn vị cung cấp dịch vụ tạo nguồn thu như: Thành lập các Trung tâm Chuyển giao công nghệ, Trung tâm Hợp tác đào tạo quốc tế, Trung tâm Tư vấn thiết kế chế tạo thiết bị công nghiệp, Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ môi trường, Trung tâm Nghiên cứu và chuyển giao công nghệ xây dựng, Trung tâm Bồi dưỡng giáo viên và Đào tạo nhân lực công nghệ cao. Ngoài ra, Trường cũng nỗ lực khai thác các nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ phục vụ cho sinh viên như xây dựng mới Căn tin, Siêu thị sinh viên.

Ngoài khoản kinh phí quản lý khoa hàng năm do Trường phân bổ, Khoa cũng nỗ lực tìm nguồn thu bằng cách tổ chức các chuyên đề bồi dưỡng nâng cao trình độ tạo nguồn thu để hỗ trợ nâng cao đời sống cho cán bộ trong Khoa, đồng thời tạo động lực cho cán bộ giảng dạy nghiên cứu cập nhật kỹ thuật hoặc công nghệ mới. Hoạt động tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ được thực hiện theo quy định của Nhà trường [7.3-01].

- b. Công tác nghiên cứu khoa học được nhà trường đặc biệt quan tâm. Hàng năm, ngoài nguồn kinh phí NSNN phân bổ từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường còn dành khoản kinh phí đáng kể từ các nguồn thu hợp pháp khác (như hợp đồng đào tạo, cho thuê mặt bằng,...) để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu khoa học và hoạt động khoa học và công nghệ nói chung. Những năm qua, chưa có đề tài nghiên cứu khoa học nào bị từ chối triển khai vì lý do thiếu kinh phí. Phong trào Robocon của Trường đạt thành tựu lớn và trở thành sân chơi trí tuệ cho sinh viên cũng xuất phát từ sự quan tâm và đầu tư của nhà trường.
- c. Trong những năm qua, nguồn thu dịch vụ là một trong những nguồn thu đã đóng góp kinh phí cho nhiều hoạt động của Trường, trong đó một phần tạo thu nhập cho cán bộ, giảng viên. Thu nhập cho cán bộ viên chức hàng năm được nâng cao từ 10% đến 15% trong bối cảnh nhà trường đã được giao cơ chế tự chủ tài chính và nguồn tài chính NSNN cấp ổn định cho thấy nỗ lực rất lớn của nhà trường trong việc huy động, khai thác các nguồn thu.

Riêng ở cấp khoa, Khoa Điện – Điện tử cũng đã tạo thêm nguồn thu nhập cho cán bộ giảng dạy trong khoa thông qua việc chiêu sinh, mở các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Tuy nhiên, thu nhập của cán bộ công chức vẫn còn thấp so với nhu cầu sống, đặc biệt đối với cán bộ trẻ.

2. Điểm mạnh:

Trường đã khai thác hiệu quả các nguồn lực và lợi thế của mình để tạo nguồn tài chính phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, từng bước nâng cao đời sống cán bộ viên chức và tích lũy để đầu tư phát triển cơ sở vật chất đáp ứng chiến lược phát triển lâu dài của trường.

3. Tồn tại:

Thu nhập cho cán bộ viên chức mặc dù được cải thiện hàng năm, tuy nhiên vẫn còn chưa đáp ứng đủ nhu cầu cần thiết cho cuộc sống.

4. Kế hoạch hành động:

Khoa Điện – Điện tử đã có kế hoạch đẩy mạnh các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ, sản xuất thiết bị dạy học từ đó gắn NCKH với việc nâng cao thu nhập của giảng viên.

5. Tự đánh giá:

Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Hoạt động tài chính của nhà trường luôn được đặc biệt quan tâm, đảm bảo thu đủ, nguồn thu hợp lý, thu đúng chế độ quy định. Chính sách chi tiêu thận trọng, phân bổ hợp lý cho các hoạt động tổ chức đào tạo, bám sát mục tiêu chất lượng và nhiệm vụ chính trị được giao.

Tuy nhiên, việc làm tăng nguồn thu hợp pháp đang là thách thức đối với nhà trường. Trong thời gian tới, nhà trường sẽ có kế hoạch tăng cường hiệu quả các hoạt động dịch vụ đào tạo ngắn hạn, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, hợp tác với các tổ chức doanh nghiệp, tìm kiếm nguồn tài trợ để có thêm kinh phí đầu tư cho nguồn nhân lực và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy.

Đánh giá chung: Số lượng tiêu chí đạt 3/3; Số lượng tiêu chí không đạt 0/3.

D. Kết quả đạt được và kiến nghị

Việc triển khai công tác tự đánh giá chương trình giáo dục cử nhân SPKT ngành Điện công nghiệp có ý nghĩa quan trọng. Đây là dịp để Nhà trường tự đánh giá được chất lượng đào tạo. Qua đó thấy được những mặt mạnh, những hạn chế trong công tác quản lý, đào tạo, trong các hoạt động chuyên môn chủ yếu của Nhà trường nói chung và Khoa Điện – Điện tử nói riêng và nhìn nhận một cách tường minh hơn những điều kiện để đảm bảo thực hiện sứ mạng của đơn vị đang ở mức nào.

Từ việc tự đánh giá đối chiếu với các tiêu chuẩn, Nhà trường và Khoa Điện – Điện tử

sẽ đề xuất được những giải pháp khắc phục hoặc xóa bỏ những thiếu sót, yếu kém trong quá trình triển khai hoạt động đào tạo nhằm từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng về mọi mặt của Khoa Điện – Điện tử và Nhà trường.

1. Các biện pháp và các hoạt động cần thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo

- Tập trung cho xây dựng các chiến lược phát triển đội ngũ, nghiên cứu khoa học và quan hệ quốc tế.
- Tiếp tục rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo và số tín chỉ cho phù hợp.
- Tổ chức nhiều hơn nữa các lớp bồi dưỡng chuyên môn, phương pháp giảng dạy cho cán bộ giảng dạy trẻ.
- Trang bị thêm các phòng học đa phương tiện để phục vụ công tác đổi mới phương pháp giảng dạy.
- Hoạt động kiểm tra thi: Hoàn chỉnh và công bố ngân hàng câu hỏi thi của các môn học một cách rộng rãi cho sinh viên tham khảo.
- Lập dự án và thực hiện việc xây mới ký túc xá.
- Thành lập nhiều nhóm hoạt động không chỉ theo Khoa mà hướng tới hoạt động theo các đam mê lành mạnh như câu lạc bộ nhiếp ảnh, câu lạc bộ tin học....
- Tăng cường các hoạt động ngoại khóa, các lớp kỹ năng.
- Xây dựng chi bộ Đảng sinh viên hoạt động hiệu quả.
- Tạo môi trường học tập hiện đại, phủ sóng Wifi cho sinh viên có điều kiện truy cập internet miễn phí.
- Định hướng phát triển hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài, duy trì và phát triển mô hình đào tạo chất lượng cao nhằm tăng nguồn lực phục vụ cho kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Hiệu quả của các hoạt động tự đánh giá

Hoạt động tự đánh giá đã được triển khai đồng bộ cho Khoa Điện – Điện tử mà trực tiếp thực hiện là bộ môn Điện công nghiệp, đã huy động được nhiều thành phần cùng tham gia. Do đó, đến tháng 4/2012, cùng với sự giúp đỡ của các chuyên gia tư vấn, báo cáo Tự đánh giá đã cơ bản hoàn thành. Thực sự được đầu tư thời gian, công sức, báo cáo đã đánh giá được tổng thể các hoạt động của nhà trường theo yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng, đồng thời thể hiện được nét đặc thù của chương trình giáo dục cử nhân SPKT Điện công nghiệp.

Quá trình Tự đánh giá thực sự là một hoạt động thiết thực và là một cơ hội để tự nhận thức, chỉ ra được những điểm mạnh và điểm yếu của chương trình đào tạo. Báo cáo Tự đánh giá đã mô tả được thực trạng chương trình giáo dục SPKT Điện công nghiệp

đang ngày càng phát triển và trải qua những điều chỉnh quan trọng.

3. Đề xuất thời gian tiến hành đợt tự đánh giá tiếp theo

Đề nghị đợt tự đánh giá tiếp theo là từ năm 2017, khi khóa đào tạo ngành SPKT Điện công nghiệp theo chương trình 150 tín chỉ với tên mới là Sư phạm Công nghệ Kỹ thuật Điện – Điện tử bắt đầu có sinh viên tốt nghiệp.

4. Kiến nghị

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định kết quả tự đánh giá và công nhận chương trình giáo dục Sư phạm kỹ thuật Điện công nghiệp của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của Bộ.

PHỤ LỤC